

Số 345

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

**Năm đặc tính
của Tỷ-kheo**

Tr. 18

Khái quát về
giáo dục

Tr. 6

Du Nam ở Nam Du

Tr. 56

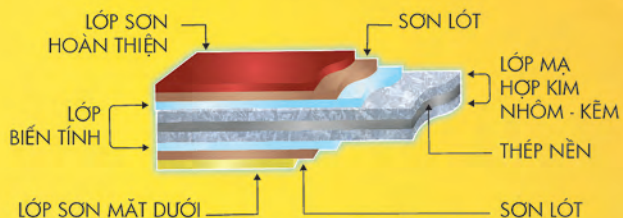


HOA SEN GOLD

CHẤT LƯỢNG VÀNG



CẤU TRÚC SẢN PHẨM



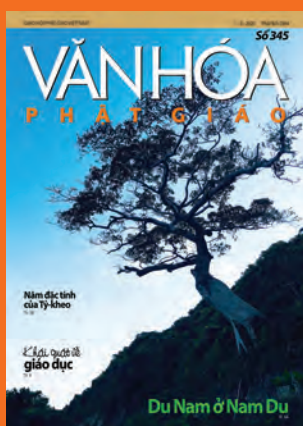
(*): Điều kiện và điều khoản bảo hành theo chính sách của Tập đoàn Hoa Sen.



BẢO HÀNH CAM KẾT 30 NĂM



www.hoasengroup.vn



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH HẢI AN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÃN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhpg@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản:
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TPHCM

Phát hành và Quảng cáo
liên hệ: Kim Sa, Dd 0938305930

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Buông bỏ bè khi tới bờ bên kia (Nguyễn Hữu Đức)	4
Khái quát về giáo dục (Thích Giác Toàn)	6
Đọc sách Từng Bước Chân Nở Hoa của Ko Un (Nguyễn Thế Đăng)	11
Sự thức tỉnh lớn của vua Pasenadi (Thái Hằng)	14
Năm đặc tính của Tỷ-kheo (Thích Trung Định)	18
Tầm sư (Huyền Minh)	20
Một nhà sư giữa các linh mục (Guoying Stacy Zhang, Cao Huy Hóa dịch)	23
Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cày (Nguyễn Cẩn)	26
Vài nét về Khoa cử Nho học ở Nam kỳ thế kỷ XIX (Cao Văn Thúc)	29
"Mơ được làm tên lính quen dưới cờ vua Quang Trung..." (Nguyễn An)	32
Ngày dần trôi (Trần Minh Nguyệt)	35
Việc giữ nghiêm kỷ cương phép nước dưới thời Minh Mệnh (Tôn Thất Thọ)	38
Cảm ơn Corona (Lê Hải Đăng)	40
Buồn thay đám giỗ thời nay (Đặng Đức)	42
Ở phía chân trời (Hoàng Khánh Duy)	44
Đò về quê ngoại (Nguyễn Quốc Thanh)	46
Thơ (Hoài Minh, Trần Thái Học, Lê Thị Ngọc Nữ, Huỳnh Thị Kim Cương, Tường Nhi, Nguyễn Như, Hoa Tuyết)	48
Có cả nụ cười (Nguyễn Trọng Hoạt)	50
Thúng mủng Bao La (Trần Nguyễn Khánh Phong)	53
Du Nam ở Nam Du (Trần Vọng Đức)	56
Tản mạn về những chuyến đi (Trần Đức Tuấn)	59

Bìa 1: Một góc đảo Nam Du. Ảnh: Trần Vọng Đức

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Sau khi Văn Hóa Phật Giáo tạm nghỉ một số do hưởng ứng chủ trương giãn cách xã hội để chống dịch, đến nay tòa soạn đã liên tục phát hành được ba số báo tiếp theo. Đây là câu trả lời phần nào trước việc các vị thân hữu vẫn quan tâm đến tình hình khó khăn của Tạp chí do ảnh hưởng của dịch bệnh.

Dĩ nhiên, trong thời gian vừa qua, và có thể là trong sắp tới, cũng như nhiều ngành nghề khác trong xã hội, VHPG đã phải chịu nhiều lỗ lã, phải chấp nhận giảm thu nhập. Nhưng như trên đã nêu, chúng tôi vẫn đang cố gắng hoạt động và ba số báo vừa qua đã được phát hành đều đặn, đúng hạn; cũng đủ nói lên quyết tâm phục vụ độc giả của Văn Hóa Phật Giáo.

Nhân đây chúng tôi cũng xin trả lời chung về việc một số độc giả có nêu nhận định về các truyện ngắn, đồng thời muốn biết về các tác giả truyện ngắn: Chúng tôi chọn truyện ngắn có nội dung thể hiện được tinh thần nhân đạo; thái độ chùng mịch trong các vấn đề đời sống văn hóa, kinh tế xã hội; khát vọng xây dựng một cuộc sống hài hòa, hướng thiện; nêu những cảm nghĩ, hành vi tốt đẹp về lòng nhân đạo, tính chất cao thượng; lòng yêu người, yêu quê hương và yêu thiên nhiên; phù hợp với giáo lý của Đức Phật. Một số ít các tác giả đã có danh phận, đa số là những người yêu văn chương và nội dung truyện phù hợp với chủ trương chung của VHPG. Cũng xin nói thêm rằng tranh minh họa cho truyện ngắn được thực hiện bởi một “họa sĩ bất đắc dĩ”, cư sĩ Phó Tổng Biên tập Thường trực.

Một lần nữa, chúng tôi cũng xin nhắc các tác giả mới gửi bài cộng tác, rằng trước khi gửi bài cho báo, quý vị nên đọc trước vài ba số báo VHPG đã phát hành trước đó để có khái niệm về nội dung và cách trình bày các bài viết trong VHPG. Chúng tôi rất tiếc phải tạm gác một số bài viết có thể có giá trị nhưng lại không phù hợp với chủ trương của báo.

Kính chúc quý độc giả an khang, đồng thời vẫn tiếp tục cẩn thận tuân theo những hướng dẫn của Nhà nước và các cơ quan chuyên môn trong việc phòng chống dịch.

Nguyễn cầu Tam bảo phù hộ
cho tất cả chúng ta.

Văn Hóa Phật Giáo



Các lậu hoặc đã đoạn,
Sân hận được trừ diệt,
Vị ấy được Ta gọi,
Là vị Bà-la-môn.
*(Kinh Phật tự thuyết,
Udana 1-3)*

Buông bỏ bè khi tới bờ bên kia

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Gánh nặng và ảo tưởng của tự do

Tôi có thú vui vẽ tranh biếm họa khi có giờ rảnh. Để rên nghề tay trái này, tôi thường xem tranh biếm họa nước ngoài. Mới đây tôi đã được xem hai tranh nước ngoài. Hai tranh này không chỉ làm tôi mỉm cười vì nét vẽ hài hước mà mà trong đầu tôi nảy ra những suy nghĩ sâu xa hơn, so với những lần thường ngoạn tranh biếm trước đây...

Trước hết là tranh biếm của họa sĩ người Nga Victor Bogorad (nguồn: Cartoon Gallery, *xem tranh*). Tranh có tựa “*Gánh nặng của tự do*”. Tranh diễn tả nỗi khổ cho cái... tư tưởng nô lệ của một con chim vì đã thoát khỏi lồng (cửa lồng đã mở toang rồi), thế mà lại phải còng lưng cõng hoài cái lồng như cái gánh nặng đi suốt cuộc đời còn lại!



Tranh của họa sĩ Victor Bogorad
(nguồn: Cartoon Gallery)

Tranh biếm thứ hai là của họa sĩ Shaditoun người Syria (nguồn: Cartoon Movement, *xem tranh*). Tranh có tựa “*Ảo tưởng của tự do*”. Tranh diễn tả một người mừng rỡ vui hết cỡ vì thoát ra khỏi chiếc lồng nhốt mình từ bấy lâu nay. Tưởng là thoát lồng hưởng được tự do, ngờ đâu đó chỉ là ảo tưởng bởi vì có cái lồng to hơn nhiều úp chụp lên cái lồng nhỏ, người tưởng tự do vẫn bị nhốt trong lồng lớn hơn thôi.

Cả hai tranh vừa gây cười vừa nói lên được ảo tưởng muôn đời của con người. Tranh thứ nhất vẽ về chim nhưng thật ra nói về người. Chim cõng lồng trước đây nhốt nó và sau đó cửa lồng mở cho nó hưởng tự do, nó cứ tưởng lồng là thứ đã đem lại tự do cho nó. Không khác gì con người cõng gánh nặng quá khứ trong tâm tưởng và cho rằng sự nhớ nghĩ quá khứ, tiếc nuối ký ức, chìm đắm trong hồi tưởng chuyện đã qua làm cho con người cảm thấy hạnh phúc. Còn tranh thứ hai vẽ về con người, ý tưởng của tranh nói về ảo tưởng của con người rất rõ. Trong cuộc sống của mình, con người rất thường nghĩ và làm trong ảo tưởng của mình.

Xem hai tranh tôi đã nghĩ sâu xa hơn, đã nghĩ đến những điều đã biết về triết lý Phật giáo.

Triết lý Phật giáo, chủ yếu giúp con người thoát khổ, đã chỉ ra chính sự nhớ nghĩ quá khứ, tiếc nuối ký ức, chìm đắm trong hồi tưởng chuyện đã qua làm cho con người rơi vào bất an, phiền não, khổ đau.

Trong kinh *Nhất dạ hiền* (số 131, kinh *Trung bộ*), Đức Phật dạy: “*Quá khứ không truy tìm, tương lai không ước vọng, quá khứ đã đi qua, tương lai thì chưa đến, chỉ có pháp hiện tại, tuệ quán chính ở đây...*”. Hoặc trong kinh *Pháp cú* (PC.348): “*Bỏ qua quá khứ, hiện tại, vị lai mà vượt qua bờ bên kia, tâm giải thoát hết thảy*”.

Rõ ràng là phải xem ký ức thường là một kinh nghiệm bất toàn, ký ức là một chướng ngại cho sự thấu hiểu cuộc sống, ký ức là sự tác hại cho mối liên quan giữa người và người, ký ức là sự bám giữ và mắc kẹt trong ảo tưởng sai lầm.

Xem hai tranh tôi nhớ lại chuyện kể về Đức Phật đã đọc.

Buông bỏ bè khi tới bờ bên kia

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Đức Phật đã bảo các Tỳ-kheo:

Ta sẽ nói về chiếc bè. Các Thầy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Các Tỳ-kheo thưa: Xin vâng! Bạch Thế Tôn.

Đức Phật bảo: *Hãy khởi tâm từ, bi, hỷ, xả đối với tất cả chúng sanh. Vì sao? Pháp thiện còn phải bỏ, huống chi pháp ác. Như có người gặp ách nạn tại chỗ ở, muốn tránh nơi xảy ra ách nạn để đến nơi chốn an ổn. Người ấy phải qua con sông rất lớn, thế mà không có thuyền để có thể sang bờ bên kia. Người ấy suy nghĩ suy tính: ‘Sông này rất sâu rất rộng, ta chỉ có thể thu thập cây cối, cỏ lá kết lại làm bè qua sông, nhờ chiếc bè này chèo từ bờ bên này sang bờ kia!’. Bấy giờ, người ấy liền thu góp cành cây, cỏ lá kết bè mà chèo từ bờ này sang bờ bên kia. Thế là người ấy đã qua con sông rộng, sang đến bờ bên kia. Người ấy lại khởi nghĩ: ‘Chiếc bè này có nhiều lợi ích cho ta, do bè này đưa ta qua được qua chỗ ách nạn, từ chỗ sợ hãi đến chỗ an bình. Nay ta không bỏ bè này đâu, đi đâu cũng mang nó theo!’. Thế nào, các Tỳ-kheo! Người kia đến nơi rồi có thể vác chiếc bè theo chăng? Hay không nên vác theo?*

Các Tỳ-kheo thưa:

Bạch Thế Tôn, không nên. Nguyên vọng của người ấy đã được kết quả, còn dùng bè vác theo làm gì!

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: *Pháp còn phải bỏ, huống chi là phi pháp”.*

Biết buông bỏ ký ức

Xem kỹ có hai loại ký ức: ký ức thực tại và ký ức thuộc tâm lý. Ký ức thực tại còn có thể gọi là ký ức sự kiện, kiến thức, kỹ thuật là những gì thuộc sự kiện thật đã xảy ra trong quá khứ liên quan đến kiến thức và kỹ thuật cần thiết tạo nên cuộc sống. Như ký ức về kiến thức kỹ thuật của công nghệ dược phẩm, thiếu nó thì con người không thể tạo ra những viên thuốc dùng cho việc chữa bệnh, phòng bệnh cho con người. Rõ ràng ký ức thực tại rất cần thiết, không có nó con người không thể tồn tại và phát triển. Nhưng bên cạnh đó, con người sở hữu và đối phó với ký ức tâm lý. Ký ức tâm lý là sự nhớ lại những gì đã xảy ra có sự can thiệp của “cái tôi” của người sở hữu ký ức đó. Khổ nỗi, “cái tôi” luôn phóng chiếu đủ loại dục vọng, khát khao cạnh tranh, đam mê thành tựu. Khổ hơn nữa, ký ức thực tại và ký ức tâm lý luôn tương quan, hòa lẫn, không tách bạch ra một cách rõ ràng. Tôi có ký ức về một người mà người đó đã làm chuyện gây đau lòng cho tôi. Ký ức thực tại giúp tôi nhận biết hình hài, nhân thân người đó nhưng bên cạnh đó, ký ức tâm lý làm tôi nhớ lại sự đau đớn mà hắn ta gây cho tôi. Và “cái tôi” do ký ức tâm lý ảnh hưởng thúc giục tôi phải trả thù. Đến đây không cần kể thêm, ai cũng thấy ký ức tâm lý vừa kể sẽ gây tổn hại cho người và cho mình.



Tranh của họa sĩ Shaditoun

(nguồn: Cartoon Movement)

Krishnamurti, bậc thầy về sự thấu hiểu ký ức tâm lý, đã nói: “Ký ức về những chuyện kỹ thuật là điều thiết yếu; nhưng ký ức tâm lý duy trì cái ngã, cái “tôi” và “của tôi”, nó tạo ra trạng thái đồng hóa và trạng thái muốn trường tồn của bản ngã, cái ký ức ấy là hoàn toàn có hại cho cuộc sống và thực tại” (Tự do đầu tiên và cuối cùng).

Biết buông bỏ ký ức có nghĩa là làm chủ ký ức, không để ký ức tâm lý làm chủ lấy mình.

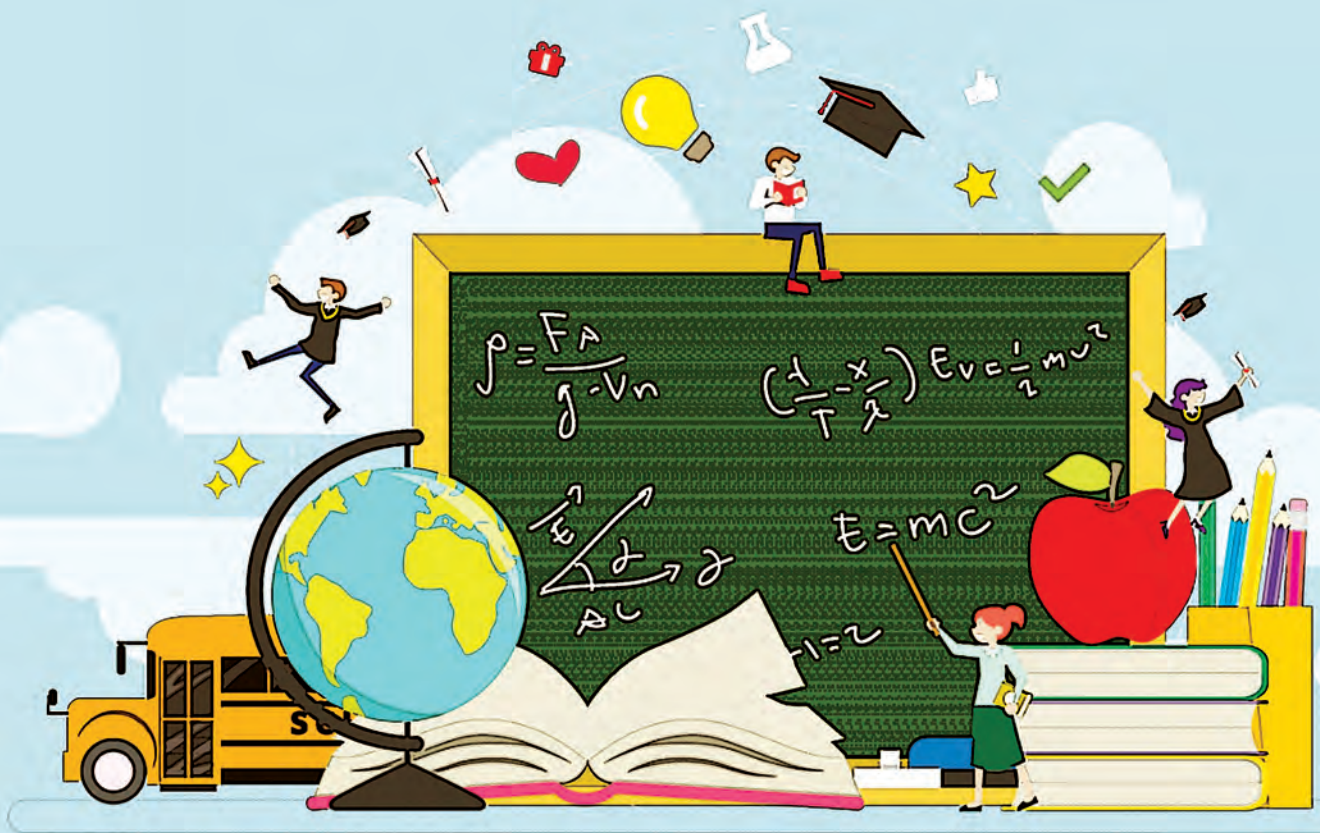
Trong cuộc sống thường ngày, rõ ràng là chúng ta rất cần ký ức. Nhưng rất dễ chúng ta sẽ lầm lạc, không còn mình định sự cần thiết mà sa vào sự nô lệ ký ức tâm lý. Chúng ta dễ có sự nỗ lực và nghỉ hạnh phúc có được khi ta có cái này cái kia, thành đạt cho được điều này điều nọ, cho nên, chúng ta thường nghĩ nhiều về quá khứ và dồn tâm tư để hoạch định tương lai. Thế là, chúng ta không còn làm chủ bản thân mà đánh mất mình trong tiếc thương vô vàn quá khứ, lo lắng quá đáng cho tương lai và hoàn toàn không nhận thức được hiện tại đang sống. Nói theo nhà Phật là chúng ta không có “chánh niệm” để buông bỏ ký ức. Khi an trú trong hiện tại, ta đi, đứng, nằm, ngồi, làm việc và suy nghĩ trong sự vững chãi, thành thoi, an vui và hạnh phúc trong từng giây phút hiện tại.

Từ xa xưa, triết lý đạo Phật đã nói về phương pháp tu tập để “an trú trong hiện tại”. Nhờ tu tập mà con người biết vượt qua các ảo tưởng tai hại của ký ức. Vượt qua đây không có nghĩa là chối bỏ hoàn toàn ký ức, mà là không câu nệ, cố chấp vào ký ức bằng tâm tham sân si.

Hãy buông bỏ ký ức tâm lý như con chim buông bỏ cái lồng công trên lưng nó, như con người thoát ra khỏi cái lồng lớn nhỏ nhốt anh ta trong hai tranh biếm họa tôi để cập ở trên.

Hãy buông bỏ ký ức tâm lý như “buông bỏ bè khi tới bờ bên kia”. ■

* Ảnh do tác giả chọn



Khái quát về giáo dục

THÍCH GIÁC TOÀN

I. Nguồn gốc và sự phát triển của giáo dục

Ai cũng biết rằng loài cầm thú đều có khả năng dạy con để cho chúng thích nghi với cuộc sống. Một số loài cầm thú khi mới được sinh ra, do bản năng, có thể tự thích nghi với cuộc sống; một số khác, nếu thú con không được cha mẹ huấn luyện thì khó tồn tại giữa thiên nhiên khắc nghiệt hay giữa các loài cầm thú khác luôn tìm cách tranh giành, giết hại để được sống còn. Thế nhưng, loài thú là loài thú, hàng chục, hàng trăm, hàng triệu năm qua vẫn thế, không hề có tiến bộ, nếu không bị mai một tiêu vong. Ta chỉ thấy có loài vượn người, tiến hóa thành loài người, cho đến nay vẫn tiến bộ không ngừng, thay đổi đời sống bản thân, thay đổi môi trường, phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, đạo đức. Con người là sinh vật xã hội, có văn hóa, văn minh và có cuộc sống tâm linh. Từ lao động mà con người biết sáng tạo. Từ lao động mà con người biết hợp quần, sống thành xã hội để cùng nhau tồn tại và phát triển.

Từ thời tiền sử chưa có chữ viết, giáo dục được truyền miệng về kỹ năng sinh hoạt hằng ngày, về kỹ năng lao động sản xuất, thi ca, chuyện kể... Các nội dung này vẫn được tiếp tục giảng dạy khi đã có chữ viết. Chữ viết cổ nhất cách đây khoảng 5.500 năm ở Ai Cập là chữ tượng hình (hieroglyphic). Khoảng năm 2000 trước Tây lịch, loại chữ này được ghi khắc trên các kiến trúc. Sau đó loại chữ tròn (cursive scripts) được viết trên giấy papyrus, một loại cỏ.

(xem Steven Roger Fisher, *A History of Writing*, 2004, Reaktion Books, tr.33-44)

Từ việc hình thành các ký tự, đại khái như Elamik khắc trên xương động vật, chuyển sang chữ viết tại Ấn Độ (khoảng 2.000 năm trước TL), ở Trung Quốc (đời nhà Thương, 1.500 trước TL) đến hệ thống chữ viết ráp âm vận (alphabet) thời kỳ đồ sắt, 1.050 trước TL, chữ Aramic và chữ Hy Lạp... văn hóa, văn minh nhân loại

đã đạt sự tiến bộ lớn, trải qua một quá trình lao động và sáng tạo lâu dài; và giáo dục cũng trở nên phổ biến từ giới thượng lưu lẫn sang giới bình dân.

Kinh Phật chứa toàn bộ nội dung giáo dục Phật giáo đã được viết bằng ngôn ngữ Pali, Phạn, Hán, Tạng... Những bản kinh đầu tiên được viết bằng ngôn ngữ Gandhari được viết trên vỏ cây bu-lô (birsh) hay trên lá bối (palm leaf). Có thể kể các mẫu tự Devanagari, Brahmi, Prakrit và Hybrit cùng hệ với Pali và Sanskrit.

Con người tiến bộ được là nhờ lao động. Do lao động mà ý niệm xã hội được hình thành, xã hội được thành lập và phát triển càng lúc càng đa dạng. Kinh tế và văn hóa của con người bao gồm những sinh hoạt vật chất và tâm linh. Những chuyển biến, những tiến bộ trong đời sống liên tục qua nhiều thế hệ hiển nhiên là do sự truyền thọ, do kế thừa và do giáo dục, đào tạo.

Như thế, giáo dục là một hiện tượng của xã hội, một hiện tượng xã hội đặc biệt của con người. Rõ ràng con người có tiến bộ. Chủ yếu là do giáo dục mà văn minh và văn hóa của con người phát triển không ngừng, khác hẳn và vượt xa loài vật. Giáo dục đã được thực hiện rõ nét trong xã hội loài người ít ra cũng từ vài chục ngàn năm về trước. Tại Ấn Độ cổ đại, trong *Áo nghĩa thư* (Upanishad), ta thấy có nhắc đến việc “*ngồi dưới chân thầy*” để nghe thầy giảng dạy về tự ngã.

Trong thời Hy Lạp cổ đại, các triết gia như Thales, Pythagoras, Parmenides, Heraclitus, Socrates, Plato, Aristotle... với các trường phái triết học của họ, đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng giáo dục. Qua thời Hy Lạp cổ đại, các trường học đã mở, các triết gia, các nhà khoa học đã thâm nhận học trò, đã mở trường có tổ chức quy mô. Tại Trung Hoa, Khổng Tử có 3.000 học trò, cùng thời với Socrates ở Hy Lạp, cùng thời với Đức Phật (với số đồ đệ tượng trưng là 1.250 vị, dĩ nhiên con số thực tế thì lớn hơn nhiều) ở Ấn Độ và những nhà giáo dục vĩ đại khác.. Trong thế kỷ XIX, hệ thống giáo dục Ba Tư (Persian) là một nền giáo dục cưỡng chế và có những sáng tạo quan trọng ảnh hưởng lớn đến nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Nhật Bản... Mẫu thức giáo dục Ba Tư nêu những kỹ năng quản lý lớp học và được đưa vào chương trình giảng dạy. Sang đến thế kỷ XX, nhiều phương pháp giáo dục mới được nêu ra, kết hợp với truyền hình, truyền thanh, internet, truyền thông đa phương tiện. Một số nhà giáo dục tin rằng việc sử dụng công nghệ mới tuy có tiện lợi nhưng không thể thay thế phương pháp giáo dục khuyến khích tư duy, phê phán và sự ham học hỏi, sự thực hành, thực địa. Sự việc này đòi hỏi sự hoạt động, nói, nghe, kích hoạt các phần não bộ...

Loài người không ngừng tiến bộ, và giáo dục có đời sống riêng của nó. Giáo dục chuyển biến theo thời đại, theo chế độ xã hội, cho nên có những nền giáo dục khác nhau đáp ứng những yêu cầu khác nhau và theo đuổi những mục tiêu khác nhau. Nội dung phương

pháp và phương tiện giáo dục được thay đổi và phát triển càng lúc càng phong phú và đa dạng.

II. Ý nghĩa từ một số định nghĩa về giáo dục

Nói đến giáo dục là nói đến việc dạy, việc truyền thọ kinh nghiệm, kỹ năng, kiến thức của người dạy cho người học.

“Giáo” nghĩa là ra lệnh, khiến cho. “Dục” là nuôi lớn, làm cho trưởng thành. *Từ điển Từ Hải* giảng rằng “giáo” tức là người trên làm gì thì người dưới bắt chước làm theo. Từ Hải cũng giảng thêm rằng vua ra lệnh gọi là “sắc”; thái tử, vương hầu ra lệnh gọi là “giáo”. “*Giáo thượng sử thi, hạ sở hiện dã*” (Giáo, trên thì thi hành, dưới thì thực hiện); còn nói “*Dục dưỡng tử sử tác thiện dã*” (Nuôi nấng con để bảo làm điều lành). “Giáo”, nghĩa là dạy dỗ, lấy những gì mình biết được mà truyền thọ cho người. Lại giảng, *Giáo dục là giúp loài người phát triển và thích ứng với những tác động của thế giới càng ngày càng tiến hóa; khiến cho đi đúng theo đường gọi là “giáo”, làm cho lớn thêm một cách tự nhiên gọi là “dục”*.

Từ điển Thanh Nghị giảng rằng giáo dục là dạy dỗ, rèn luyện trí, tính tình và thân thể cho được hoàn mỹ hơn.

Thực ra, từ giáo dục chỉ mới được dùng ở Trung Quốc vào khoảng cuối thế kỷ thứ XIX và sang đầu thế kỷ XX mới du nhập vào Việt Nam. Trước đó, người Trung Hoa và cả người Việt Nam đều quen dùng các từ tương đương như huấn hối, giáo huấn, giáo hóa, dưỡng dục... Giáo huấn nghĩa là nuôi nấng dạy dỗ, dẫn đi tới... Về sau, trải qua nhiều thời đại, trải qua những biến đổi mà từ giáo dục có ý nghĩa phong phú hơn, có nội dung cụ thể hơn. Cho đến nay, mục tiêu của giáo dục hay một định nghĩa cụ thể cho giáo dục vẫn chưa được tất cả những nhà giáo dục nhất trí.

Từ *Giáo dục* được dùng rộng rãi ngày nay đều theo ý nghĩa của từ Anh, Pháp ngữ *Education*. *Education* có gốc La-tinh là *Educacio*, nghĩa là dạy dỗ, huấn luyện, tức là dẫn dắt người học ra khỏi sự ngu muội, vụng về. *Từ điển Encyclopedia* còn ghi thêm: *Giáo dục là một khoa dạy về việc dạy*; điều này nói lên sự gắn bó giữa giáo dục và sư phạm.

Từ điển giáo dục (Cater V. Good, *Dictionary of Education* - Mc Graw-Hill Book Company - New York, Toronto, London - 1959), định nghĩa giáo dục như sau:

a) Là một tập hợp tất cả các quá trình nhờ đó một người có thể phát triển những khả năng, những thái độ và những hình thức khác của thái độ mang giá trị tích cực đối với xã hội mà người ấy đang sống.

b) Là quá trình xã hội mà người ta chịu ảnh hưởng của một môi trường được chọn lọc và được kiểm soát (nhất là môi trường của học đường) khiến cho người ta có thể đạt được khả năng xã hội và sự phát triển năng lực tốt nhất.

c) Là một thuật ngữ chung, theo cách thông thường giáo dục chỉ cho cái gọi là những khóa học “kỹ thuật”,

hay đặc biệt hơn, đó là những khóa học được tổ chức trong các cơ sở cấp cao để đào tạo thầy giáo. Giáo dục theo nghĩa này liên hệ trực tiếp với tâm lý giáo dục tới triết học và lịch sử giáo dục, tới khóa trình, tới các phương pháp chuyên biệt và tổng quát để điều hành sự giảng dạy... Nói chung giáo dục là toàn bộ mẫu mực đào tạo, chính quy và không chính quy, tạo thành sự phát triển nghề nghiệp cho các thầy giáo.

Định nghĩa về giáo dục một cách bao quát hơn, chúng ta có thể nói rằng giáo dục liên hệ đến cá nhân và xã hội, thái độ và nhân cách, môi trường giáo dục và việc đào tạo đội ngũ giảng huấn. Thực ra, một định nghĩa về giáo dục khó có khuôn mẫu chung nhất. Nếu giáo dục thay đổi tùy theo thời kỳ lịch sử, tùy theo chế độ chính trị với những mục tiêu đào tạo khác nhau thì những định nghĩa về giáo dục phải càng lúc càng đa dạng.

Ta chỉ có thể hiểu giáo dục một cách khái quát qua những định nghĩa ở trên. Đại khái, giáo dục là sự dạy dỗ, truyền thụ và đào luyện làm cho người nhận sự giáo dục được mở mang trí tuệ và đức hạnh, tự khám phá và hiểu được mình, và nhờ đó có những hành động phù hợp với môi trường, với cuộc sống, với cộng đồng và với xã hội. Cách hiểu giáo dục như thế thì quá sơ sài, chỉ là những ý hướng, những khái niệm. Để hiểu ý nghĩa của giáo dục, chúng ta cần xét kỹ đến những yếu tố xác định giáo dục.

III. Các yếu tố xác định giáo dục

Như đã nói, giáo dục là một sản phẩm của xã hội; mặt khác, giáo dục lại ảnh hưởng đến xã hội và định hình cho xã hội. Khi xã hội thay đổi thì giáo dục cũng thay đổi và ngược lại. Những yếu tố xác định giáo dục là những yếu tố cơ cấu định hình. Nếu những yếu tố này thay đổi thì giáo dục thay đổi. Người ta có thể tìm hiểu một nền giáo dục bằng cách xét đến những yếu tố này: mục đích, mục tiêu và đối tượng; nội dung, phương pháp và hệ thống tổ chức giáo dục. Các yếu tố này có liên hệ mật thiết với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau.

1. Mục đích của giáo dục

Một cách tổng quát, cũng như mọi hoạt động có ý thức của con người, giáo dục là một hoạt động có mục đích tối hậu là hạnh phúc lâu bền cho loài người. Người ta có thể diễn đạt mục đích tối hậu này là sự thánh thiện, là tri thức sâu rộng, là chân, thiện, mỹ. Nhiều

người cho rằng hạnh phúc là sự thỏa mãn vật chất và tinh thần. Nhận định như vậy vừa thừa vừa thiếu. Thừa là vì hạnh phúc là một sự cảm nhận, thuộc tâm lý; vật chất có thể là yếu tố khiến cho tinh thần thỏa mãn chứ không phải vật chất là sự thỏa mãn, và nếu như vậy thì phải nói rằng hạnh phúc là sự thỏa mãn tinh thần. Thế nhưng tiêu chuẩn cho sự thỏa mãn tinh thần là gì thì không ai xác định được: là danh lợi, là sức khỏe, tình yêu, dục lạc?



Người ta chỉ cảm nhận về một hướng tiến lên mà giáo dục mang lại trong ý nghĩa tiến về tuyệt đối. Và như thế, mục đích của giáo dục luôn luôn ở đằng trước, rất xa vời, khiến người ta phải trần trở, đổi thay các yếu tố cấu thành giáo dục.

Do tính chất tương đối của cuộc đời, ta chỉ có thể tìm thấy hạnh phúc tương đối

mà thôi, những hạnh phúc này có thể được xem như những mục tiêu, những chặng đường của một cuộc hành trình dài đi tìm hạnh phúc lâu bền tuyệt đối. Do đó, giáo dục có những mục tiêu của nó theo yêu cầu của từng thời đại.

2. Về những mục tiêu và đối tượng giáo dục

Một cách tổng quát, giáo dục mưu cầu hạnh phúc cho quần sinh, phải nhằm đào tạo những con người lý tưởng, đáp ứng yêu cầu của một thời đại. Mẫu hình người quân tử, thánh nhân, hiền nhân, con người toàn diện, con người mới... đã được xem là mục tiêu đào tạo của giáo dục qua những thời kỳ khác nhau.

Đối tượng của giáo dục là con người, thế mà một định nghĩa đầy đủ về con người cho đến ngày nay vẫn là một đề tài nghiên cứu chưa ngã ngũ. Như vậy, chúng ta con người chưa thật sự biết mình. Xem con người như là một sản phẩm đặc biệt cao cấp của Thượng đế hay xem con người là một sinh vật có lý trí đều là những quan điểm mơ hồ. Điều đáng kể là những vấn đề do con người đặt ra, trong đó có giáo dục, đều từ kinh nghiệm, từ mong ước được vươn lên, nhất là mong ước được thích ứng hài hòa với thiên nhiên, xã hội và với chính mình. "*Bản chất con người là một tổng hòa các quan hệ xã hội*" (K. Marx), con người lại có bản năng và lý trí, có tâm hồn và đạo đức. Con người lại có nhân tính riêng, hay còn gọi là nhân cách. Giáo dục nhằm đào tạo con người phát triển, vươn lên về nhiều phương diện. Song song với việc thu thập kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng, con người cần được giáo

dục để tự nhận biết mình, để phát triển nhân cách của mình theo đường hướng lý tưởng của xã hội.

Xưa đến nay, giáo dục Đông và Tây có những mục tiêu khác nhau theo từng thời đại, từng khu vực địa lý, nhưng đều có mục tiêu là đáp ứng yêu cầu của xã hội. Ở Trung Quốc, từ thời cổ đại đến thời phong kiến, giáo dục hướng đến việc đào tạo các thánh nhân, những người có đạo đức cao vời và có trí tuệ sáng suốt. Ở Hy Lạp cổ đại, giáo dục nhằm đào tạo người anh hùng có thể chất mạnh mẽ và có niềm tin tôn giáo để đại diện cho cái thiện. Socrates chú trọng đến con người đạo đức, Platon quan tâm đến bản chất con người qua ba phương diện: trí thức, đạo đức và xã hội, Aristotle nhấn mạnh đến chính trị.

Nhìn chung, mới đầu giáo dục Đông hay Tây đều nhằm đào tạo mẫu người lãnh đạo, lãnh đạo về trí tuệ về đạo đức và nhất là lãnh đạo chính trị. Có lẽ từ cuối thế kỷ thứ XIX, ý thức về con người toàn diện được nêu ra; con người này là tổng hợp các thức tính của một con người siêu việt của Hy Lạp cổ đại, của Trung Quốc thời phong kiến, của Chủ nghĩa Tư bản và Chủ nghĩa Xã hội. Đó là con người được đào tạo đầy đủ về đạo đức, kiến thức, thể lực, thẩm mỹ, lao động (đức, trí, thể, mỹ, lao). Tuy nhiên, đó chỉ là những nội dung giáo dục chứ không phải là những phẩm chất của một con người cụ thể vì khó có thể đào tạo ra một người toàn vẹn như giáo dục mong ước. Một cách tổng quát, người ta thường công nhận mục tiêu hay mục đích của giáo dục là đào tạo những con người trí tuệ, đạo đức, tức có tri thức rộng rãi, áp dụng cho đời sống xã hội và có phẩm chất tốt đẹp như lòng nhân đạo, công chính, quảng đại...

Ngày nay, kinh tế, kỹ thuật khoa học đòi hỏi những con người chuyên môn, việc đào tạo theo ngành là hết sức cần thiết.

Giáo dục có rất nhiều mục tiêu theo yêu cầu của xã hội nhưng dù gì đi nữa thì đối tượng của giáo dục là con người, do đó giáo dục phải nhằm giúp con người tự khám phá mình, phát triển nhân cách của mình trong mối tổng hòa các quan hệ xã hội. Giáo dục trang bị cho con người kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng đủ để đưa con người đi tìm hạnh phúc.

3. Nội dung giáo dục

Mục tiêu giáo dục như thế nào thì nội dung giáo dục phải có chất liệu thích nghi để có thể đáp ứng. Nội dung tổng quát như đã nói là đạo đức, kiến thức, thể dục, thẩm mỹ và lao động, những chất liệu dùng để đáp ứng yêu cầu của mục tiêu đào tạo con người toàn diện.

Do những tiến bộ, phát triển về các mặt hoạt động của con người, nội dung giáo dục ngày càng phong phú, các ngành chuyên môn càng lúc càng nhiều, càng được chia sẻ chi li. Nhưng dù gì đi nữa, nội dung của giáo dục phải bao gồm sự rèn luyện các kỹ năng thực hành. Người ta có thể bảo một cách chung chung và không sợ sai lắm rằng: Thông qua giáo dục và lao động,

ta có thể rèn luyện kỹ năng thực hành; và thông qua lao động, các đức tính của một con người được phát triển.

Thế còn một nội dung rất quan trọng là giáo dục nhân cách, nội dung này phải được đưa vào chương trình dạy và học như thế nào? Nội dung nào của giáo dục để có thể đáp ứng mọi đối tượng giáo dục, gồm mọi cá tính, mọi lứa tuổi, mọi hoàn cảnh? Con người là con người cá nhân và con người xã hội, sự phát triển hài hòa cả hai mặt ấy nhờ vào đâu?

Ngày nay, mọi nền giáo dục trên thế giới đều có chương trình và môn học gần giống nhau. Tuy vậy, các nước tiến tiến lại đi đầu trong nhiều môn học mới để rồi sau đó trở thành cái vốn chung của kiến thức loài người. Các nhà giáo dục hiện đại đã không ngừng kêu gọi các giới chức tìm cách xóa bỏ ranh giới giữa các ngành học. Ngược lại, sự xuất hiện nhiều ngành học mới lại là biểu hiện một bước tiến mới của sinh hoạt nhân loại và là một tăng cường cho nội dung giáo dục.

4. Phương pháp giáo dục

Phương pháp giáo dục tùy thuộc vào nội dung giáo dục và do đó tùy thuộc vào mục tiêu, đối tượng, biện pháp và cách tổ chức giáo dục. Phương pháp giáo dục còn tùy thuộc vào hoàn cảnh môi trường và thiết bị giáo dục.

Phương pháp bao gồm lãnh vực dạy (thầy) và học (trò). PTS Lê Khánh Bằng (*Tổ chức quá trình dạy học tại đại học*) thống kê 5 loại phương pháp: (1) kích thích học sinh học tập, (2) trình bày và thông tin, (3) rèn luyện kỹ năng, (4) củng cố hệ thống hóa tri thức, (5) kiểm tra, đánh giá kiến thức, kỹ năng.

Năm loại phương pháp này có thể được thực hiện ngang qua hai biện pháp: là biện pháp diễn dịch (trình bày chủ đề rồi giảng giải, chứng minh) và biện pháp quy nạp (phân tích chủ đề rồi rút ra kết luận).

Wikipedia.org có nêu ra một số phương pháp giáo dục như sau: (1) Phương pháp nhận ra sự giống nhau; (2) Phương pháp tóm tắt và ghi ý chính; (3) Phương pháp khích lệ học tập và công nhận những cố gắng; (4) Phương pháp bài tập về nhà và thực hành trên lớp; (5) Phương pháp thể hiện phi ngôn ngữ; (6) Phương pháp học phối hợp trong tổ nhóm; (7) Phương pháp lập mục tiêu và đưa ra thông tin phản hồi; (8) Phương pháp tạo và kiểm định các giả thuyết; (9) Phương pháp gợi ý, câu hỏi và khung thông tin cho trước; (10) Phương pháp phản xạ.

Mọi phương pháp giáo dục đều cần có sự tham gia của thầy và trò, trong đó trò là chủ động. Do đó, giáo dục cần chú trọng đến việc tạo điều kiện cho người học tự khai mở, tự trau dồi và chủ động trong việc suy tư, tìm kiếm, thấu nạp kiến thức và rèn luyện kỹ năng.

Nền giáo dục ngày xưa nhằm chủ yếu là thông tin kiến thức và thọ nhận kiến thức (đạo đức, khoa học, kỹ thuật), tức là giáo dục chỉ nhấn mạnh đến sự trao và nhận, trong đó vai trò của người thầy là chủ động. Thế rồi theo thời gian, giáo dục dần dần tăng cường tính nhân bản, sự tự

do, chú trọng đến người học. Vào thế kỷ V trước Tây lịch, Socrates đã nói: “*Hãy tự biết mình*” với quan niệm rằng các đức tính đã có sẵn trong mọi người và giáo dục chủ yếu là giúp con người tự khai mở, tự tiếp thu chứ không nhằm đem tri thức áp đặt cho người học trò. Thầy giúp trò thể hiện tri thức của mình giống như người hộ sinh giúp sản phụ sinh con. Plato nêu hai phương pháp giáo dục của thầy ông là Socrates: Đây là *phương pháp hộ sinh* (méthode maïeutique). Một phương pháp khác của Socrates là *tìm hiểu và tranh luận* (inquiry and debate) nhằm kích thích suy nghĩ và soi sáng các ý tưởng của người học. Còn nhiều phương pháp khoa học khác được sử dụng trong giáo dục, chúng được xem là những biện pháp giáo dục như đối thoại, gợi ý, thảo luận, so sánh, đối chiếu, loại suy và quan sát.

Từ khoảng 3.000 năm trước TL, với sự ra đời của các văn bản, giáo dục có những nỗ lực mới. Các nhà biên chép và các nhà thiên văn phải đối mặt với các yêu cầu phải có kỹ năng và kiến thức đặc biệt. Triết học Hy Lạp thời cổ đại đã nêu dẫn đến những vấn đề của phương pháp giáo dục mà theo đó cần phải đưa vào các thảo luận quốc gia. Nhà giáo dục người La Mã Quintilian nêu ra những phương cách kích thích trí thông minh của học sinh và giúp các em học tập.

Vào thời Trung cổ, Comenius vốn là nhà thần học người Czech, được xem là người khai sinh nền giáo dục hiện đại. Ông viết cuốn *Orbis Pictus*, một cuốn sách giáo khoa về hình ảnh các sự vật mà học sinh quen thuộc trong đời sống hàng ngày, giảng dạy lần lượt từ dễ đến khó, từ khái niệm đơn giản đến khái niệm toàn diện hơn, giúp cho sự học tập và phát triển tư duy logic thay vì ghi nhớ những bài học. Rabelais, Mục sư người Pháp, viết cuốn *Gargantua* miêu tả việc dạy cho học sinh Gargantua về thế giới và những gì xảy ra trong thế giới. Đây là cách kết hợp bài dạy với thực tế.

Đến thế kỷ XVIII, J.J. Rousseau qua tác phẩm *Émile*, nhằm để cho học sinh phát triển tự nhiên, tự do, để cho trẻ tự phát triển phẩm chất của mình. Ông đã đóng góp nhiều cho nền giáo dục mới, khởi từ thế kỷ XVIII đến nay.

Điều cần nhớ là có nhiều loại phương pháp giáo dục nhưng không có phương pháp nào là ưu việt, chúng phải bổ túc cho nhau và phụ thuộc vào nhiều yếu tố giáo dục.

5. Tổ chức giáo dục

Tổ chức giáo dục là tất cả những cơ sở, bộ phận và cơ cấu nhân sự nhằm thực hiện và phát triển giáo dục. Tổ chức giáo dục ngày xưa rất đơn giản. Cha mẹ dạy con cái, người lớn dạy trẻ con trong gia đình, người trưởng tộc dạy bà con họ hàng. Sau đó và song song với giáo dục mang tính chất gia đình, dòng tộc, bộ tộc, có giáo dục mang tính cộng đồng do những người có kinh nghiệm, có kiến thức, có đạo đức khởi xướng và đứng ra giảng giải nhằm giáo dục quần chúng. Đó là các vị hiền triết, thánh nhân. Đến giai đoạn này, tổ chức giáo dục đã

có quy mô, có thể gồm một số người phục vụ, sắp xếp. Cơ sở giáo dục đầu tiên là một chỗ nghỉ chân, một ngôi nhà, dần dần chỗ ấy được trang bị cho phù hợp với việc học và dạy, sau cùng biến thành trường học.

Nội dung giáo dục ngày càng phát triển nên phải có nhiều trường, nhiều bộ phận và cơ cấu nhân sự phục vụ giáo dục trở nên to lớn hơn trong mỗi trường. Một nền giáo dục tại địa phương rồi quốc gia được hình thành rõ nét khi việc giáo dục phát triển trên thế giới đến một quy mô lớn, tiến đến việc nghiên cứu, hợp tác với các nền giáo dục tiên tiến trên thế giới, thực hiện các nội dung thích hợp từ các văn kiện của các tổ chức giáo dục quốc tế như UNESCO chẳng hạn.

V. Kết luận

Từ nhiều ngàn năm, giáo dục phát triển không ngừng. Quan điểm, mục tiêu đào tạo, nội dung, phương pháp, tổ chức giáo dục đã phát triển và thay đổi theo từng thời đại nhưng đối tượng giáo dục vẫn là con người, con người có nhân cách là nội tâm. Tuy vậy, con người xã hội vẫn chưa được khảo sát đúng mức.

Giáo dục quyết định cho hình thái của cuộc sống và hoạt động của con người, giáo dục đã mang lại cuộc sống vật chất khá đầy đủ với những tiện nghi do khoa học kỹ thuật mang lại. Tuy vậy, sự phát triển của xã hội loài người hiện nay vẫn chưa có phương hướng cụ thể. Xem ra con người với những quan niệm đạo đức mới nhưng vẫn không thoát khỏi những suy tư, những tâm trạng khổ đau, những trạng thái sợ hãi, có khi còn nhiều hơn con người ngày xưa. Điều này gợi lên băn khoăn rằng phải chăng văn minh nhân loại và chính nhân cách của con người chưa phát triển cân đối.

Sự thiên trọng về việc phát triển vật chất, sự lơ là trong việc phát triển tâm linh càng lúc càng khiến con người cảm thấy lạc lõng, cô đơn, bối rối. Trong thời đại ngày nay, đứng trước những khổ đau, bất ổn thời đại như chiến tranh, đói kém, hận thù, những sa đọa của xã hội, sự cạn kiệt của môi trường sống về số lượng rừng cây, muông thú, sông hồ... và sự ô nhiễm... chúng ta có thể nghĩ rằng cái khổ của con người chưa có chiều hướng vơi đi mà lại đang có nguy cơ tăng lên. Trách nhiệm đó là của giáo dục.

Giáo dục ngày nay hình như chưa đi đúng hướng. Giáo dục cần nỗ lực nhiều hơn nữa vào việc nghiên cứu con người trong chính con người, trong quan hệ với thiên nhiên và xã hội. Giáo dục có nhiệm vụ xây dựng, định hình, phát triển nhân cách của con người trong nỗ lực giúp cho con người tự tìm hiểu mình, tự xây dựng mình, tổ chức cho mình. Đây là điều mà Carl Rogers gọi là “*Self-concept*” và Andras Angyal gọi là “*Self-organization*”, một sự thâm nhập vào cái tôi của tự mỗi người, mới có thể giúp người ấy nhận thấy cái nguyên nhân khổ đau và hạnh phúc trên đời. Đây là mục tiêu, là nội dung chủ yếu của giáo dục. ■

Đọc sách Từng Bước Chân Nở Hoa của Ko Un

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Ko Un là nhà thơ nổi tiếng nhất Hàn Quốc, đã từng được nhiều giải Văn chương Quốc gia Hàn Quốc từ năm 1974 đến nay. Ông cũng đã được đề cử giải Nobel Văn chương liên tiếp những năm gần đây. Ông sinh năm 1933, thời trẻ có mười năm đi tu làm nhà sư, nên thơ ông chịu nhiều ảnh hưởng Phật giáo Thiền. Ông đã đóng góp nhiều cho văn hóa Hàn Quốc với trên 100 tập thơ.

*Từng Bước Chân Nở Hoa*¹ viết theo câu chuyện hành hương đến 53 vị thầy của Sudhana (Đồng tử Thiện Tài) trong phẩm Nhập pháp giới của kinh *Hoa nghiêm*. Bố cục, trình tự theo kinh; nhưng cách diễn tả, nội dung những lời dạy, chi tiết thêm vào là của Ko Un.

Vị đầu tiên mà Sudhana gặp là Manjushri (Văn-thù-sư-lợi), người tự nhận “*luôn luôn sống trên con đường*” (trang 15), và vị này nói Sudhana hãy ra đi.

Đây là cuộc hành hương của đời người mà ai cũng phải trải qua, bởi vì ai cũng đã được sinh ra, sống và đi và làm việc trên mặt đất, để rồi già, để rồi bệnh, để rồi chết. Cuộc hành hương ấy là riêng của mỗi người, dầu ý thức rõ ràng hay không, dầu thành công hay thất bại, dầu học được ở trần gian này nhiều hay ít, ai cũng phải hành hương để trả lời câu hỏi đầu tiên và tối hậu của đời người: “*Tôi là cái gì? Tôi sinh ra để làm gì? Và chết tôi đi về đâu?*”.

Người đầu tiên Sudhana gặp là một cô gái, cô nói “*Cha tôi trước khi chết dặn nói cho cậu một việc. Nếu cậu muốn tìm Chân lý thì trước hết phải gặp nhà sư Đức Vân ở núi Diệu Phong*”. Mấy lời đó khiến Sudhana tỉnh hẳn. “*Chân lý? Núi Diệu Phong? Đó là ở đâu?*” (trang 25).

Khi đến gặp sư Đức Vân, vị này dạy: “*Trên đời mọi thứ đều linh thiêng*”, nhà sư mỉm cười: “*Mọi thứ đều là chân lý và thầy dạy chân lý. Những sinh vật ngủ bên cạnh ta kia cũng là thầy của con đấy*”.

Khi đến gặp tiên ông Tỳ-mục-cù sa, vị này nói: “*Cậu bé hành hương, hãy nghiền nát khối đá của trái tim cậu thành cát. Rồi lại đập vỡ từng hạt cát đó và để cho trái tim cậu trống rỗng hoàn toàn. Lấp đầy khoảng trống trong trái tim cậu bằng một giọng nói vượt được mọi quãng thời gian, một đêm, một ngày, một thế kỷ, một thiên niên kỷ, một vạn năm, hàng trăm triệu năm. Vì như cậu biết đấy, tiếng nói là khởi nguồn của mọi sự. Cậu bé hành*



Thiện tài hỏi đạo

hương, cũng như ta đang ở đây nhưng không ở đây, cậu cũng không thực sự đang ở đây. Linh thiêng lắm, cậu bé hành hương” (trang 82).

Động lực để đi con đường hành hương không phải là ước muốn no đủ về tâm linh cho riêng mình, mà là thức ăn tâm linh cho những con người đói khát tâm linh trong thế giới. Bởi thế chén của của nữ cư sĩ Prabhuta là “*chén mang bản chất Bồ-tát không bao giờ vơi cạn*”.

Nữ cư sĩ Prabhuta nhìn Sudhana. “*Cậu bé hành hương, tận đáy lòng cậu không thèm khát gì nên ước muốn của cậu không hiện hình trong chén của tôi. Nhưng tôi đã có một món mới cho cậu, thức của trời cao và biển sâu, của những suối nguồn sâu trong núi... Hãy nhìn cho kỹ những cô gái này. Họ đã thanh lọc trái tim, bỏ qua sắc đẹp cá nhân mà đem cho mọi người thức ăn và những thứ khác mà người ta ao ước, thế nên họ có thể bước vào hành trình qua những thế giới vô hạn trong mười phương trời trong từng ý nghĩ, mà thức ăn trong chén kia không bao*

大方廣佛華嚴經卷第七十七

于闐國三藏實叉難陀奉

制譯

入法界品第三十九之十八

爾時善財童子漸次南行至妙意華門城見
德生童子有德童女頂禮其足右遶畢已於
前合掌而作是言聖者我已先發何釋多羅
三藐三菩提心而未知菩薩云何學菩薩行
云何修菩薩道唯願慈哀為我宣說時童子
童女告善財言善男子我等證得菩薩解脫
名為幻住得此解脫故見一切世界皆幻住
因緣所生故一切衆生皆幻住業煩惱所起
故一切世間皆幻住無明有愛等展轉緣生



Một trang kinh Hoa nghiêm (Hán dịch)

giờ cạn hết. Ấy là cái chén mang bản chất Bồ-tát không bao giờ vơi cạn” (trang 114).

Con đường hành hương của Sudhana là con đường Bồ-tát, Bồ-tát đạo.

Gặp cư sĩ Vidvan, ông bảo: “Chùa Thất Bảo của ta đang chờ cùng bóng tối trống rỗng của nó”. Sudhana theo Vidvan vào chùa và ngạc nhiên thấy có hết thầy châu báu và giàu sang của thế giới. “Ta là Bồ-tát tạo ra các Bồ-tát. Nhìn đây! Hãy đặt cả trái tim con vào giữa không gian trống rỗng. Để xem vạn vật trở thành Bồ-tát thể nào trong không gian trống rỗng. Nhìn đi! Nhìn đi!”.

Khi nhìn vào khoảng không ấy, Sudhana thấy không gian trống rỗng đông nghẹt những người ốm đau, nghèo khổ, tức giận, buồn thương, những người bị thương tích trong các cuộc chiến. Nhờ được Vidvan ân cần tiếp đón mà họ đã trở thành Bồ-tát và nhảy nhót tỏa đi khắp mọi nơi. “Nhìn đi, họ đã trở thành các Bồ-tát, rồi với tư cách Bồ-tát họ sẽ tái sinh và lại tiếp nhận những khổ đau của cuộc sống. Giờ đây họ tiếp nhận một

cuộc sống nhiều kiếp nạn hơn. Không có cuộc đời Bồ-tát nào mà không có các sinh linh. Không có các sinh linh biết cảm nhận thì không thể có Bồ-tát và không có Phật” (trang 122).

Con đường Bồ-tát là con đường của Trí huệ và Đại bi. Trí huệ để nhìn thấy thế giới thực sự là gì và đại bi để cứu độ chúng sanh. Khi gặp cư sĩ Veshthila, vị này dạy cho Sudhana:

“Ta vốn có thể thấy được nhiều Phật. Thế giới này đầy rẫy Phật, không còn một chỗ trống nào. Và không có một nơi nào mà không có một Bồ-tát ra tay tế độ chúng sinh. Thế giới này thiêng liêng lắm. Không còn chùa chỗ nào để nhỏ nước miếng, không còn chỗ nào để tè mà không có Phật. Ta đã thấy điều đó ở Shubha-paramgama này; những người hủi, thậm chí cả ông vua độc ác, ngay cả đám lính của vua, tất cả đều là Phật và Bồ-tát. Khi ta ra đồng đi tiêu đi tiểu, ta cũng thấy cả Phật ở đó”.

“Vậy tại sao thế gian vẫn còn đầy cái ác và đau khổ như vậy?”.

"Bệnh tật, bóc lột và áp bức không dễ biến mất thế đâu. Nhưng số phận của những kẻ chịu trách nhiệm cho những thứ đó có hạn chế của chúng. Nếu ta tin, những chúng tật đó sẽ chóng biến mất. Ta tạo ra sức mạnh để trừ diệt chúng".

"Thưa thầy, con đi xa thế này không phải cho mình. Con đi cho sự tốt đẹp của tất cả những ai con gặp và những ai con chưa từng biết. Mỗi sinh linh lại cũng cố thêm cho quyết tâm tiếp tục tiến bước của con".

"Chư Phật của thế giới này cũng vậy. Ta đã thấy tất cả Phật, từ đầu đến cuối. Ta đã có thể thấy được mọi thứ, từ việc phát Bồ-đề tâm, cảm cái rễ Bồ-đề đầu tiên, có được giác ngộ và những năng lực siêu nhiên, thiết lập và hoàn thiện Đại thế nguyện, nhập vào nơi có Bồ-tát hiện diện. Một khi người ta đã thành Phật, ta thấy thế giới được thanh lọc và được tô điểm và mọi chúng sinh được cứu vớt" (trang 214).

Chúng ta không thể nói hết 53 cuộc gặp gỡ học hỏi của Sudhana. Ở đây chỉ trích một đoạn thơ là bài ca của Sudhana khi đến và thấy dãy núi Himalaya:

*Himalaya
Chỉ riêng người thôi
Tồn tại thay cho cả thế giới...
Om
Himalaya điểm tô bằng tuyết vĩnh hằng
Himalaya,
cai quản cả thế giới này
nhà của biết bao thần thánh!
Himalaya hướng về Phật
người giáng thế với các thần thánh tháp tùng.
Từ nay bất kể có đi đâu
con sẽ nói rằng đã từng chiêm bái Himalaya.
Con sẽ nói:
đã từng ngắm Himalaya mà nước mắt rơi nóng hổi
đầy niềm vui và đau đớn.*

(trang 334)

Trong một lễ hội lớn, Sudhana thấy một nhóm sên và sâu đo đang hát, ở đây chỉ trích một đoạn:

*Bạn sẽ thấy huyền diệu biết bao
vô vàn thế giới Phật
nằm gọn trong một nguyên tử,
trong một lỗ chân lông,
cứ như một ảo giác.
Dối trá có tồn tại trong cõi pháp này không?
Sự thật có giống như mộng ảo thế này không?
Huyền diệu biết bao là vô vàn thế giới Phật!*

(trang 397)

Trước cuộc gặp gỡ cuối cùng, Sudhana gặp lại Manjushri (Văn-thù-sư-lợi), và chàng thiếu niên nhớ lại giọng nói của Maitreya (Di-lặc):

"Ôi Sudhana bé nhỏ, thực hành và biểu lộ hoàn hảo của ông ấy (Manjushri) thật tuyệt vời, trong khi tâm nguyện của ông ấy được nhắc lại thường xuyên đến nỗi

không có giới hạn nữa. Quả thực ông ấy là một Bồ-tát. Trí huệ của ông ấy không có nghĩa ông khờ dại trong việc đời; ông ấy là Bồ-tát mà trí huệ đồng nhất với thực tế lý tính.

Có ai ở đây, bất kể cao siêu đến mấy, dám xuống đến tận nơi hèn kém nhất để có được trí huệ cao nhất như Bồ-tát Manjushri đã làm không? Bồ-tát Manjushri là mẹ của mười ngàn tỉ hằng hà sa số Phật, thầy của mười ngàn tỉ hằng hà sa số Bồ-tát. Ông ấy không chịu dừng lại ở mức trí huệ đâu. Từ xa xưa trong quá khứ trước đây, ông ấy đã vào được trạng thái giải thoát và đã thực hiện hết các hạnh nguyện Samantabhadra (Phổ Hiền), cho đến khi không ai còn biết đâu là Manjushri đâu là Samantabhadra nữa" (trang 406).

Sudhana gặp vị cuối cùng là Samantabhadra trong chương "Một giọt nước trong biển cả". *"Khi được người thầy đầu tiên Manjushri khuyên đi gặp Bồ-tát Samantabhadra, Sudhana tràn đầy một khao khát trẻ thơ. Bồ-tát Samantabhadra! Hiện tại cậu không còn cần đến các tụng ca. Đó là bhutatathata, chân như, vượt ra mọi lời nói, là cái tạo nên sự giác ngộ nền tảng" (trang 416).*

Ngài nói: *"Bồ-tát Sudhana, giờ thì cậu gặp tôi ở đây, cậu hẳn thấy được Phật tánh ở tôi. Theo cách đó cậu sẽ được sinh ra lần nữa trong Pháp thân của tôi. Đó không phải ai khác ngoài Phật Vairochana (Đại Phật Như Lai). Vairochana là Phật tánh chân thật thanh tịnh".*

Lúc đó Sudhana thấy tất cả lỗ chân lông trên người Samantabhadra đều chứa vô số Phật. Quanh mỗi vị Phật có những đám đông tụ lại như mây. Bồ-tát Samantabhadra gần như không còn gì để nói với Sudhana nữa. Có lẽ đó là cách ông vượt qua cách biệt giữa có và không. Và ông nói một lời cuối cùng: *"Tôi còn một điều cuối cùng phải nói. Cậu bình đẳng với Đức Phật và chư Bồ-tát. Từ nay trở đi những người cậu gặp sẽ không còn là Phật và Bồ-tát hay bất cứ vị thầy nào nữa, mỗi người họ sẽ là chúng sanh mà cậu phải gặp với trí huệ và lòng từ bi" (trang 420).*

Câu cuối cùng của tác phẩm: *"Đi nào, lên đường thôi", Sudhana tự nói với mình.*

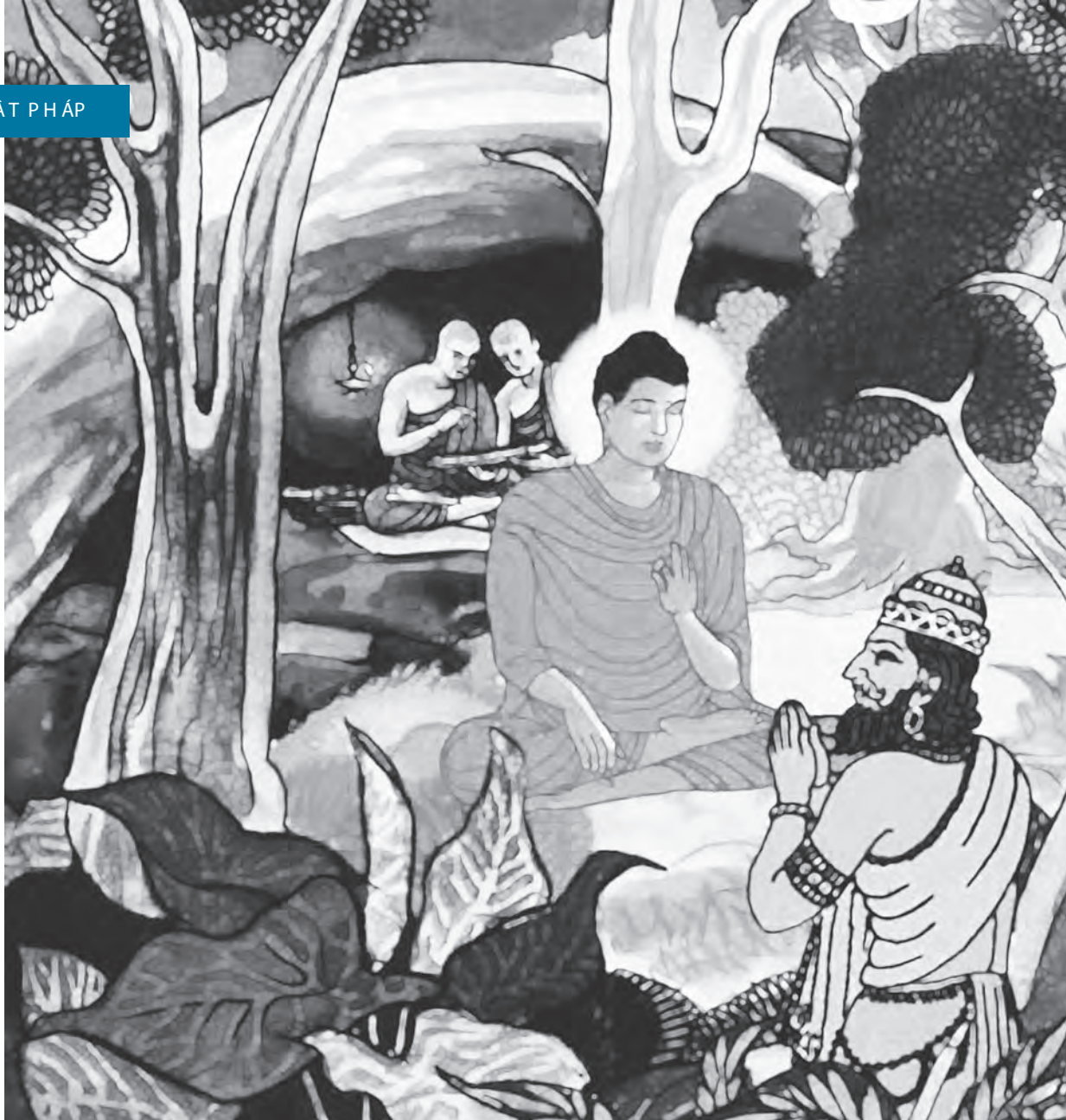
Lên đường, lại lên đường. Nhưng là sự lên đường của "giọt nước trong biển cả", nghĩa là mãi mãi lên đường trong chính quê nhà bao la vô hạn của mình. Một cuộc hành hương vô tận của chính cái vô tận.

Như Thiền sư Thường Chiếu (?-1203) đời Lý đã nói:

*Đạo vốn không nhan sắc
Mỗi ngày mỗi mới khoe
Ngoài vô biên thế giới
Chỗ nào chẳng quê nhà. ■*

Chú thích:

1. *Từng Bước Chân Nở Hoa* (1991), tác giả Ko Un, Trịnh Huy Ninh dịch, Nxb Dân Trí, 2019.



Vua Pasenadi và Đức Phật

Sự thức tỉnh lớn của vua Pasenadi

THÁI HẰNG

Pasenadi (Ba-tư-nặc) là một vị vua Phật tử rất mến mộ Đức Phật và giáo pháp của Ngài. Tên tuổi của ông được đề cập khá nhiều trong các bản kinh Pàli Nikàya. Tuyển tập *Samyutta Nikàya* dành luôn một chương, chương Tương ưng Kosala, ghi lại các mẫu chuyện đàm đạo giữa nhà vua và Đức Phật.

Từng du học tại trung tâm học thuật nổi tiếng Takkaṣiḷā, Pasenadi chính thức nắm vương quyền Kosala ngay sau khi phụ vương ông, vua Mahākosaḷa, băng hà. Ông trị vì vương quốc Kosala rộng lớn bao gồm nhiều

lãnh địa và các tiểu quốc chư hầu. Cộng hòa Sākya của Đức Phật với kinh đô Kapilavatthu là một trong số các tiểu quốc thuộc quyền kiểm soát của ông.

Quốc vương Pasenadi chính thức trở thành Phật tử sau một cuộc hội kiến thú vị giữa ông và Đức Phật, trong đó ông tỏ vẻ hoài nghi về khả năng giác ngộ của Ngài và được Đức Phật giải tỏa bằng một ẩn dụ ý nhị nói về “*tiềm năng của những gì người ta xem là nhỏ*”.

Theo các tài liệu còn lưu lại thì Pasenadi là ông vua hiền triết, có tâm hồn mẫn cảm, thích suy tưởng, tham cứu triết học và có đời sống nội tâm sâu sắc². Ông tuân

thủ các ngày trai giới³ và sống tiết độ⁴. Các tài liệu nói về ông lưu trong nhiều bài kinh cho thấy ông rất tôn kính Đức Phật và thích đàm đạo với Ngài⁵. Hễ có dịp hoặc có tâm sự gì thì ông liền đến yết kiến bậc Đạo sư và thổ lộ nỗi lòng với Ngài. Ông tìm thấy chỗ nương tựa lớn và học hỏi rất nhiều từ Đức Phật⁶. Đời sống tâm linh của ông cũng được hỗ trợ lớn từ phía hoàng hậu Mallikā, một tín nữ rất ngưỡng mộ Đức Phật và rất giỏi Phật pháp⁷.

Pasenadi biểu lộ dấu hiệu yêu quý đời sống tiến bộ tâm linh và thực nghiệm nội tâm sâu sắc qua những cuộc diện kiến học hỏi và đàm đạo với Thế Tôn. Nhiều chứng cứ còn lưu lại cho thấy ông hoàn toàn thay đổi sau mỗi lần đến yết kiến bậc Đạo sư. Ông không còn hống hách như xưa, tính tình dịu dàng và trầm lắng hơn, tự cởi bỏ áo mão và bỏ lại ấn kiếm trước khi gặp Đức Phật, một mình đi bộ đến gõ cửa chỗ Ngài ở để được yết kiến bậc Đạo sư trong tâm trạng một người đệ tử khao khát hiểu biết tâm linh. Càng ngày tâm sự của ông càng cởi mở và sâu lắng hơn. Ông tha thiết học hỏi và cần nhắc rất kỹ các hành vi thiện, bất thiện và kết quả của chúng⁸. Ông tham vấn kỹ các diễn biến của tâm thức⁹ và hiểu rõ sự nguy hại của tham, sân, si, các cấu uế của tâm¹⁰. Ông cũng quan tâm nhiều về ý nghĩa cuộc đời¹¹, về lẽ vô thường¹², động cơ của nói láo¹³, sức mạnh và sự dối trá của tham dục¹⁴, lợi ích của sự phòng hộ thân, khẩu, ý...¹⁵ Kết quả, ông ngộ ra nhiều điều và bộc lộ nhiều tư tưởng sâu sắc.

Các tài liệu cho thấy Pasenadi quyết tâm thực hành chế độ ăn kiêng theo mách bảo của Đức Phật và nhận ra lợi ích của lời Phật dạy¹⁶. Ông ngộ ra lẽ vô thường của cuộc đời¹⁷, sự khổ đau của tâm luyến ái¹⁸, thấy rõ sự cam dỗ và sự nguy hại của dục vọng.

Ông tâm sự: “Bạch Thế Tôn, lúc ngồi trong pháp đường để xử kiện, con thấy chính các vị Sát-đế-ly đại phú, các Bà-la-môn đại phú, các gia chủ đại phú, phú hào, có tiền của lớn, có tài sản lớn, có nhiều vàng và bạc, có nhiều tài sản vật dụng, có nhiều tiền của, ngũ cốc; vì nhân các dục, vì duyên các dục, vì nguyên nhân các dục, đã dụng ý nói lời vọng ngôn¹⁹. Ở đây, bạch Thế Tôn, trong khi con đang ngồi yên tịnh một mình, tư tưởng này khởi lên nơi con: Ít thay là những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào lại có thể không bị lôi cuốn, không bị chìm đắm, không bị say mê trong các dục và không có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác. Trái lại, thật là nhiều thay, những người trong đời này, sau khi được tài sản phong phú, dồi dào, có thể bị lôi cuốn, bị chìm đắm, bị say mê trong các dục và có những hành vi không tốt đẹp đối với các người khác²⁰”.

Pasenadi cảm nghiệm sâu sắc ý nghĩa và giá trị của đời sống tự chế và an ổn tự nội khi ông nói: “Những ai sống thân làm ác, sống miệng nói ác, sống ý nghĩ ác; đối với người ấy, tự ngã là kẻ thù. Trái lại, những ai sống thân làm thiện, sống miệng nói thiện, sống ý nghĩ thiện, đối với họ, tự ngã là thân ái²¹”.

Bởi theo ông: “Những ai thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, những người ấy không bảo vệ tự ngã. Dầu cho họ được tượng binh bảo vệ, hay được mã binh bảo vệ, hay được xa binh bảo vệ, hay được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã không được bảo vệ. Vì cố sao? Vì sự bảo vệ như vậy là bảo vệ ở ngoài, không phải sự bảo vệ bên trong. Nhưng những ai thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, những người ấy bảo vệ tự ngã. Dầu cho họ không được tượng binh bảo vệ, hay không được mã binh bảo vệ, hay không được xa binh bảo vệ, hay không được bộ binh bảo vệ; đối với những người ấy, tự ngã được bảo vệ. Vì cố sao? Vì sự bảo vệ như vậy là sự bảo vệ bên trong, không phải sự bảo vệ ở ngoài²²”.

Nhà vua cũng thấm thía cảm giác thất bại của chiến tranh²³, thấy rõ động cơ xấu xa của dục vọng²⁴, ngộ ra lẽ vô thường của cuộc đời²⁵, nên ông hạn chế tối đa các động thái tranh chấp xâm lăng, không gây thêm oán thù²⁶, thiết lập tình bằng hữu với nhiều quốc gia²⁷. Ông cho rằng các vua chúa thường say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn bằng vũ lực, nhưng các trận chiến quân sự hay kinh tế không đem đến một hướng đi, một điểm tựa cho con người một khi bị giã chết chinh phục²⁸.

Có một bản kinh lưu ở *Tương ưng bộ* nói rõ sự thức tỉnh lớn của nhà vua đẩy quyền lực Pasenadi sau nhiều lần đàm đạo với Thế Tôn, bậc Chánh đẳng giác:

Thế Tôn nói với vua Pasenadi nước Kosala đang ngồi một bên:

- Thưa Đại vương, Đại vương đi từ đâu lại?

- Bạch Thế Tôn, con rất là bận rộn với những sự việc của vua chúa bận rộn. Các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ, và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn.

- Thưa Đại vương, Đại vương nghĩ thế nào? Ở đây, nếu có người đến với Đại vương từ phương Đông, một người thân tín, đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: “Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Đông lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm”.

Rồi một người khác đến từ phương Tây... Rồi một người thứ tư đến từ phương Bắc... Rồi một người thứ tư đến từ phương Nam, thân tín đáng tin cậy. Người ấy đến Đại vương và thưa: “Tâu Đại vương, mong Đại vương được biết, con từ phương Nam lại và có thấy tại đấy một ngọn núi cao như hư không, đang di chuyển và chà đạp, đè bẹp lên tất cả loại hữu tình. Tâu Đại vương, Đại vương hãy làm những gì cần phải làm”. Như vậy, thưa Đại vương, một khủng bố lớn khởi lên cho Đại vương, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sanh làm người thật khó khăn, thời Đại vương có thể làm được những gì?



Vua Pasenadi viếng thăm Đức Phật

- Như vậy, bạch Thế Tôn, một khủng bố lớn khởi lên, sự diệt tận nhân loại thật khủng khiếp, được tái sinh làm người thật khó khăn, thời con có thể làm được những gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh làm các hạnh lành, làm các công đức!

- Thưa Đại vương, Ta nói cho Đại vương biết, Ta cáo cho Đại vương hay. Thưa Đại vương, già và chết đang tiến đến chinh phục Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục, Đại vương có thể làm được gì?

- Bạch Thế Tôn, khi con bị già và chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn quốc độ và sống chinh phục cả vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với tượng binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với tượng binh không đem lại một hướng đi (gati), một điểm tựa cho các vua chúa ấy, một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, những sự việc như các vua chúa Sát-đế-ly đã làm lễ quán đảnh, say đắm, kiêu hãnh với vương quyền, thọ hưởng tham lam vật dục, đạt được sự an toàn

quốc độ và sống chinh phục cả một vùng đất đai rộng lớn cùng các trận chiến với mã binh... với xa binh... với bộ binh. Bạch Thế Tôn, các trận chiến với bộ binh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương quốc này có những Đại thần tinh luyện về thần chú. Các vị này có thể với thần chú, phá tan quân địch tới tấn công. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến chú thuật không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Bạch Thế Tôn, trong vương cung này có nhiều sổ vàng được chứa cất trong những nhà hầm hay những lầu thượng, và với sổ vàng ấy chúng con có thể phá tan quân địch tấn công tài chánh. Nhưng bạch Thế Tôn, các trận chiến tài chánh không đem lại một hướng đi, một điểm tựa cho các vị vua chúa ấy một khi bị già chết chinh phục.

Và bạch Thế Tôn, khi con bị già chết chinh phục, thời con có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

- Như vậy là phải, thưa Đại vương. Như vậy là phải, thưa Đại vương. Khi Đại vương bị già chết chinh phục,

Đại vương có thể làm được gì, ngoại trừ sống đúng pháp, sống chơn chánh, làm các hạnh lành, làm các công đức!

Thế Tôn nói như vậy và bậc Đạo Sư nói thêm:

Như núi đá rộng lớn,
Dựng đứng lên hư không,
Tiến tới tràn xung quanh,
Áp đè cả bốn phía.
Cũng vậy, già và chết
Di chuyển đến hữu tình,
Giai cấp Sát-đế-ly,
Bà-la-môn, Phệ-xá,
Thủ-đà, Chiên-đà-la
Kẻ đồ rác, đồ phân,
Không một ai thoát khỏi,
Tất cả bị chinh phục.
Ở đây không tượng binh,
Không xa binh, bộ binh,
Không trận chiến chú thuật,
Không trận chiến tài sản
Có thể giúp chiến thắng,
Chống với già, với chết.
Do vậy người hiền trí,
Thấy rõ phần tự lợi,
Người trí đặt tin tưởng,
Vào Phật, Pháp và Tăng.
Ai với thân, khẩu, ý,
Hành trì đúng Chánh pháp,
Đời này được tán thán,
Đời sau, hưởng phước trời²⁹.

Đức Phật dùng hình ảnh ngọn núi đá khổng lồ di chuyển đè bẹp cả thế giới để lưu nhắc quốc vương Pasenadi về quy luật vô thường bất an của toàn bộ thế giới hiện hữu trong đó con người tồn tại. Tựa như sự mong manh của đời người, chẳng ai dám chắc sự sống sẽ tồn tại mãi trên hành tinh nhỏ bé dễ thương tồn như Trái đất mà ở đây nhân loại đang sinh sống. Không ai chống lại được sự sụp đổ của toàn bộ cấu trúc hiện hữu thì còn nói gì đến việc chinh phục lẫn nhau giữa các quốc gia bằng sức mạnh quân sự hay kinh tế. Rõ là chẳng có ý nghĩa gì cho mọi toan tính của con người trong cục diện một thế giới đi đến sụp đổ như vậy. Con người đi đến sụp đổ. Cả thế giới đi đến sụp đổ. Theo lời Phật, nếu con người thường xuyên quán sát các sự kiện suy sụp bất an của tự thân và của thế giới chung quanh thì sẽ đoạn trừ được tính khí kiêu mạn, khắc phục tham vọng dẫn đến buông bỏ thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác³⁰.

Vua Pasenadi hoàn toàn tỉnh thức sau những gợi ý tế nhị của bậc Giác ngộ. Những phát biểu của ông về sức mạnh của các trận chiến quân sự, kinh tế và chú thuật (tình báo) mà ông sở hữu cho thấy ông ý thức rất rõ sự vô ích, không có điểm tựa của mọi mưu toan thế lực của con người trước sự thật vô thường của

cuộc đời. Chúng không mang lại hướng đi (*gati*) an lạc, không phải là chỗ nương tựa vững chắc của con người.

Nói cách khác, mọi nỗ lực toan tính của con người trên cuộc đời không bảo đảm một đời sống an toàn, không chống đỡ được quy luật vô thường bất an của hiện hữu. Sự thức tỉnh này nói rõ trí tuệ giác ngộ của vua Pasenadi, đồng thời mở ra cho ông và vương quốc của ông một lối sống thật sự nhân bản và hiền hòa. Ông buông bỏ mọi mưu toan hão huyền, chế ngự mọi tham vọng cường quyền, thực thi nếp sống chơn chánh đúng pháp, nỗ lực làm các hạnh lành, làm các công đức.

Rõ ràng, với lối sống và suy nghĩ chân chánh như vậy, Pasenadi tỏ rõ là một ông vua hiền triết và mến chuộng hòa bình. Ông rất thương dân³¹, mong muốn thân dân của mình được sống trong sự giàu có sung túc nhưng biết chế ngự tham dục, không nói láo, không làm hại, sống với thân làm thiện, miệng nói thiện, ý nghĩ thiện, sống chơn chánh đúng pháp, làm các hạnh lành, làm các công đức. Ông biểu lộ đời sống nội tâm phong phú và đánh giá cao hạnh phúc tâm linh. Ông rất quý kính Tam bảo, hộ trì lớn cho các hoạt động hoàng pháp của Đức Phật và Tăng chúng của Ngài. Tương tự như quốc vương Bimbisàra, Pasenadi quy ngưỡng Đức Phật đã tạo thuận lợi lớn cho giáo pháp của Đức Phật phát triển vững chắc và phổ biến rộng rãi trên toàn lãnh thổ Kosala, mang lại lợi lạc cho nhiều người. ■

Chú thích:

1. Kinh Tuổi trẻ, *Tương ưng bộ*.
- 2&6. Xem các bài kinh ở chương Tương ưng Kosala, *Tương ưng bộ*.
- 3&31. Kinh Ai sanh, *Trung bộ*.
- 4&16. Kinh Đại thực, *Tương ưng bộ*.
5. Kinh Pháp trang nghiêm, *Trung bộ*.
7. Kinh Ai sanh, *Trung bộ*; kinh Mallikā, *Tương ưng bộ*.
8. Kinh Thế gian, kinh Thân ái, kinh Tự bảo hộ, *Tương ưng bộ*.
9. Kinh Người, *Tương ưng bộ*.
- 10&20. Kinh Thiếu số, *Tương ưng bộ*.
11. Kinh Vua, *Tương ưng bộ*.
12. Kinh Vua, kinh Tổ mẫu, kinh Ví dụ hòn núi, *Tương ưng bộ*.
- 13&19. Kinh Xử kiện, *Tương ưng bộ*.
- 14&24. Kinh Thiếu số, kinh Xử kiện, *Tương ưng bộ*.
15. Kinh Thân ái, kinh Tự bảo hộ, *Tương ưng bộ*.
- 17&29. Kinh Ví dụ hòn núi, *Tương ưng bộ*.
18. Kinh Tổ mẫu, *Tương ưng bộ*; kinh Ai sanh, *Trung bộ*.
21. Kinh Thân ái, *Tương ưng bộ*.
22. Kinh Tự bảo hộ, *Tương ưng bộ*.
- 23&26. Kinh Hai lời nói về chiến tranh, *Tương ưng bộ*.
25. Kinh Vua, kinh Tổ mẫu, kinh Ví dụ hòn núi, *Tương ưng bộ*; kinh Người Kosala, *Tăng chi bộ*.
27. Kinh Năm vua, *Tương ưng bộ*.
- 28&29. Kinh Ví dụ hòn núi, *Tương ưng bộ*.
30. Kinh Sự kiện cần phải quán sát, *Tăng chi bộ*.

Năm đặc tính của Tỷ-kheo

THÍCH TRUNG ĐỊNH

Ngày mới xuất gia, tôi cứ say sưa nhìn quý Thầy đắp chiếc y vàng có nhiều ô ngang dọc như thửa ruộng và nhất là nhìn trên đầu quý Thầy có đốt ba chấm hương của một vị Tỷ-kheo mà lòng thấy vui thích lạ kỳ.

Tôi vẫn biết tu tập để đến ngày thọ Đại giới là rất khó và rất lâu. Ít nhất người đó phải tuổi đầy 20, sáu căn hoàn mãn, tinh thần và thể chất đều minh mẫn, khỏe mạnh, nhất là việc hành trì Kinh, Luật phải được thông thạo, khi ấy mới hội đủ tố chất của một vị Tỷ-kheo sống tu tập trong giáo pháp của Đức Phật.

Tỷ-kheo, danh từ cao quý và thiêng liêng mà người xuất gia học đạo ai cũng phải hướng đến. Giới Tỷ-kheo được gọi là Cụ túc giới, tức là giới pháp đầy đủ và hoàn mãn để bước vào đạo quả Niết-bàn giải thoát.

Tỷ-kheo còn được gọi là Bí-sô, Bạc-sô hay Tỷ-khưu, được giải thích là Khất sĩ, Bố ma, Phá phiền não, Trì tịnh giới. Luận *Trí độ* giải thích nghĩa Tỷ-kheo rằng Tỷ là phá, kheo là phiền não. Người có khả năng phá trừ phiền não gọi là Tỷ-kheo. Trong luận giải về kinh *Kim cương*, Đại sư Tông Mật đã đưa ra ba định nghĩa về thuật ngữ Tỷ-kheo:

1. Bô ma (zh. 怖魔): “mối lo sợ của ma quỷ”;
2. Khất sĩ (zh. 乞士); “sống bằng hạnh khất thực”;
3. Tịnh giới (zh. 淨戒): “giới luật thanh tịnh”.

Chữ Tỷ-kheo được dịch âm từ Phạn ngữ *Bhikkhu* sang chữ Hán, lại có một âm chữ Hán khác là Bí-sô. Danh từ Bí-sô và Tỷ-kheo đều là dịch âm từ chữ *Bhikkhu* hoặc chữ *Bhikshu*. Bí-sô và Tỷ-kheo như nhau, đều là tên gọi đối với giới xuất gia, cho nên trong kinh có chỗ gọi Bí-sô, có chỗ gọi Tỷ-kheo. Chư Tăng Ni Phật giáo

Ấn Độ, Tích Lan, Thái Lan, Lào, Campuchia được gọi nguyên gốc chữ Phạn *Bhikkhu*.

Bí-sô còn là tên của một loài cỏ thơm mọc trên núi tuyết xứ Ấn Độ, nay vẫn còn. Cỏ Bí-sô thơm cả thân lẫn lá; lúc còn non xanh cho đến khi già úa vẫn còn thơm. Mùi thơm dễ chịu không gay gắt. Thông thường các loài cỏ có thân mảnh khảnh chỉ mọc ở đồng bằng ruộng nương hay núi thấp, không thể mọc trên núi tuyết. Đằng này loài cỏ Bí-sô lại mọc ở núi tuyết quanh năm. Thân của nó chẳng những không bị hao mòn, rục rã bởi tuyết, trái lại luôn nảy nở, mọc tràn lan ra tứ phía suốt bốn mùa tuyết phủ.

Sách *“Phiên dịch Danh nghĩa”* có ghi loài cỏ *Bhikkhu* (Bí-sô) có năm đặc tính: 1. thể tánh nhu nhuyến, 2. dẫn mạn bàng bố, 3. hình hương viễn văn, 4. năng liệu đồng thống, và 5. bất bối nhật quang.

Thể tánh nhu nhuyến: Là thể chất mềm mại, ví dụ cho việc thân, khẩu, thuần thực, điều phục mọi thô xấu. Thể tánh này được biểu thị cho thể tánh của giới Tăng sĩ Phật giáo một khi đã xuất gia rồi thì tính tình được nhu mì, dịu dàng, luôn khiêm cung, ái ngữ, chánh trực, hoan hỷ, thuận hòa, bao dung, không thô tháo, luôn nhã nhặn, không hung dữ, thật thà, tự nhiên, bình đẳng, không nghi ngờ... Tất cả đều do thân, khẩu, ý an trú trên dòng tâm chánh niệm, tính thức sau khi đã được tu tập và hành trì giới luật chín chắn.

Dẫn mạn bàng bố: Mạn nghĩa là mọc tràn ra, mọc dài ra. Bàng nghĩa là mọc tràn lan cùng khắp. Hai đặc tính ấy được chỉ cho chư Tăng Ni trong Phật giáo thường đi khắp đó đây để hoằng dương Chánh pháp hóa độ chúng sinh bằng đôi chân của mình; dụ cho vị Tỷ-kheo thuyết pháp giáo hóa mọi người không

bao giờ mệt mỏi, không tuyệt dứt với hạnh nguyện lợi tha của mình.

Hình hương viễn vãn: Mùi thơm của cỏ Bí-sô bay xa khắp không gian. Được chỉ cho giới xuất gia trong Phật giáo một khi đã thọ giới Tỷ-kheo, ai cũng có giới đức trang nghiêm thanh tịnh ở bản thân. Cho nên ai gặp cũng thích, cũng thương mến kính trọng, cúng dường. Nhất là những vị danh tăng có đạo cao đức trọng, nền văn hóa Phật giáo lớn trong tâm, được quần chúng khắp thế giới nghe đến, liền khởi tâm hâm mộ, ngưỡng vọng và tiếp xúc, lễ bái... Như kinh *Pháp cú* dạy: *"Hương của các loại hoa không ngược bay chiều gió, chỉ có hương của người đức hạnh, ngược gió khắp tung bay"*.

Năng liệu đồng thống: Loài cỏ này có tác dụng dùng để chữa bệnh tật, là một vị thuốc chữa trị chứng đau nhức cơ thể. Dụ cho vị Tỷ-kheo có khả năng đoạn trừ mọi bất an, đau khổ, phiền não của thân tâm. Tất cả chư Tăng Ni trong Phật giáo đều có khả năng chữa trị được các thứ bệnh phiền não, tâm thần, cơ thể bằng thân lực tâm thức và các dược thảo.

Bất bối nhật quang: Loài cỏ này không bao giờ bị che khuất bởi ánh sáng mặt trời, nó luôn tìm ánh sáng của mặt trời để hướng đến. Loài cỏ này không mọc ngược lại với ánh sáng mặt trời. Đó là đặc tính của cỏ Bí-sô luôn luôn hướng về mặt trời. Mặt trời ở ngả nào, thân và lá cỏ Bí-sô hướng theo ngả đó. Ở đây được biểu thị cho chư Tỷ-kheo thường tư duy chánh kiến, luôn hướng về ánh sáng mặt trời trí tuệ là đạo lý của Đức Phật. Tăng Ni trong Phật giáo không bao giờ dám đi ngược lại ánh sáng Chánh pháp của Phật. Thân tâm luôn luôn thấy chơn chánh, nói năng chơn chánh, nhớ nghĩ chơn chánh và lúc nào cũng an trú thường hằng trong giới và định; dù cho sống trong môi trường, hoàn cảnh thuận duyên hay nghịch duyên vẫn theo Chánh pháp. Bằng không có thể sẽ bị đi ngược lại ánh sáng Chánh pháp Phật.

Thứ nữa, chư vị Tỷ-kheo Tăng Ni đang có mặt tại mọi quốc độ trên đường vận hành tu tập và hoằng hóa độ sanh trong các môi trường thuận duyên, nghịch duyên, hoàn cảnh phức tạp hay không, tâm vẫn hướng về Tổ quốc đất mẹ qua hành động dâng lễ, tưởng niệm báo đáp ân đức chư vị Tổ sư, giáo thọ, bổn sư, chư tôn đức tiền bối hữu công với đạo pháp, đàn-na tín thí, cũng

như tổ tiên, ông bà, cha mẹ, các vị anh hùng dân tộc... đã lập quốc và giữ nước.

Năm ý nghĩa của loại cỏ Bí-sô tương ứng với năm đức của nghĩa Tỷ-kheo. Tỷ-kheo thành tựu năm đức ấy là thành tựu trọn vẹn ý nghĩa của một người mang trọng trách *"thừa Như Lai sứ, hành Như Lai sự"*, mang sứ mệnh *"tục diệm truyền đăng"* đem ánh sáng Phật pháp gieo rắc làm lợi lạc mọi người. Vì đó mà lấy tên Bí-sô chỉ cho Tỷ-kheo cũng phải có đủ năm đức tính cao quý.

Vì thế cho nên Đức Phật chọn danh từ Tỷ-kheo (*Bhikkhu*) tên của loài cỏ thơm để đặt tên cho các thiện nam, tín nữ xuất gia thành Tăng, Ni ai cũng được gọi là Tỷ-kheo sau khi thọ Đại giới như vậy, là vì Ngài thấy rằng giới luật và giáo lý của Ngài, ai xuất gia tu hành đúng theo giới luật và Phật pháp đều được có đủ năm đặc tính như loài cỏ thơm Bí-sô. Đó là về phía Đức Thế Tôn đặt niềm tin và hy vọng nơi hàng đệ tử xuất gia của Ngài là chư vị Tỷ-kheo Tăng, Tỷ-kheo Ni ai cũng có năm đặc tính như loài cỏ thơm. Còn về phía chư vị Tỷ-kheo Tăng, Tỷ-kheo Ni được có năm đặc tính ấy hay không là do cá nhân Tăng Ni tự xét mình. Vì thế cho nên danh từ Tỷ-kheo không phải là một tước vị, chức vụ mà là thuộc về đặc thù tư tưởng ở giới tánh thường hằng tịch tịnh trang nghiêm tịnh độ thân tâm. Do vậy hai chữ Tỷ-kheo, một danh từ đặc biệt, thuần túy duy nhất chỉ có trong đạo Phật dùng chỉ cho giới xuất gia Tăng

Ni. Các tôn giáo khác không có, họ chỉ có danh từ Sa-môn, tên gọi chung cho tất cả những người thoát ly gia đình dẫn thân tu hành theo đạo lý tôn giáo nào đó trong thuở xưa bên Ấn Độ. Do vậy chư Tăng-già trong Phật giáo cũng thường dùng danh từ Sa-môn và kể cả Phật tử cư sĩ có tâm xuất gia, còn thân tại gia có tu học Phật pháp chín chắn cũng được dùng danh từ Sa-môn, tuyệt đối không được dùng Tỷ-kheo.

Hương từ Bí-sô, nghe sao mà cao quý quá! Ai vẫn cứ ngỡ một loại cây cỏ hoang dại thì chẳng có lợi ích gì. Nhưng quả thật, giữa cỏ *Munjā* và lau sậy *Babaja* rồi tung, người ta đã tìm thấy hương từ Bí-sô xen lẫn giữa thiên nhiên, đất trời nhưng âm thầm mang trên mình một triết lý, một đạo lý sống động nhiệm mầu, đánh thức loài cỏ dại cố vươn mình về hướng mặt trời và hấp thụ tinh khí uyên nguyên của trời đất để cùng tô điểm thêm đẹp cho đời.

Nên cỏ Bí-sô, hương Bí-sô được ví cho người xuất gia lấy giới hạnh để phòng hộ thân tâm nhằm tăng trưởng từ bi và trí tuệ, cùng thấp sáng ngọn đèn tuệ giác, mang lại an lạc, hạnh phúc cho mình và cho mọi người. ■





TÂM SƯ

HUYỀN MINH

"Sư thuyết" là một tác phẩm do Hàn Dũ viết để tặng cậu học trò 17 tuổi tên là Lý Tử Bàn. Tác phẩm viết theo thể tản văn, nội dung ngắn gọn súc tích mang tính triết lý cao. Tác phẩm này nằm trong quyển *"Cổ Văn Quan Chỉ"* là bộ tuyển tập cổ văn do Ngô Sở Tài và Ngô Điều Hầu tuyển soạn, chú giải và được in vào năm 1695 (Khang Hi 34). Đây là một tác phẩm quan trọng trong phong trào cổ văn nhằm đề cao tinh thần *tâm sư học đạo*, đồng thời lên án những thái độ tiêu cực, xấu hổ khi tìm thấy học ở đời trong xã hội lúc bấy giờ. Bên cạnh đó, ông cũng mạnh dạn đưa ra tư tưởng phóng khoáng trong giáo dục đương thời:

"Học trò không nhất thiết phải kém thầy; thầy không hẳn phải hơn học trò. Việc nghe đạo có trước sau, nghề nghiệp do chí thú nghiên cứu, chỉ thế mà thôi".

(Đệ tử bất tất bất như sư, sư bất tấn hiền ư đệ tử. Văn đạo hữu tiên hậu, toại nghiệp hữu chuyên công, như thị nhi dĩ).

Tác phẩm *"Sư thuyết"* cho chúng ta một bài học về tinh thần *tâm sư học đạo*, đồng thời là một thái độ học tập cởi mở, phóng khoáng và dung thông với nhau.

Chúng ta ai cũng đều ý thức được rằng cha mẹ sanh ra thân này và nuôi dưỡng ta trưởng thành, nhưng người truyền trao cho ta những kiến thức, dạy cho ta đạo lý thì chính là công lao của những bậc thầy như thầy dạy chữ, thầy dạy nghề, đặc biệt là thầy dạy đạo:

*Ân truyền thụ minh tâm khắc trí
Nghĩa sinh thành tạc dạ lưu tâm.*

Cho dù ngày nay ta có trở thành bậc vĩ nhân trong thiên hạ đi nữa thì cũng nhờ công ơn vun vén của những bậc thầy ngay từ lúc ban đầu.

Bởi vì:

"Con người khi mới sinh ra chẳng ai là đã biết tất cả, ai có thể không có điều nghi hoặc? Có điều nghi hoặc mà không tìm thầy học, điều nghi hoặc ấy cuối cùng cũng không sáng tỏ được".

(Nhân phi sinh nhi tri chi giả, thực năng vô hoặc? Hoặc nhi bất tòng sư, kỳ vi hoặc dã, chung bất giải hĩ).

Mỗi người nếu muốn thành công và hiểu biết đều phải trải qua quá trình học hỏi lâu dài, không phải một sớm một chiều mà thành tựu được. Quá trình đó sẽ

thật khó khăn, gian khổ biết bao nếu không có sự hỗ trợ và chỉ dạy tận tâm của các bậc thầy. Vì thế có thể thấy rằng vai trò của người thầy việc giáo dục, truyền đạt kiến thức cho người học là vô cùng quan trọng. Ít ai có thể sống trên đời mà không cần thầy dẫn dắt chỉ dạy, nhất là trên con đường tu tập đạo đức tâm linh.

Bởi con đường tâm linh của mỗi người mỗi khác, nếu lại thêm thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm để thẩm định đối chứng thì thật khó tưởng tượng mình có thể đi sai hướng ra sao. Thế nên ngàn ngừ có câu “Không thầy đố mày làm nên”.

Tại sao ta phải tìm thầy để học? Bởi vì thầy là những người sanh ra trước và đã trải qua chặng đường học tập lâu dài, có nhiều kinh nghiệm quý giá. Gần gũi học tập nơi thầy không chỉ những kiến thức, mà ta còn thâm nhập bắt chước những đức hạnh cao quý của người thầy.

Trong *Trang Tử Nam Hoa kinh* có ghi lại câu chuyện ham học hỏi của anh chàng Thúc Sơn Vô Chỉ như sau:

Khi Khổng Tử chu du liệt quốc, rất nhiều người tìm đến, mong được bái ông làm thầy. Nước Lỗ có người tên là Thúc Sơn Vô Chỉ. Anh ta vì phạm pháp luật nên bị xử tội chặt một chân. Thấy Khổng Tử, anh ta cứ chống nạng theo sau, mong được gặp Khổng Tử và xin bái Ngài làm thầy. Khi được tiếp kiến, Khổng Tử nói với anh ta: “Anh làm việc không cẩn thận, nên đã phạm tội bị chặt một chân. Nay anh cũng đã tìm được đến ta, nhưng không thể bù lại được, thế thì có tác dụng gì?”

Thúc Sơn Vô Chỉ trả lời: “Tôi chỉ vì không hiểu rõ đạo lý, nên mới mắc sai lầm để bị tội, bị chặt mất một chân. Hôm nay tôi tìm đến Ngài, là vì vẫn còn có thứ cao quý hơn chân, tôi muốn bảo toàn nó. Trời không nơi nào không che phủ, vạn vật đều được Đất nâng đỡ. Tôi vốn coi Ngài như là Trời Đất, nhưng nào ngờ Ngài lại có thái độ như thế này”.

Khổng Tử nghe xong, vô cùng xấu hổ, nói với Thúc Sơn Vô Chỉ rằng: “Khổng Khâu ta thực sự nông cạn, tiên sinh sao chẳng ngồi xuống, xin tiên sinh hãy nói những đạo lý mà tiên sinh biết, tôi vô cùng cung kính lắng nghe và xin được học tập tiên sinh”.

Sau đó, Khổng Tử nói với các đệ tử rằng: “Hôm nay ta đã phạm phải một sai lầm lớn. Tại sao ta lại có thể căn cứ vào cái thiện ác trước kia của người ta để phán đoán người ta là người thế nào cơ chứ? Người như Thúc Sơn Vô Chỉ thế này, bị mắc tội mà bị chặt mất một chân, vậy mà vẫn nỗ lực học tập để tu sửa lỗi lầm xưa, tự trau dồi bản thân. Thế thì người không có lỗi lầm thì còn thế nào. Các trò nhất định phải ghi nhớ, cho dù chỉ có ba người trên đường, trong đó nhất định sẽ có người là thầy chúng ta, phải học ưu điểm của người ta, và lấy khuyết điểm của họ để soi vào bản thân mình, từ đó mà sửa mình. Chỉ có như thế, chúng ta mới không ngừng tiến bộ”.

Qua câu chuyện trên ta thấy anh chàng Thúc Sơn Vô Chỉ tuy là phạm sai lầm nhưng luôn luôn có tinh thần

cầu tiến, học hỏi để hoàn thiện bản thân ngày càng tốt đẹp hơn. Như Khổng Tử nhận xét, anh ta phạm lỗi lầm mà còn tốt đẹp như thế, nếu không phạm lỗi, chắc hẳn là người hoàn hảo tới nhường nào. Về phía Khổng Tử, mặc dù được mọi người xưng tụng là bậc thánh nhưng khi nhận ra mình có điều không đúng lập tức nhận lỗi, gọi Thúc Sơn Vô Chỉ là tiên sinh và cầu xin chỉ dạy. Đây chính là tinh thần học tập của người xưa, không cảm thấy xấu hổ khi học với những người không bằng mình, hết sức khiêm tốn, thẳng thắn, điều gì không biết thì xin chỉ dạy.

Thế nên Khổng Tử nói:

“Trong ba người cùng đi, ở đó ắt có người là thầy ta”.

(Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yện).

Tất cả mọi người, ai cũng có điểm tốt, điểm xấu, sở trường sở đoản; ngay cả những nhân vật vĩ đại cũng không ngoại lệ. Tuy nhiên, điểm khác biệt là họ không ngại lắng nghe, không ngại học hỏi những điều hay tốt của người khác, cho nên nơi họ đã quy tụ những điều tốt đẹp, phi thường nhất. Do đó, ai ai cũng đều là thầy mình, cũng là người đáng cho mình học hỏi. Trong *Tam Tự kinh* có câu:

“Thuở xưa, đức Trọng Ni tôn Hạng Thác làm thầy, ngài là đáng thánh hiền đời xưa mà còn phải siêng học”.

(Tích Trọng Ni, sư Hạng Thác. Cổ thánh hiền, thượng cần học)².

Truyện kể rằng:

Hạng Thác là một thiếu niên ở nước Yên. Một hôm, Hạng Thác đến gặp Khổng Tử và nói: “Con nghe nói Khổng tiên sinh học vấn uyên thâm, con đến xin tiên sinh dạy bảo”. Khổng Tử cười và nói: “Xin mời, con hãy nói coi”. Hạng Thác chấp tay bái Khổng Tử rồi hỏi: “Tiên sinh cho hỏi nước gì không có cá? Lửa gì không có khói? Cây gì không có lá? Hoa gì không có cành?”.

Khổng Tử nghe xong, cười và nói: “Con đúng là hỏi kỳ quặc. Sông, biển, ao, hồ, nước gì cũng đều có cá. Bất kể củi, rơm, đèn, đuốc, lửa gì cũng có khói. Còn các loài cây cỏ, nếu không có lá thì không thành cây, không có cành thì cũng chẳng có chỗ mà mọc ra hoa”.

Hạng Thác nghe xong cười một lát, rồi lắc đầu nói: “Không đúng! Nước giếng thì không có cá. Lửa đom đóm thì không có khói. Cây khô thì không có lá. Hoa tuyết thì không có cành”. Khổng Tử khen rằng: “Hậu sinh khả úy, lão phu xin bái cậu làm thầy”.

Như vậy, mỗi người đều có sở trường riêng của mình trong thiên hạ. Khổng Tử dù là bậc thánh, trí huệ uyên thâm nhưng vẫn tôn chàng thiếu niên Hạng Thác làm thầy. Trong bài “Sư thuyết”, Hàn Dũ đưa ra quan điểm: “Người sinh trước ta, nghe đạo ấy vốn trước ta, ta theo học và tôn làm thầy. Người sinh sau ta nhưng nghe đạo trước ta, thì ta cũng theo học và tôn làm thầy. Ta theo đạo đó để học, đâu cần biết người đó sinh trước hay sinh sau ta?”.



Cho nên không kể sang hèn, không luận lớn nhỏ, hễ người nào có Đạo, ta cũng theo học. Lại có câu rằng: “*Bất si hạ vấn*”, không xấu hổ khi phải học hỏi kẻ dưới mình. Thánh nhân không chỉ học một thầy duy nhất, như Khổng Tử học Đàm Tử, Trường Hoảng, Sư Tương, Lão Đàm. Học trò chưa hẳn đã không bằng thầy, thầy chưa hẳn đã hiền đức hơn học trò, học đạo có phân trước sau, mỗi nghề nghiệp đều có kỹ năng và chuyên môn riêng mà thôi. Khi xưa Thái tử Tất-đạt-đa văn võ song toàn, trí tuệ hơn người, thông suốt kinh điển Vệ-đà, đến nỗi các bậc thầy khi tiếp xúc chỉ dạy cho ngài đều khen ngài thông minh và họ không còn gì để dạy nữa. Vậy mà khi xuất gia ngài vẫn tầm sư học đạo suốt năm năm trời và sáu năm khổ hạnh, sau đó mới thành tựu Chánh giác. Bậc thánh thời xưa tài năng trí huệ hơn người rất nhiều, mà còn tìm thầy để hỏi. Người đời nay, kém xa thánh nhân nhiều lắm, thế mà lại xấu hổ khi học với thầy. Cho nên bậc thánh lại càng thánh, kẻ ngu lại càng ngu. Thánh nhân sở dĩ là thánh, kẻ ngu sở dĩ là ngu, có lẽ đều từ đây mà ra chăng?

Cổ đức có câu *Ngọc bất trác, bất thành khí. Nhân bất học, bất tri lý*, nghĩa là ngọc không mài giũa thì không thành đồ dùng. Người không học thì không biết nghĩa lý³. Con người cao quý là nhờ đức hạnh và sự hiểu biết. Người khéo học hỏi người khác là người có thể thấy bất kỳ người nào cũng có những điều mình cần học. Thế nên, bất kỳ ai cũng đều là thầy của mình để học hỏi. Hàn Dũ không những ảnh hưởng tinh thần “*Tam nhân hành tất hữu ngã sư yên*” mà còn mang cả tư tưởng học kỹ trong *Lễ ký* của Khổng Tử:

“*Học rồi mới biết rằng tri thức của mình chưa đủ, khi dạy người mới biết chỗ mình bế tắc. Biết tri thức của mình chưa đủ thì sau mới biết soi xét bản thân cần bổ sung gì, biết chỗ mình bế tắc thì mới có thể tự mình phấn đấu vươn lên*”.

(Học nhiên hậu tri bất túc, giáo nhiên hậu tri khốn. Tri bất túc, nhiên hậu năng tự phản; tri khốn, nhiên hậu năng tự cường).

Như vậy, thầy ở đây không mang nghĩa quyền uy tuyệt đối, mà thầy trò dung thông với nhau, hoàn thiện lẫn nhau. Đó cũng chính là tinh thần học hỏi một cách rộng mở, phóng khoáng, có thể tiếp thu tất cả sở trường sở đoản của mọi người, tìm ưu điểm của họ để học theo, thấy khuyết điểm của họ để soi sáng cho chính mình, rồi sửa đổi bản thân, ngày càng hoàn thiện hơn, có như thế bản thân mới mau tiến bộ.

Cũng như biển rộng mênh mông là nhờ biển sâu nhận tất cả dòng nước đổ vào nó, không từ chối bất kỳ giọt nước nào. Núi cao sừng sững muôn trượng là do núi đất chứa từng hòn đá nhỏ mà tạo thành.

Ngày nay, xã hội càng phát triển thì vai trò của người thầy ngày càng quan trọng hơn. Kiến thức thì rộng lớn mênh mông như biển cả, người mới học không thể nào tự mình nắm bắt và chọn lọc được. Do đó, vai trò của người thầy càng cấp thiết hơn, thầy là người dẫn lối đưa đường cho người học tiếp cận kiến thức và đạo lý bằng con đường nhanh nhất.

Người thầy không chỉ dạy chữ mà còn quan tâm đến người học bằng cả trái tim và lòng bao dung. Biết khơi dậy tiềm năng sở trường vốn có trong mỗi học trò của mình, sáng tạo ra nhiều phương pháp học hiệu quả. Dạy cho học trò biết cách tự học, tự đọc sách, tìm tòi, tra cứu để phát hiện ra những điều mới mẻ. Chính nhờ những người thầy đó mà những đam mê, năng khiếu tiềm ẩn trong người học mới được khơi dậy và phát triển. Do đó, học đời hay học Đạo cũng đều cần phải có thầy hướng dẫn để đạt được những thành tựu nhất định trong cuộc sống.

Do đó, trách nhiệm của người học trò đối với thầy mình là phải hết lòng tôn trọng cung kính những bậc thầy, có tinh thần cầu học cầu tiến trong việc rèn luyện đạo đức và lãnh vực chuyên môn mà mình theo học. Đồng thời người học trò phải có lòng tri ân sâu sắc đối với những bậc thầy đã dạy mình cho dù là đời hay đạo. Bởi vì, nếu “*Không có sư trưởng thế gian thì không biết lễ nghĩa, không có sư trưởng xuất thế thì không hiểu Phật pháp. Lễ nghĩa không biết không khác gì cầm thú, Phật pháp không hiểu thì cũng như phạm tục*”⁴.

Bất kỳ ai sinh ra lớn lên đều phải có thầy chỉ dạy mới trở thành người hữu ích cho gia đình và xã hội. “*Một chữ cũng là thầy, nửa chữ cũng là thầy*”. Từ ý nghĩa đó thì cha mẹ, anh em, bạn bè... tất cả mọi người ai cũng là thầy của mình, đáng cho mình học tập. Vì vậy, mỗi người phải có thái độ học tập chân chính và tinh thần tôn trọng, biết ơn những bậc thầy của mình. Đây chính là ý nghĩa, là bài học quý giá của tác phẩm “*Sư thuyết*” mà Hàn Dũ muốn gửi đến người học. ■

Chú thích:

1. Thu Giang - Nguyễn Duy Cần, *Trang Tử - Nam Hoa kinh*. 2&3. Đoàn Trung Còn (dịch), *Tam Tự kinh*.
4. Đại sư Thật Hiền, Thích Trí Quang dịch, *Phát Bồ-đề tâm văn*, 1997.

Một nhà sư giữa các linh mục

GUOYING STACY ZHANG

CAO HUY HÓA dịch

Viết bài này trong đại dịch coronavirus đang diễn ra, tôi có thể tự hỏi làm thế nào virus này, một trong vô số virus trên Trái đất, đã mang đến những điều xấu nhất và tốt nhất cho nhân loại? Coronavirus dường như là biểu tượng. Nó có thể là bất cứ điều gì khiến người ta sợ hãi và chia cách, gây ra thành kiến, thù hận, bạo lực... nhưng tôi có một niềm tin sâu sắc vào khả năng kết nối của con người. Hãy để tôi chia sẻ một câu chuyện với bạn.

Một mùa hè nọ, sau khi dự một đám cưới ở Oslo (thủ đô của Na Uy), tôi đi du lịch khắp châu Âu, đến những nơi cũ và mới, gặp gỡ bạn bè nơi này nơi kia: Sông Seine, Nhà hát Opera ở Vienna, Đảo Bảo tàng ở Berlin, Đền thờ Poseidon bên ngoài Athens... uống rượu gần như mỗi ngày. Tuy nhiên, tôi đã hoàn toàn tỉnh táo trong suốt thời gian ở Bỉ. Tôi đã đến thăm một nhà sư Phật giáo Trung Quốc, bạn của tôi, và các tu sĩ Phật giáo Trung Quốc, họ giữ hàng trăm giới, trong đó có giới không uống rượu.

Trên thực tế, đó là nhà sư Phật giáo đầu tiên mà tôi từng biết. Khi tôi nghiên cứu lịch sử nghệ thuật ở Luân Đôn, tôi đã viết một luận văn về gốm sứ được sử dụng làm đồ thờ tôn giáo ở cuối thời kỳ quân chủ Trung Quốc. Văn học về gốm sứ rất phong phú, nhưng làm gốm sứ đó như thế nào là chuyện bí ẩn. Tôi đã thấy nhà sư trong những chiếc áo tu quanh thư viện trường đại học một vài lần, cho đến khi tôi quyết định tiếp xúc sư để có kiến thức về thế giới nội tâm. Ngay sau đó, sư tiếp tục theo học tiến sĩ về nghiên cứu Phật giáo tại Bỉ. Đối với tôi, sự thâm nhập vào Phật giáo đã đưa tôi vào một hành trình ngoài mong đợi và đầy cảm hứng: Tôi đào sâu nghiên cứu về nghệ thuật Phật giáo, làm việc tại các tu viện Phật giáo, và thậm chí bắt đầu viết một chuyên mục về Phật giáo. Vì vậy, tôi đã luôn muốn theo đuổi bạn mình và tôi chưa bao giờ đến Bỉ.

Chỗ trọ của nhà sư thật là thú vị. Đó là một nhà dưỡng lão cho các linh mục Thiên Chúa giáo đã nghỉ hưu. Nằm trong một quận sung túc của thành phố, nơi cư trú được thiết kế chu đáo để cho người già thoải mái và thuận tiện. Hơn nữa, tiền thuê cho cư dân bên ngoài và khách rất hữu nghị. Vì mối liên hệ cá nhân của trường khoa Thần học tại trường đại học, nhà sư và sinh viên từ nước ngoài đã được cung cấp chỗ tiện



ngơi nơi đây. Được hưởng những điều kiện thuận lợi, tôi ở lại đây trong năm ngày, trong khi có thể đi đến các thành phố khác bằng tàu hỏa.

Vào ngày đầu tiên, sư hướng dẫn tôi đi xem xung quanh tòa nhà. Sư nói với tôi rằng tuổi trung bình của các linh mục nơi đây là hơn 80. Dường như cho dòng tu Don Bosco, họ đã đi đến các nơi khác nhau trên thế giới, thành lập trường phổ thông, trường cao đẳng và giúp cải thiện giáo dục địa phương cho những người trẻ tuổi. Bây giờ họ trở về quê hương, nhưng hầu như không có người thân. Giáo xứ nhận trách nhiệm phụng dưỡng họ và các tình nguyện viên đến để nấu ăn và dọn dẹp giúp họ. Nhưng mỗi linh mục có phòng riêng và sống tự sức mình là chính.

Ban đầu, nhà sư đã cố gắng giúp họ những việc thiết thực, chẳng hạn như lấy các dụng cụ ăn: dao, muỗng, nĩa... bởi vì trong văn hóa Trung Quốc, đây là một cách thể hiện đạo đức chăm sóc người già. Nhưng sư sớm

nhận ra rằng việc đó không được đánh giá cao ở đây, vì vậy sư đã thôi. Có nhiều sự khác biệt ở nơi này. Chẳng hạn, trong khi nhà sư và các linh mục đều độc thân, các tu sĩ Phật giáo Trung Quốc không ăn thịt. Tuy nhiên, sư dường như không cảm thấy phiền hà bởi sự bất tiện nào. Vào lúc tôi sắp hết chuyến tham quan, sư giải thích về giờ ăn và chỉ cho tôi nơi thức ăn và đồ uống ở trong bếp. *"Tôi nghe nói ở đây cũng có một hầm rượu, nếu chị thích rượu vang", sư nói thêm.*



Ồi, rượu thì thích quá! Ngay cả cho đến ngày nay, mặc dù tôi đã trở thành một Phật tử, tôi không thể giữ giới không uống rượu. Tôi biết rằng các tu sĩ Thiên Chúa giáo uống rượu vang, và thậm chí họ còn làm rượu vang - làm rất ngon. Nhưng tôi không bao giờ đi vào hầm rượu. Tôi không muốn uống một mình, và tôi không biết liệu các linh mục nghỉ hưu có muốn uống với tôi hay không. Họ trông rất nghiêm khắc. Thật kỳ lạ, họ nói nhiều ngôn ngữ



trên thế giới: Flemish, Pháp, Đức, Ý... ngoại trừ tiếng Anh. Tôi chỉ còn có chút ít tiếng Pháp của tôi, nhưng chúng ta sẽ nói về điều gì đây? Giữa chúng tôi không có gì chung, về văn hóa, tôn giáo hoặc giới tính. Có lẽ họ coi tôi là một phụ nữ Trung Quốc tội lỗi? Có lẽ họ sẽ muốn chuyển đổi đạo cho tôi?

Vì vậy, tôi giữ cho mình bận rộn. Nhà sư thì bận rộn với việc viết luận văn. Chúng tôi chỉ nói chuyện thích hợp vào buổi chiều. Thời gian còn lại, tôi cố gắng không làm phiền việc học tập và tu hành của sư. Vì vậy, một mình, tôi đã ghé thăm nhiều thắng cảnh và viện bảo tàng ở Bỉ.

Đến ngày thứ ba, vào bữa ăn sáng, sư giới thiệu tôi với hai linh mục nói được tiếng Anh. Cha David đã ở Bắc Mỹ 20 năm. Cha rất tự hào kể cho tôi về chuyện cha đã lái xe suốt cả nước Mỹ. Cha cũng đã từng đến Việt Nam và Hồng Kông, nhờ đó cha có một số kiến thức về châu Á. Còn Cha Anthony đã dành hơn một nửa đời mình ở Congo. Cha nói một cách xúc động rằng cha sẽ sớm trở lại Congo, mặc dù tuổi già, bởi vì cha xem đất nước này như là ngôi nhà thứ hai của mình.

"Họ vui vẻ thật!", tôi nói với sư sau bữa ăn sáng. *"Đúng thế",* sư trả lời. *"Đôi khi họ cùng hát những bài hát vui nhộn, thật bất ngờ vào giữa một bữa ăn. Thật tốt khi họ giữ cho nhau tình cảm đồng hành, đồng đạo. Nhưng hai cha này sắp già từ chúng ta".*

Cuộc sống là như thế, từ đó tôi suy nghĩ cho chính mình. Thế giới đã thay đổi rất nhiều. Vào thời cổ đại, những người chọn con đường tâm linh thì được đặt ở địa vị cao nhất trong hệ thống giai tầng xã hội, trên cả quý tộc, chiến binh, nông dân và thương nhân. Bây giờ thứ tự hoàn toàn đảo ngược. Các vị tu sĩ nam nữ theo tôn giáo được coi như có căn cước lạ lùng. Những linh mục Thiên Chúa giáo nghỉ hưu này có lẽ là những người đàn ông có giáo dục nhất trong thế giới phương Tây, nhưng thuộc một loại hiếm. Người bạn tu sĩ Phật giáo của tôi cũng đã có nhiều thử thách. Viện đại học lâu đời nhất thế giới, Nalanda ở Ấn Độ, là một tu viện trung tâm, nhưng bây giờ nhà sư phải có bằng cấp về nghiên cứu Phật giáo tại một trường đại học phương Tây. Hơn nữa, đã thế nguyện giữ nhiều giới luật nhà tu, thế mà sư lại sống trong một nền văn hóa khuyến khích tự do cá nhân. Thật vậy, để tu tập tâm linh trong thời đại của chúng ta đòi hỏi rất nhiều kỷ luật tự giác, sức mạnh ý chí, và khả năng tinh thần để đối phó với cô độc.

Vào ngày thứ tư, tôi bỏ bữa ăn sáng chính thức. Tôi thức dậy muộn vì mệt mỏi sau những chuyến đi trong ngày hôm qua. Bàn đã trống trơn. Tôi vào bếp và ăn sáng muộn ở đó. Bên cạnh tôi, một con chim hoàng yến màu vàng xinh đẹp đang hót líu lo trong lồng. Lần này, cha Anthony bước vào. *"Xin chào chị!",* cha chào tôi và đi thẳng về phía chim hoàng yến. Cha bắt chước chim hót như thể cha đang nói chuyện với chim, và cười thầm.

Thật bất ngờ, cha quay về phía tôi. *"Chị có biết chim đang nói gì không?"*

"Thưa Cha, tôi không biết ạ. Có nhiều ngôn ngữ mà tôi không biết được", tôi trả lời.

"Ồ, tôi biết". Cha có vẻ hơi tinh nghịch.

"Có thật không? Xin cha cho biết", tôi mỉm cười với cha.

Cha Anthony hắng giọng: *"Chim nói, còn sống là tốt!"*

Đó có thể là một khoảnh khắc chợt ngộ trong Thiền tông. Bất ngờ một niềm hạnh phúc bao la và tôi cảm thấy nước mắt lưng tròng. *"Thưa Cha, tôi thấy",* tôi lẩm bẩm.

"Còn sống là tốt", cha lặp lại và nở nụ cười chân thành.

Sáng hôm sau, tôi đến ăn sáng đúng giờ, nhưng không thấy cha Anthony. Tôi nghe cha đã rời đây trong đêm qua để đi Congo. Tôi đã muốn nói lời chia tay, nhưng tôi tin rằng lời chia tay của chúng tôi đã được nói theo cách tốt nhất có thể. Bản thân tôi cũng rời đi vào sáng ngày hôm sau. Tôi không thể giải thích tại sao tôi cảm thấy buồn buồn. Có lẽ về thời gian thoáng qua? Có lẽ về chuyện rời khỏi nơi này mà ban đầu tôi cứ tưởng rất xa?

"Tôi sẽ đi Ý vào ngày mai và sẽ đến Vatican", tôi lên giọng và loan báo với mọi người bằng tiếng Pháp. Cuối cùng, tôi nhận ra một cách để bày tỏ lòng tôn trọng và đánh giá cao đối với cuộc đời phụng đạo của những linh mục. Trước khi rời đi, tôi muốn kết nối với những vị này. Khuôn mặt của họ sáng lên. Một số bắt đầu trò chuyện bằng những ngôn ngữ mà tôi không biết, một số hỏi tôi rằng tôi sẽ đến thăm nơi nào. *"Chị có đến Turin không? Chúng tôi đều học ở đó. . .".* Cha Antoine hỏi tôi.

Bạn thấy đấy, thế giới này có thể rất phiền phức và đè nén con người. Đừng mong đợi giải quyết tất cả các rối ren với tâm của bạn. Tâm của chúng ta chỉ có thể phân tích dựa trên những điều chúng ta biết hoặc nghĩ rằng chúng ta biết. Cái biết chỉ thực sự bắt đầu với trái tim rộng mở. Cho dù có bao nhiêu sự khác biệt ở giữa chúng ta, chúng ta có cùng một tồn tại, đó là con người; và chúng ta có cùng bản năng kết nối với nhau. Hãy giữ đừng để xung đột bên trong bạn, đừng để xung đột giữa chúng ta. Chúng ta có thể cùng nhau tiến về phía trước. ■

Nguyên tác: *"Human Connection: Retired Catholic Priests and a Chinese Buddhist Monk",* đăng trên *Buddhistdoor Global*, 8/4/2020.

Tác giả: Guoying Stacy Zhang là nhà nghiên cứu nghệ thuật, rất tận tụy quảng bá nghệ thuật Phật giáo. Bà đã xuất bản nhiều sách, và đã tổ chức hoặc phụ tá tổ chức các cuộc triển lãm, trưng bày nghệ thuật Phật giáo. Bà đã đồ hai văn bằng thạc sĩ về Distinction in Art History (Đối chiếu trong Lịch sử nghệ thuật) ở Đại học Fudan (Phục Đán, Thượng Hải, Trung Quốc) và Đại học UC Berkeley (California, Hoa Kỳ).



Ăn lộc đền ơn kẻ cấy cà

NGUYỄN CÂN

Những băn khoăn về một “chính phủ kiến tạo”

Chính phủ kiến tạo phát triển (developmental government) là thuật ngữ được đưa ra từ những năm 80 của thế kỷ trước. “Chính phủ kiến tạo” (CPKT) được vận dụng từ thực tiễn của một số nước như Nhật Bản, Mỹ, Anh, Singapore, Phần Lan... Trước đây tại Việt Nam, theo Tiến sĩ Phan Hải Hồ, thuật ngữ “Chính phủ kháng chiến và kiến quốc” có nội hàm rộng và phần nào cũng bao hàm quan điểm “kiến tạo” trong kiến quốc. CPKT thực chất là sự cụ thể hóa của “Chính phủ kiến quốc”, theo đó, “... Kiến tạo là hành động tạo ra những cơ hội, bớt đi những cản trở cho sự phát triển” và “Chính phủ là phải hành động chứ không thể ngồi trên dân rồi tọa hưởng... Ở đây, là phải hành động đúng, hành động vì lợi ích của quốc gia, dân tộc, thì sự kiến tạo đó, hành động đó mới hợp lòng dân”¹.

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc tuyên bố: “Nội hàm của CPKT là chủ động thiết kế chính sách pháp luật để đất nước phát triển. Nhà nước không làm thay thị trường. Kiến tạo cũng có nghĩa là chính phủ phải kiến thiết được môi trường kinh doanh thuận lợi. Cuối cùng là phúc lợi xã hội phải tốt và quan trọng hơn cả, CPKT là nói phải đi đôi với làm. Thay ngay những cán bộ ‘giao mãi không chịu làm’. Cán bộ kém, dân kêu mà mãi không thay được thì kiến tạo cái gì?”.

Những nhiệm vụ của CPKT gồm có (1) trách nhiệm báo cáo của công chức trước nhân dân những vấn đề thuộc về hoạt động của Chính phủ; (2) CPKT phải xây dựng được cơ chế minh bạch để cá nhân, tổ chức có thể tiếp cận hoạt động của Nhà nước theo cách thức dễ dàng nhất, ít tốn kém nhất; (3) phải đảm bảo thông tin về pháp luật, nghĩa là nhân dân phải được biết trước và đảm bảo thực hiện thống nhất; (4) nhân dân phải tham gia vào việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Chính phủ; và (5) phải tạo ra cơ chế phân biệt thủ tục hành chính với các thủ tục về cung ứng dịch vụ công và phải duy trì tính minh bạch, khả năng giải trình và chịu trách nhiệm của CPKT.

Nhưng còn đó những bất cập, khiến người dân không khỏi băn khoăn khi nhìn vào từng nhiệm vụ thực tế.

Ví dụ như nói là báo cáo cho dân nhưng những mệnh lệnh, chỉ đạo từ Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ từng nơi từng lúc vẫn chưa được triển khai thực hiện, nên Thủ tướng có lần vẫn phàn nàn về tình trạng “trên nóng dưới lạnh”. Chúng tôi đã từng đề cập đến vấn đề này trong bài “Dàn giao hưởng lỗi nhịp”.

Thách thức đến ngay từ việc xây dựng và ban hành thể chế quản lý hành chính theo phương thức kiến tạo của Chính phủ. Hiện nay, việc tổ chức và hoạt động của Chính phủ vẫn được thực hiện theo Luật Tổ chức Chính phủ với bộ máy “quan liêu”, nhiều tầng nấc hành chính, trong khi chúng ta cần quy gọn về đầu mối quản lý, không nhiều đơn vị trung gian, ví dụ một Bộ mà có đến hàng trăm cục trưởng, cục phó, vụ, phòng... (?).

Việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật phải tiệm cận công lý, có nghĩa là pháp luật phù hợp với đạo đức xã hội, với lợi ích cộng đồng. Tuy nhiên, nhiều quy định được ban hành hiện nay vẫn có tính “lợi ích nhóm”, chưa đảm bảo lợi ích của toàn xã hội. Đây là một thách thức tương đối lớn với Chính phủ trong bối cảnh hiện tại vì nhiều vấn đề lớn đang phát sinh hàng ngày, ví dụ: các chính sách của Chính phủ chưa thực sự có sự phản biện của công chúng, hoặc sự phản biện chỉ mang tính hình thức.

CPKT phải đảm bảo thông tin về pháp luật, nghĩa là nhân dân phải được biết trước và đảm bảo thực hiện thống nhất pháp luật, tránh những cách hành xử áp đặt, những án oan sai, gây bất bình xã hội.

CPKT phải sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực và các nguồn năng lực khác. Hiện nay, nguồn nhân lực là cán bộ, công chức của Chính phủ vẫn chưa bảo đảm về chất lượng chuyên môn chưa nói đến đạo đức công vụ. Bài viết trên báo *Thanh Niên* là hồi chuông cảnh báo về trình độ cán bộ hiện nay, khi ông Nguyễn Đình Quyền, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tư pháp của Quốc hội, tại phiên họp Thường vụ Quốc hội thứ 38 cho biết: “Tôi chấm lại một số bài thi phúc tra, lẽ ra không nên cho đi thi vì nhiều bài viết nguệch ngoạc, tự trọng rất kém. Đó toàn là cấp vụ trưởng, giám đốc sở, thực sự rất đáng báo động về năng lực”². Thậm chí có người đề nghị dạy tiếng Việt cho

các công chức tư pháp để họ biết cách thảo công văn, nghị quyết... Một bài viết gần đây trên *Kinh tế Sài Gòn* khi đề cập đến việc viết luật, tác giả cho rằng: *“Đương nhiên, cơ quan chủ trì và đặc biệt là người ‘chấp bút’ của dự thảo đóng vai trò quan trọng... chuyên gia pháp lý mới phải là người ‘cầm trịch’ soạn thảo dự thảo luật. Chỉ có họ mới có thể nắm bắt xuyên suốt các quy tắc và học thuyết pháp lý, và đây là cách để các ý tưởng chính sách được sắp đặt vào một hệ thống thể chế trên nền tảng tư duy pháp lý có hệ thống. Thể chế cần các phân tích kinh tế, xã hội để đảm bảo nội dung chính sách. Nhưng hình thức biểu đạt đó thì phải cần đến những ‘tay’ trình bày có nghề, đó là các chuyên gia pháp lý”*³. Vì thiếu tay nghề hay vì nguyên nhân nào khác mà đã từng có các dự thảo quy chế quản lý chung cư chỉ phản ánh ý kiến của bên... kinh doanh bất động sản; đề xuất phương án hợp pháp hóa các tổ chức thu hồi nợ thuê lại thiếu phản ánh ý kiến của... nạn nhân, bên cạnh những phản ánh về khó khăn của các đơn vị kinh doanh dịch vụ. Chính phủ vẫn chưa khai thác hết được các tiềm năng về tự nhiên, xã hội là nguồn lực mà không phải quốc gia nào cũng có: tiềm năng về tự nhiên là đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Dù theo nhận định của một trí thức là *“... tại thời điểm hiện nay, ai cũng thấy rằng cái cỗ máy tăng trưởng đó dường như đã chững lại, không còn cả động lực lẫn quán tính để tiếp tục chạy như trước nữa. Tại sao vậy? Bởi về bản chất, các nguồn lực mà Nhà nước nắm giữ như đất đai, tài nguyên khoáng sản và các thương quyền khác đã hầu như được trao hết cho các nhóm doanh nghiệp nhất định được coi là ‘chủ đạo’ trong cả khu vực nhà nước và tư nhân, mà kết cục là một nền kinh tế gắn với chất lượng, năng suất và sáng tạo để đạt hiệu quả thực chất vẫn chưa được tạo ra”*⁴.

Cuối cùng là về mối quan hệ và sự tương tác của Chính phủ với xã hội. Đây rõ ràng là thách thức lớn vì Chính phủ hiện tại chưa có được kênh thông tin thực tiễn từ xã hội. CPKT không thể chỉ bằng các hội nghị lấy ý kiến doanh nghiệp, người dân, mà phải có các kênh thông tin tương tác với Chính phủ. Mặc dù hiện nay đã có luật *Tiếp cận Thông tin* quy định, vẫn cần phải có những quy định cụ thể để thực thi.

Tính liêm chính: phép thử cho CPKT

Tất cả những thử thách vừa nói sẽ không là gì một khi CPKT không dựa trên nền tảng liêm chính. Theo Tổ chức Towards Transparency, năm 2019, Việt Nam đạt 37/100 tổng 4 điểm so với 2018, đứng hạng 96/180 nước về Chỉ số Cảm nhận Tham nhũng (CPI), vẫn nằm trong số 2/3 các quốc gia có điểm dưới 50, nghĩa là mức độ tham nhũng trong khu vực công vẫn là nghiêm trọng⁵. Do đó, trong khi chuyển từ vị thế “cai quản” sang “kiến tạo” sẽ là một quá trình khó khăn bởi đòi hỏi phải nâng cao năng lực của cả hệ thống Chính phủ và từng cá nhân công chức, cần một sự đẩy mạnh

hơn nữa quá trình liêm chính hóa bộ máy chính quyền như việc tiếp tục truy xét các vụ việc tham nhũng lớn nhằm tạo chuyển động tích cực trong đời sống kinh tế và đảm bảo phát triển bền vững.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng giải thích *“Liêm là không tham địa vị, không tham tiền tài, không tham sung sướng. Không ham người tặng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa”*. Có người sẽ thắc mắc bởi “liêm chính” hiển nhiên là phẩm chất con người trong bộ máy chính quyền, phẩm đã là các “công bộc của dân” thì đương nhiên phải liêm chính rồi! Ai không liêm chính là phạm pháp! Tuy nhiên giờ đây, khó khăn cho sự đánh giá là dù có khung pháp luật, có đủ mọi phương tiện kiểm soát nhưng vẫn không ngăn được tệ nạn tham nhũng tràn lan, biểu hiện của sự xuống cấp cả đạo đức công vụ lẫn đạo đức cá nhân trong chính những con người đang vận hành bộ máy công quyền và hệ thống pháp luật. Họ ngهنh ngang phổ trương sự giàu có. Hiện tượng “chạy chức, chạy quyền” còn phổ biến. Gần đây có người còn mạnh dạn tuyên bố *“Ai cũng gù, mình thẳng lưng sẽ thành khuyết tật”*⁶.

Kêu gọi xây dựng chính phủ liêm chính, do vậy, có lẽ là giải pháp và sự lựa chọn cuối cùng của các hoạt động đổi mới. Muốn vậy, phải xóa mối quan hệ giữa doanh nghiệp và Nhà nước khỏi tình trạng “giao quyền” và “xin-cho”. Điều này diễn ra khi Nhà nước giao cho doanh nghiệp quyền sử dụng, khai thác đất đai, tài nguyên đồng thời “ban cho” các ưu đãi tài chính hoặc thương quyền cụ thể nếu doanh nghiệp “xin”. Điều này tất nhiên làm lợi cho các doanh nghiệp biết “quan hệ” vì những gì Nhà nước “giao” thì có thể bị thu hồi hay thay đổi, còn cái được “cho” thì có thể gắn với các điều kiện ngầm hay nổi. Phải tạo lập được các thiết chế pháp lý hữu hiệu bảo vệ sở hữu tư nhân, trong khi chưa thể tái lập quyền sở hữu cá nhân về đất đai thì ít nhất phải xóa “lợi ích nhóm” hay “tư bản thân hữu” (crony capitalism) mà Thủ tướng có lần cho rằng nó *“... đang bóp chết việc làm ăn chân chính”*. Theo luật sư Nguyễn Tiến Lập *“... một thực tế đang đến, đó là ‘bầu sữa’ của Nhà nước sẽ cạn và cơ chế xin - cho sẽ đến hồi kết. Khi đó, mối quan hệ giữa chính quyền và doanh nghiệp buộc phải được định hình trên các nguyên tắc của luật pháp. Tuy nhiên, đó cũng phải là một khung khổ pháp luật công minh không bị bóp méo bởi ‘chủ nghĩa thân hữu’ mà Thủ tướng đã nói. Sự công minh ấy chỉ có thể có được như kết quả của một cuộc cải cách thể chế toàn diện, trong đó tư pháp độc lập là trọng tâm, với các vị quan tòa vừa không có ‘cấp trên’, vừa không có ‘đại gia’ hay ‘nhóm lợi ích’ nào mua chuộc được”*⁷.

CPKT dựa trên sự liêm chính, bao gồm những công bộc sống theo Chánh nghiệp. Chánh nghiệp là pháp tu thứ tư trong Bát Chánh đạo thuộc nhóm giới đức nhằm kiểm soát thân. Hành động có tác ý là nghiệp, sẽ sanh ra quả báo ví như bánh xe lăn theo dấu chân



Hưởng ứng Chính phủ kiến tạo (Nguồn: baodautu.vn)

con bò. Chánh nghiệp gồm có ba nội hàm: *không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm*. Căn bản là lòng từ bi nên không gây tổn hại, không lấy của người và giữ đời sống trong sạch. Người sống với Chánh nghiệp vừa rèn luyện đức hạnh chính mình, vừa tạo hòa bình, an vui cho kẻ khác. Người không có chánh nghiệp khó nghiêm trì giới luật vì bị tâm tham, sân, si lôi cuốn. Ngược lại, người có Chánh nghiệp là người sống trong bình an, không lo sợ. Người ấy sẽ không chạy theo dục vọng cá nhân, tham quyền đoạt chức, vợ vét túi riêng cho cá nhân và gia đình mình. Người ấy sẽ phải kiểm soát tâm mình, không tạo những hành động bất thiện. Phạm giới trộm cắp hay lấy của người khác hay của công làm của mình là nguyên nhân của “tham những vật” hoặc lớn hơn là “biến thủ công quỹ”. Hãy nhìn những biệt phủ lộng lẫy kia thì chúng ta thử hỏi với đồng lương chân chính sao có thể có cơ ngơi ngấn ấy trong những năm làm công chức? Chúng ta cần rạch ròi quyền lợi và quyền lực để tránh rối rắm cho sự vận hành của guồng máy hành chính công vì một khi đồng tiền hay lợi ích nhóm thống trị những quan hệ cương thường... biến tất cả mạng lưới thành những ê kíp “khép kín”, mọi công trình thành những cú áp-phe, biến công vụ thành “chùm khế ngọt”. Đúng như luật gia Acton viết: “Quyền lực dẫn đến tha hóa, quyền lực tuyệt đối tha hóa tuyệt đối”.

Đức Phật cũng từng nêu ra mười phẩm chất cần có của một nhà lãnh đạo quốc gia để trị vì tốt đất nước, gọi là Thập vương pháp⁸:

1. *Từ thiện* - Phải có khí độ rộng lượng, cao thượng, vì dân chúng chứ không vì bản thân.

2. *Đạo đức* - Không giết hại, không lấy của không cho, không dối trá và bóc lột người khác, không buông thả trong đời sống tình dục, không sử dụng chất gây nghiện. Hướng dẫn dân chúng sống đạo đức.

3. *Vị tha* - Sẵn sàng hy sinh lợi ích cá nhân cho dân, cho nước.

4. *Ngay thật* - Thành thật và liêm khiết. Không sợ hãi và không bị mua chuộc trong việc thi hành phận sự của mình; thành thực trong mọi ý định, không lừa dối công chúng.

5. *Cao thượng* - Nhân từ, đức độ; có hành vi tử tế, có cách cư xử nhu hòa, từ ái đối với mọi người.

6. *Tự kiểm chế* - Sống thanh cao, giản dị, không thù oán, tị hiềm.

7. *Bất sân hận* - Không ghen tị, ác ý. Không nên nuôi lòng hận thù với bất kỳ người nào.

8. *Bất hại* - Thực thi bất bạo động, không làm tổn hại bất cứ ai; cố gắng thúc đẩy hòa bình và ngăn cản chiến tranh.

9. *Nhẫn nhục* - Có lòng kiên trì, nhẫn nại, khoan dung, thông cảm.

10. *Chính trực* - Lấy lòng dân làm gốc, đưa ý dân lên hàng đầu.

Đến đây chợt nhớ Nguyễn Trãi, theo gương sáng của người cha thân yêu mà luyện chí, đem lòng yêu nước thương dân ra phò vua, cứu nước, xây dựng triều Lê với tư tưởng “*Mến người có nhân là dân, mà chở thuyền, lật thuyền cũng là dân*”. Dàng kể sách cũng cổ triêu chính, chống bọn gian thần những loạn, ông khuyên vua Lê Thái Tông: “*Hòa bình là cái gốc của nhạc, thanh âm là văn của nhạc... bệ hạ rủ lòng yêu thương muôn dân khiến cho thôn cùng xóm vắng không có một tiếng hờn giận oán sầu, đó tức là cái gốc của nhạc vậy*”. Làm sao không còn tiếng hờn giận oán sầu và thay vào đó, phải rộn rã tiếng cười trong thôn cùng xóm vắng phải chăng cũng là mục tiêu của CPKT. Để làm được điều đó, từng công bộc phải hướng đến nhân dân mà phục vụ. Hãy ý thức sâu sắc trách nhiệm mà Nguyễn Trãi đã dạy các quan rằng: “*Ấn lộc đến ơn kẻ cấy cày*”.

Và giờ đây sự phát triển cần hơn hết những đóng góp, lao động và sáng tạo của nhân dân, mà tất cả những điều ấy chỉ có thể đạt được trên cơ sở niềm tin của họ về một chính quyền liêm chính. ■

Chú thích: 1. Phan Hải Hồ, *Chính phủ kiến tạo, liêm chính - từ nhận thức, tư duy đến hành động*. 19/08/2019, Học viện Cán bộ TP.HCM. 2. Anh Vũ, *Nhiều vụ trưởng, giám đốc sở trình độ yếu kém, thiếu tự trọng, thanhnnien online* 11/5/2020. 3. Trương Trọng Hiếu, *Xây dựng thể chế ở VN: yếu ở khâu nào*, *Thời báo Kinh Tế Sài Gòn* 7/5/2020. 4. *Vi sao cần xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính và xây như thế nào?* TBKTSG trao đổi với luật sư Nguyễn Tiến Lập 1/1/2017. 5. *Việt Nam: Tăng điểm CPI nhưng tham nhũng vẫn nghiêm trọng*. towards transparency.vn. 6&7. Diệp Thị Hồng Liên, Trưởng phòng Khảo thí SGD Hòa Bình. 8. Nội dung Thập vương pháp dẫn theo *What the Buddha Taught* của Walpola Rahula và Dasavidha.Raja.Dharma tại Wikipedia.org.

Vài nét về Khoa cử Nho học ở Nam Kỳ thế kỷ XIX

CAO VĂN THỨC

Sau khi tiêu diệt vương triều Tây Sơn, Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lấy hiệu là Gia Long, lập ra nhà Nguyễn. Để có đội ngũ quan chức phục vụ cho bộ máy chính quyền, Gia Long bắt đầu cho tổ chức lại nền giáo dục khoa cử. Năm 1807, triều đình cho mở khoa thi Hương đầu tiên, khoa thi này chỉ có các trường thi từ Nghệ An trở ra Bắc Hà, chọn được 61 hương cống.

Sáu năm sau, năm 1813, triều đình tổ chức khoa thi thứ hai. Lần này, triều đình cho mở thêm hai trường thi Hương mới, một ở kinh đô Huế và một ở trấn Gia Định. Năm 1852, vua Tự Đức cho thành lập thêm trường thi Hương ở Bình Định. Như vậy, đến thập niên 50 của thế kỷ XIX, toàn quốc có tất cả bảy trường thi Hương là Thừa Thiên, Nghệ An, Thanh Hóa, Hà Nội, Nam Định, Bình Định và Gia Định.

Thời Gia Long, thi Hương được tổ chức sáu năm một lần, tất cả được ba khoa (1807, 1813, 1819) lấy đỗ hương cống, sinh đồ. Thời Minh Mạng (1820-1840), quy định lại thời gian thi Hương là ba năm một lần, đổi tên học vị hương cống là cử nhân và sinh đồ là tú tài. Thi Hội được tổ chức bắt đầu từ năm 1822 ở kinh đô Huế. Năm trước thi Hương thì năm sau thi Hội. Từ khoa thi Hội năm 1829 trở về sau, ngoài số đỗ tiến sĩ chính thức, nhà vua cho lấy thêm hạng phó bảng (tiến sĩ bảng phụ).

Khi đến khoa thi thì trường Hương Gia Định được tổ chức tại khu vực Nhà văn hóa Thanh niên - Nhà thờ Đức Bà, thuộc quận Một, thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. Đây là trường thi chung cho thí sinh toàn bộ xứ Nam Kỳ. Trường đóng tại địa bàn thành phố Gia Định từ năm 1813 đến năm 1858, tổ chức được 19 khoa thi, lấy đỗ được 164 cử nhân. Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm Gia Định và sau đó lần lượt chiếm các tỉnh Đông Nam Kỳ. Năm 1862, sau Hòa ước Nhâm Tuất, trường thi Hương Gia Định được dời về An Giang và chỉ tổ chức được một khoa thi cuối cùng năm 1864, chọn được mười cử nhân.

Năm 1867, Pháp đánh chiếm các tỉnh Tây Nam Kỳ. Sau khi làm chủ toàn bộ Nam Kỳ, chính quyền thực dân xóa bỏ thi cử Hán học ở vùng đất này và thay thế bằng nền giáo dục của Pháp. Từ đấy, trường thi Hương Gia Định bị xóa bỏ.

Khoa thi ở trường Gia Định có số lượng cử nhân đỗ cao nhất là 20 người (hai năm 1847, 1848) và thấp nhất



Trường thi thời Nguyễn (Nguồn: baomoi.com)

là 8 người (năm 1813). Hơn nửa thế kỷ tồn tại, trường thi Hương Gia Định đã chọn được 274 cử nhân và số lượng đông đảo tú tài ở khu vực Nam Kỳ¹. Ngoài ra chưa kể một số cử nhân, tú tài là thí sinh quê ở Nam Kỳ xin phụ thí² ở các trường thi Hương miền Trung, Bắc.

Trong 274 cử nhân đỗ đạt tại trường Hương Gia Định thì chỉ có duy nhất Phan Thanh Giản đậu tiến sĩ. Nếu tính luôn cả cử nhân đã phụ thí tại trường Hương Thừa Thiên thì ở Nam Kỳ suốt thế kỷ XIX có tất cả 4 người đỗ đại khoa là Phan Thanh Giản, Phan Hiến Đạo, Nguyễn Chánh, Đinh Văn Minh và thêm một người nữa là Nguyễn Trọng Tĩnh đỗ ở đầu thế kỷ XX.

Phan Thanh Giản (1796-1867), quê ở thôn An Thạnh, tổng Bình Chánh, huyện Vĩnh Bình, phủ Định Viễn, trấn Vĩnh Thanh, về sau đổi thành thôn Bảo Thạnh, huyện Bảo An, phủ Hoằng An, tỉnh Vĩnh Long (nay là xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre). Năm 1825, ông thi Hương tại trường thi Gia Định, đỗ Á nguyên (cử nhân thứ hai). Khoa này trường Gia Định có 15 người đỗ cử nhân. Năm sau (1826), ông thi Hội tại kinh đô Huế, đỗ Tiến sĩ, lúc 31 tuổi.

Đinh Văn Minh (1805-1852), quê ở thôn Điều Hòa, tổng Thuận Bình, huyện Kiến Hưng, tỉnh Định Tường (nay thuộc thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang). Năm 1834, ông phụ thí tại trường Hương Thừa Thiên, đỗ thứ 30/31 cử nhân. Năm sau (1835), ông thi Hội đỗ Phó bảng, lúc 31 tuổi.

Phan Hiến Đạo (1822-1864), quê ở thôn Vĩnh Kim Đông, tổng Kiến Thuận, huyện Kiến Hưng, phủ Kiến An, tỉnh Định Tường (nay là xã Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang). Năm 1847, ông phụ thí tại



Dấu tích thành Gia Định

trường Hương Thừa Thiên và đỗ thứ 3/46 cử nhân. Năm 1856, ông thi Hội, đỗ Tiến sĩ, lúc 35 tuổi.

Nguyễn Chánh (1834-?), quê ở thôn Phú Mỹ Tây, tổng Bình Trị Hạ, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (thuộc địa phận quận Bảy, TP.HCM hiện nay). Năm 1858, ông phụ thí tại trường Hương Thừa Thiên và đỗ Giải nguyên (thủ khoa cử nhân). Khoa này trường Thừa Thiên lấy đỗ 22 cử nhân. Năm 1862, ông thi Hội đậu Tiến sĩ, lúc 29 tuổi.

Nguyễn Trọng Tĩnh (1891-?), quê ở thôn Long Hòa, tổng Phước Điền Thượng, huyện Phước Lộc, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay là xã Long Hòa, huyện Cần Đức, tỉnh Long An). Năm 1915, ông thi Hương tại trường Thừa Thiên, đỗ thứ 9/32 cử nhân. Năm 1916, ông thi Hội đỗ Phó bảng, lúc 26 tuổi.

Như vậy, nếu so số lượng người đỗ đại khoa trong toàn quốc tính từ khoa thi Hội đầu tiên thời Nguyễn năm 1822 đến khoa thi cuối cùng năm 1919 có tất cả 558 tiến sĩ,

phó bảng thì số người Nam Kỳ đỗ đại khoa rất ít ỏi. Trong bốn vị đại khoa quê quán ở Nam Kỳ vào thế kỷ XIX, chỉ có duy nhất Phan Thanh Giản là dự thi Hương tại trường Gia Định, còn ba vị kia đều phụ thí tại trường Thừa Thiên.

Nguyên nhân vùng đất Nam Kỳ không có nhiều đại khoa, có thể do những yếu tố như sau:

Nam Kỳ là vùng đất chỉ mới được khai phá vào thế kỷ XVI, XVII. Nền giáo dục ở đây bắt đầu hình thành vào thế kỷ XVIII với một số trường, lớp tư thực do các thầy đồ từ miền ngoài vào tổ chức. Ngôi trường tư thực tiêu biểu nhất lúc bấy giờ là của nhà giáo Võ Trường Toản ở đất Gia Định. Cuối thế kỷ XVIII, khi chúa Nguyễn Ánh xây dựng cơ sở ở Nam Kỳ để chống Tây Sơn, đã có cho tổ chức một số kỳ thi để chọn quan lại, nhưng hình thức thi cử lúc đó còn đơn giản, chưa có được quy mô và cấp độ như một khoa thi Hương ở thế kỷ XIX.

Tính từ khi nền giáo dục Nam Kỳ mạnh nhen cho đến thời điểm vua Gia Long cho mở trường thi Hương tại

Gia Định năm 1813, thì nền giáo dục ở vùng đất này chỉ mới hình thành được hơn một trăm năm. So với vùng đất Đàng Ngoài có bề dày truyền thống giáo dục khoa cử gần một nghìn năm thì nền giáo dục ở vùng đất Nam Kỳ còn quá non trẻ.

Vì là vùng đất mới nên giáo dục chưa có điều kiện phổ cập rộng rãi, do vậy trình độ học vấn của đại đa số dân chúng chưa cao được. Những người buổi đầu vào khai phá vùng đất phương Nam này hầu hết là những người thuộc tầng lớp dưới trong xã hội: nông dân nghèo khổ không có ruộng đất nên vào vùng đất mới khai phá đất hoang; một số binh lính được chúa Nguyễn đưa vào trấn thủ, sau khi giải ngũ đã không về quê hương mà ở lại đây lập nghiệp; những kẻ phạm tội trốn vào Nam... nhưng chiếm đại đa số vẫn là nông dân nghèo. Vì đa phần là dân lao động nghèo phiêu bạt nên ở các làng quê Nam Kỳ vào các thế kỷ XVII, XVIII không có những gia đình, dòng họ khoa bảng lâu đời, có truyền thống học tập như ở các làng quê Bắc Kỳ, Bắc Trung Kỳ...

Vùng đất mới không bị gò bó trong khuôn khổ tập quán chật hẹp như làng xã miền ngoài, trong quá trình mở đất lại phải đối phó với những thử thách từ thiên nhiên, đã tạo nên cho con người Nam Kỳ một tính cách phóng khoáng, chuộng thực tế hơn là văn chương khuôn sáo. Vì vậy, qua thực tiễn thi cử có thể thấy nho sĩ Nam Kỳ không “mê” khoa bảng lắm so với nho sĩ Bắc Kỳ, Trung Kỳ; rất hiếm người quyết chí theo đuổi thi cử để đỗ đại khoa. Ví dụ vài trường hợp tiêu biểu là những người có tên tuổi trong văn học, lịch sử giai đoạn cận đại như:

- Bùi Hữu Nghĩa, quê ở Cần Thơ, nổi tiếng học giỏi, đỗ thủ khoa thi Hương ở trường Gia Định năm sau 1834; năm sau (1835), ông ra Huế thi Hội lần đầu bị hỏng, bỏ luôn khoa cử và ra làm quan.

- Nguyễn Thông, quê ở Long An, thông minh mẫn tiệp, thi đỗ Á khoa cử nhân năm 1849 tại trường Gia Định; năm 1851, ông thi Hội lần đầu bị phạm lỗi “thiệt tích” (bài thi bị dính mực) nên bị đánh hỏng. Vì nhà nghèo, ông không ôn luyện để thi tiếp khoa sau mà ra nhận chức quan.

v.v...

Trong khi đó ở miền ngoài, rất nhiều cử nhân quyết tâm theo đuổi thi Hội đến cùng để giạt cho được mảnh bằng tiến sĩ. Ví dụ vài trường hợp tiêu biểu của những vị khoa bảng là danh nhân của đất nước:

- Vũ Duy Thanh (1813-1861), quê ở Ninh Bình, sau khi đỗ cử nhân, ông thi Hội hai khoa liên tiếp (1848, 1849) đều hỏng. Năm 1851, ông thi Hội lần 3 mới đỗ Phó bảng, cùng năm đó gặp lúc triều đình mở khoa thi Chế khoa cát sĩ, ông dự thi và đỗ Bảng nhãn.

- Bùi Văn Dị (1833-1895), quê ở Hà Nam, thi đỗ cử nhân năm 1855, hỏng hai khoa thi Hội (1856, 1862), đến năm 1865 mới đỗ Phó bảng. Năm 1890, do sự thỉnh cầu nên ông được vua Thành Thái cho đặc cách lên Tiến sĩ³.

- Nguyễn Khuyến (1835-1909), quê ở Hà Nam, đỗ thủ khoa thi Hương tại trường Hà Nội năm 1864, hỏng thi Hội năm 1865; nhà nghèo nhưng ông không ra làm quan mà tiếp tục ở lại Huế vừa kiếm sống vừa ôn luyện. Hai khoa tiếp theo năm 1868, 1869 lại hỏng; đến khoa thi năm 1871 ông mới đỗ Hội nguyên, vào thi Đình đỗ Đình nguyên Đệ nhị giáp tiến sĩ.

v.v...

Tuy Nam Kỳ là vùng đất mới, nền giáo dục hình thành muộn, thấp hơn so với mặt bằng giáo dục chung toàn quốc, nhưng cũng có nhiều nhà khoa bảng tài năng, làm nên sự nghiệp lưu danh hậu thế trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, văn hóa... Những nhà khoa bảng có tài kinh bang tế thế, từng giữ nhiều trọng trách của quốc gia như tiến sĩ Phan Thanh Giản, cử nhân Nguyễn Thông, Trương Gia Hội... một số nhà quân sự có tài thao lược từng xuất thân khoa bảng văn chương như cử nhân Trương Minh Giảng, Lê Văn Đức... hoặc những nhà văn, nhà thơ nổi tiếng xứ Đồng Nai - Gia Định như thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, tú tài Nguyễn Đình Chiểu, cử nhân Huỳnh Mẫn Đạt, Phan Văn Trị...

Năm 1859, quân Pháp đánh chiếm thành Gia Định, năm 1861, chúng đánh chiếm ba tỉnh Đông Nam Kỳ; đến năm 1867, chúng chiếm nốt ba tỉnh Tây Nam Kỳ. Cuộc kháng chiến chống Pháp ở Nam Kỳ diễn ra quyết liệt. Đa số các nhà khoa bảng quê ở Nam Kỳ đều tham gia, sát cánh cùng quân đội triều đình hoặc quần chúng nhân dân chiến đấu chống thực dân Pháp xâm lược. Nhiều nhà khoa bảng đất Nam Kỳ đã trở thành tấm gương hy sinh anh dũng chống ngoại xâm trong lịch sử nước nhà như các cử nhân Nguyễn Hữu Huân, Âu Dương Lâm, Trần Xuân Hòa, Đỗ Trình Thoại, Phan Văn Đạt...

Nền giáo dục Nho học ở vùng đất mới Nam Kỳ tuy hình thành muộn nhưng đã có những đóng góp quan trọng cho nền giáo dục nước nhà ở thế kỷ XIX. ■

Chú thích:

1. Sách viết về danh sách các thí sinh đỗ đạt thời Nguyễn là cuốn *Quốc triều khoa bảng lục* của Thượng thư Cao Xuân Dục chỉ ghi những người thi Hương đỗ chính thức (cử nhân), chứ không ghi tên những người đỗ khuyến khích (tú tài), vì vậy không thể thống kê được số lượng tú tài là bao nhiêu. Thời Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị (1802-1847), ở mỗi khoa thi ngoài số lượng cử nhân mà triều đình đã quy định (giải ngạch), thì quan trường có thể tùy nghi lấy đỗ tú tài; thời Tự Đức (1848-1883) quy định lấy đỗ “nhất cử nhị tú” (một cử nhân thi hai tú tài); thời Kiến Phúc (1884) quy định “nhất cử tam tú” (một cử nhân thi ba tú tài).

2. Những học trò theo gia đình đến sinh sống ở địa phương khác có thể xin thi tại trường thi địa phương đó.

3. Bùi Văn Dị thi Hội năm 1865, đỗ hạng chánh trúng cách (chính thức), vào thi Đình đáng nhẽ phải đỗ tiến sĩ, nhưng không rõ lý do gì bị xếp xuống hạng phó bảng. Năm 1890, ông được vua Thành Thái cho đặc cách lên tiến sĩ.



Hội nghị Diên Hồng (Nguồn: facebook.com)

“Mơ được làm tên lính quèn dưới cờ vua Quang Trung...”

NGUYỄN AN

Đi bộ gặp đứa cháu 17 tuổi cao khoảng 1,8m, to con. Bây giờ có thức ăn đầy đủ, trẻ con cao to thấy ham, so ra một trời một vực với trẻ con thời bao cấp; đói ăn, đứa nào đứa nấy suy dinh dưỡng, ốm tong ốm teo.

Khuyên cháu có thể trạng tốt nên chơi một môn thể thao để có sức khỏe, học tập tốt hơn, nhiều khi có cơ hội thành vận động viên đỉnh cao. Cháu nói, sẽ không

chơi thể thao vì đó là chuyện vớ vẩn. Sẽ đi học võ Muay Thái vì võ này cận chiến tốt, đánh là hạ gục ngay.

Ui chao, học võ cũng là một điều tốt, nhưng học võ để hạ gục ngay đối thủ nghe ớn quá. Chưa kịp khuyên giải cháu về vụ học võ, thì đi đến một ngôi nhà có ba con chó nhào ra, sủa hung tợn. Khi tôi phủ dụ ba con chó lạ chịu êm, quay lại thấy cậu võ sĩ tương lai sợ chó đã chạy mất. He he, hóa ra cậu võ sĩ Muay Thái tương lai, to con nhưng còn nhát lăm!

Dịp khác đi du lịch với một bạn khoảng 30 tuổi, bạn tỏ ra nhút nhát khi đi trên sông nước. Ai nấy cũng xuống xuống chèo chống, giỡn hớt. Bạn chọn cách nằm vồng trên bờ. Hóa ra bạn không biết bơi. Động viên bạn đi học bơi, bạn bảo già rồi học làm chi. He he, có cái khúc sông cạn xột mà lại sợ, sao mà xông pha đi sông dài, biển rộng...?

Dịp gần đây, đi đảo Phú Quý (Bình Thuận) và Hải Tặc (Hà Tiên), nói chuyện với cư dân địa phương. Họ đều nói, họ định cư ở đây từ đời ông cố. Họ chỉ biết tới đời ông cố, còn các thế hệ trước nữa chưa biết chừng đã ra đảo sống. Tàu cao tốc chạy từ Phan Thiết ra đảo Phú Quý mất hơn hai tiếng, chạy từ Hà Tiên ra đảo Hải Tặc một tiếng. Cách đây vài trăm năm, ra đảo chỉ có chèo tay và cánh buồm, chắc là phải chèo thuyền cả tuần, cả tháng... trong sóng to, biển lớn. Quá cảm phục lòng gan dạ của những người đi mở cõi. Mấy người sợ chó, sợ nước, sợ nắng, sợ gió... chắc chắn là không dám đi khám phá, mở cõi!

Trẻ con ngày nay ít được lặn lội bụi đường, ít được trang bị những kỹ năng sống với những điều kiện thay đổi của môi trường tự nhiên, được cha mẹ úm quá kỹ, lớn lên chỉ là một cục bột hình dạng người, chứ không phải sắt, đá được trui rèn trong nắng gió. Hồi xưa, ông bà thường dùng từ “*công tử bột*” thiệt hay. Đã công tử không làm gì đựng móng tay, sợ nắng, sợ gió... lại là bột nữa, thành ra đáng chán!

* * *

Một trong những điều đáng lo trong việc giáo dục thế hệ trẻ, thế hệ làm chủ tương lai của đất nước là lòng yêu nước nồng nàn, biết trân trọng gìn giữ quốc thể, hồn thiêng sông nước của tổ tiên, ông cha ta bao đời dựng nên và gìn giữ. Một tinh thần yêu tổ quốc, yêu đồng bào xem chừng bị phai nhạt trong giới trẻ, quốc thể bị xem nhẹ khi cứ muốn định cư ở nước ngoài, khăng khăng các giá trị ngoại lai từ vật chất đến tinh thần là tốt nhất, là lý tưởng nhất...

Quốc thể là một từ không lạ, nhưng ngày nay ít đứa học trò được nghe trong trường dạy. Tôi nhớ hồi đó học công dân giáo dục từ lớp tiểu học đã nghe từ này, nhưng người nói thứ hai cho tôi nghe là nhà văn Sơn Nam.

Chú vốn là người ăn mặc lèng xèng, không ủi. Có vẻ như có gì mặc đấy, không lựa chọn. Nhiều lần thân tình ông nói chuyện ăn mặc lèng xèng vậy cho gần gũi với người bình dân. Ăn mặc bình dị vậy dễ dàng nói chuyện với anh xe ôm, bà bán gánh đầu chợ, người công nhân quét đường...

Nói đến đây tự nhiên nhớ bài phát biểu vào ngày 15-8-2018 của Giáo sư Trần Văn Thọ khi nhận Huân chương Thụy Bảo cao quý của Thiên hoàng Nhật Bản. Ông nói rất hay, trong bài nói ấy ông trích câu văn của nhà văn Nhất Linh: “*Biểu hiện cho đất nước không phải*

là những bậc vua chúa hay danh nhân mà là đám dân thường không tên không tuổi. Dân là nước, yêu nước là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân”.

Giáo sư Trần Văn Thọ và nhà văn Sơn Nam đã có chung một cảm nhận “*Dân là nước, yêu nước là yêu chung đám thường dân, nghĩ đến sự đau khổ của đám thường dân*”.

Xin quay lại chuyện ăn mặc, hôm nào chú Sơn Nam ăn mặc áo sơ mi bỏ áo vào quần là biết chú chuẩn bị đi dạy, đi nói chuyện; còn ăn mặc lèng xèng xách cái tưng đệm là biết đi lãnh nhuận bút; mặc áo sơ-mi còn khoác thêm cái áo vét là lễ lớn rồi; còn cặp theo áo dài khăn đóng là đi cúng đình... Có một thời gian, chú làm cố vấn văn hóa cho bộ phim *Người tình* (L'amant), ăn mặc hết sức đẹp, mang cả giày Adidas. Hồi sao chú sửa soạn quá vậy. Ông trả lời: “*Tao mặc vậy là do quốc thể nha mày, ăn mặc lù xì Tây nó khinh*”.

Chuyện lúc ông làm cố vấn bộ phim này rất nhiều chuyện hay. Ông kể lúc quay phim ở Thủ Thiêm, quay cảnh trên sông, quay tới quay lui đều không được. Ông bảo với sếp đoàn phim: “*Đất có Thổ công, sông có Hà bá, tụi bây phải cúng mới được*”. Thế là ông yêu cầu mấy người Tây lãnh đạo đều phải mặc áo dài khăn đóng quỳ lạy sì sụp trước hương án, ông là người xướng lễ.

Ông nói, thấy mấy thằng Tây xúng xính, ăn mặc theo kiểu Việt Nam xưa mà vui với ý tưởng, vô đất nước tao, phải biết lễ nghĩa. Sau đó, “*ông ứng, bà hành*” hay sao mà tự nhiên quay cảnh trên sông đạt yêu cầu, mấy thằng Tây cảm ơn rồi rút. Chú Sơn Nam có phép “*hò phong, hoán vũ*” liên lạc với Hà bá hè?

Cũng trong đợt quay phim ở đây, mấy bà mua, lượm ve chai thường chen lấn vào, giành giật mấy chai nước khoáng của đoàn làm phim. Chú Sơn Nam bảo: “*Mấy bà không biết quốc thể là gì, giành giật có mấy cái vỏ chai, cho Tây nó khinh. Chiều đoàn phim nghỉ, quay lại đây, tui cho lượm*”. Nói vậy chứ, chiều sau khi đoàn phim, chính chú là người đi lượm mấy chai rơi vãi, chất đống lại rồi cho mấy người lượm ve chai.

Thử nghĩ có ông cố vấn đoàn phim nào làm việc ấy không? Chuyện nhỏ nhưng là nghĩ đến quốc thể đó. Chẳng biết mấy người làm nhục quốc thể lâu nay, đây đó có hiểu?

* * *

Người xưa nói: Nếu chỉ mong vào kiến văn thì học và dạy biết bao giờ cho đủ, trong khi biển học bao la. Cần phải bao nhiêu ước kiếp mới thỏa mãn được? Cần chọn một hạnh nguyện cho mình mà rèn luyện, tu dưỡng suốt đời. Nhớ một đoạn trong truyện “*Mơ thành người Quang Trung*” của Duyên Anh.

“*... Các con lắng tai nghe đây! Ta tả cho các con nghe một vị anh hùng bách chiến bách thắng trong lịch sử nhân loại. Vị anh hùng đó là hoàng đế Quang Trung Nguyễn Huệ. Nước ta thuở ấy, loạn ly đau khổ. Dân tộc ta bị phân cách*



bởi dòng sông Gianh. Ngoài Bắc, chúa Trịnh lấn át vua Lê, chuyên quyền đàn áp dân hiền. Quan liêu hống hách, thẳng tay vợ vét tài sản mồ hôi, xương máu của dân. Hết loạn này đến loạn khác. Trong Nam, chúa Nguyễn nhu nhược, quyền bính lọt vào tay tên độc tài Trương Phúc Loan. Bao nhiêu trung thần bị họ Trương hãm hại. Trương Phúc Loan vợ vét, tham ô không kém gì bọn quan liêu ngoài Bắc. Giặc già nổi lên tứ tung. Dân tình đói khổ. Ấy thế mà vẫn phải đánh nhau với quân chúa Trịnh. Cuộc chiến tranh huynh đệ kéo dài ròng rã một trăm năm chưa chịu chấm dứt. Bấy giờ, ở đất Tây Sơn, nảy sinh một vị cứu tinh dân tộc. Vị cứu tinh xuất hiện sừng sững như một trái núi khổng lồ mọc trên đất Bình Định. Vị cứu tinh là Nguyễn Huệ đó, các con ạ! Ngài vươn tay trái, ngai vàng của chúa Trịnh miền Bắc sụp đổ. Ngài vươn tay phải, ngai vàng của chúa Nguyễn miền Nam tan rã. Bọn quan liêu tham nhũng, chuyên quyền chết như sâu bọ. Ngài đạp chân phải, hai vạn quân Xiêm La chết khốn nạn ở miền Nam. Ngài đạp chân trái, hai mươi vạn quân Thanh chết nhục nhã ở miền Bắc. Ngài vươn mình, Việt Nam lớn lên, hãnh diện về vang và dòng sông Gianh không còn ngăn cách tình người Việt Nam nữa. Các con ơi, các con yêu dấu của ta ơi. Nay đã già nua mà mỗi lần đọc sử tranh đấu, ta vẫn mơ được làm tên lính quèn dưới cờ vua Quang Trung. Ta mơ được quỳ dưới chân Nguyễn Huệ, nâng áo bào khét lẹt mùi thuốc súng của ngài mà hít hà lần ngài ra Thăng Long đuổi loài rợ Mãn Thanh. Các con, các con phải biết mơ thành người Quang Trung các con nhé!...”.

Một đoạn văn khác cũng trong truyện này: “Chương còm yêu lịch sử Việt Nam. Thầy dạy nó rằng dân tộc Việt Nam là dân tộc phi thường. Dân tộc ấy có dòng lịch sử liên tục từ năm nghìn năm nay. Khi cả thế giới đang lo Trung Hoa vĩ đại xâm lăng thì dân tộc ấy đã một mình chống chọi Trung Hoa. Nhiều lần thua Trung Hoa nhưng chưa lần nào hèn nhát. Và hễ chiến thắng Trung Hoa thì toàn đại thắng khiến Trung Hoa thất điên bát đảo... Chương còm yêu những giờ học sử Việt. Thầy nó giảng sử say mê hơn các môn học khác. Thầy nó thường dặn: - Các con ơi, các con hãy yêu lịch sử nước ta. Trang sử nào của nước ta cũng đẹp cả. Tổ tiên ta đã dùng mồ hôi, nước mắt, xương trắng máu đào viết lên sử của nòi Hồng Lạc. Các con yêu lịch sử là các con yêu tổ quốc, quê hương. Và, mai sau, các con sẽ viết thêm sử sách những trang hào hùng hơn. Nếu các con yêu sử nước nhà, không bao giờ các con để mất quê hương, không bao giờ các con nỡ để tổ quốc điêu đứng...”.

Tôi cũng mơ như thầy giáo trong truyện, mơ được làm tên lính quèn dưới cờ một ông vua nào đó như vua Quang Trung, nâng áo bào khét lẹt mùi thuốc súng của ngài mà hít hà lần ngài ra Biển Đông đuổi giặc! Mơ được dạy nhiều lớp học trò yêu lịch sử Việt Nam và viết nên những trang sử hào hùng hơn. Đó chính là hạnh nguyện đến cuối đời của một thầy giáo trường làng chăng? ■

Ngày dần trôi

TRẦN MINH NGUYỆT

Tháng Tư, mưa đông bắt đầu lác đác gõ đều mái lá. Muôn loài trỗi dậy. Hoa lá trong vườn thay áo mới; màu xanh của lá, màu xanh của đất trời như một bức tranh thủy mặc mà thiên nhiên ban tặng. Những chùm hoa tử kinh lác đác nở. Tiếng cu gáy ngân nga, thúc giục từ phía cánh đồng đang mùa gặt. Ngày vẫn dần trôi. Cuộc đời vẫn yên ả trôi. Cuộc đời vẫn mênh mang không bến bờ. Cuộc sống vẫn như li cà-phê phin không đường đắng chát. Hương cà-phê vẫn miên man tỏa, hòa cùng giọt mật của kiếp người làm cho mọi người lạc vào mê cung của sự khổ đau. Kiếp người, nụ cười thì ít mà nước mắt còn nhiều hơn bốn bể.

Tôi là một giáo viên dạy toán ở một trường huyện với một nhan sắc không mấy quyến rũ, cũng không có nét gì đặc biệt mặn mà để thu hút người khác. Tôi như một bụi cây dại ven đường, Tôi lại chọn cho mình một lối sống khác, lối sống mà con tim được ngủ yên, không run lên vì hạnh phúc hay đau khổ. Mọi người trong trường không ghét tôi, nhưng cũng không xem tôi là bạn thân; nói đúng hơn, họ luôn xem tôi như là một đồng nghiệp đúng nghĩa, chỉ giao tiếp nhau trong công việc và khi cần thiết, còn ngoài công việc thì không có thêm một sự gần bó thân tình nào khác. Tôi vẫn ngày hai buổi đi về trong lặng lẽ.

Tôi nghỉ ở nhà đã hơn ba tháng rồi. Tôi nghỉ Tết và rồi dịch bệnh Covid-19 xuất hiện; nó cướp đi bao sinh mệnh của con người, gây nên bao mất mát tang thương. Ngày trôi qua, những bản sao của ngày dần trôi qua, rồi qua một tuần, qua hai tuần... thời gian cứ chậm chậm chậm trôi đi, không hối hả gấp gáp như người xưa đã nói "cuộc đời như bóng câu qua cửa sổ".

Tuần thứ nhất

Tuần lễ đầu sau Tết nghe được nghỉ vì dịch bệnh, tôi không buồn, mà còn cảm thấy hạnh phúc, hạnh phúc vì vẫn còn được ngủ nướng, không phải dậy sớm để đi đến trường,

có thời gian lên mạng nghe nhạc, xem phim, tán gẫu với bạn bè. Dù vậy, cũng có lúc tôi thấy xót thương cho những người dân Vũ Hán phải oằn mình chống lại bệnh tật, phải cách li, phải chia lìa. Có lẽ họ đang rất hoảng sợ. Làm sao mà không hoảng sợ cho được khi mà dịch bệnh thì lây lan nhanh mà vaccine và thuốc chữa thì chưa tìm ra được. Ngày ngày các cô phát thanh viên trên ti-vi báo cáo số bệnh nhân mới nhiễm của Trung Quốc và số tử vong tăng theo cấp số nhân.

Ở Việt Nam cũng có một vài trường hợp bị dương tính với bệnh nhưng họ được các bác sĩ tận tình chăm sóc và may mắn họ đã khỏe lên từng ngày. Nghỉ đến ngày thứ năm, tôi nóng ruột muốn đi dạy lại, tôi nhớ đồng nghiệp, nhớ học trò, nhớ trường lớp. Tôi mong sao cho mau hết tuần để tôi có thể quay lại trường, nơi mà tôi đã gắn bó bao năm, nơi đã giữ của tôi bao kỉ niệm trong đời. Sáng thứ Bảy, khi đang ăn sáng tôi nhận được tin nhắn của một người bạn là *Toàn bộ học sinh, giáo viên được nghỉ thêm một tuần nữa để phòng chống dịch*.

Đọc tin nhắn xong, tôi không cảm thấy vui một chút nào; tôi biết làm gì để giết hết thời giờ chứ. Bỗng dưng tôi thấy lòng mình buồn chi lạ. Điện thoại reo. Mai, bạn của tôi học cùng đại học. Giọng cô ấy hào hứng:

"Nghỉ rồi, mừng không?".

"Không! Buồn chết luôn", giọng tôi chùng xuống.

"Mình ở nhà có thời gian chơi với mấy đứa con, vui lắm...", Mai đang nói bỗng im bặt. Có lẽ Mai sợ nhớ tôi chỉ có một mình.

Ngày đang trôi...

Tuần thứ hai

Tôi vốn đã ít lời, giờ càng ít lời hơn. Trước kia khi đi dạy, tôi còn giao tiếp với đồng nghiệp, học trò, vui cùng cái vui của họ; còn giờ đây mỗi ngày tôi chỉ nói dăm ba câu với ba, mẹ tôi thôi. Ba, mẹ tôi đã lớn tuổi, thời gian rảnh, các người xem ti vi và ngủ rất sớm. Ba người sống trong một nhà rất êm đềm, không có tiếng cãi vã, không có sở thích chung. Mỗi người nghỉ miên





man một nẻo. Tôi không biết làm gì, chỉ nằm bẹp trên giường xem tin tức qua điện thoại. Tin tức dịch bệnh ngày một tăng, và một số quốc gia có ca nhiễm đầu tiên, tình hình không mấy sáng sủa.

Ở Việt Nam, một số ca dương tính đã hồi phục và xuất viện, dấu hiệu đáng mừng. Thương cho đội ngũ bác sĩ, y tá tuyến đầu chống dịch, họ vất vả biết bao nhiêu. Vậy mà khi bệnh nhân xuất viện, họ lại tặng hoa cho bệnh nhân. Theo tôi đó là một nghịch lý, vì lẽ ra

họ mới là những người nhận được những bó hoa tươi thắm từ bệnh nhân hồi phục kia. Rồi tôi lại tìm thấy nhiều người kiếm tiền trên nỗi đau của người khác, họ đăng tin sai sự thật khiến cho dân chúng hoang mang, lo sợ chỉ để được “like” và “share”. Buồn cho họ, buồn cho nhân loại.

Ngày dài đằng đặc. Một buổi chiều, tôi đi lang thang trên con đường bê-tông trước nhà; con đường không dài lắm, và có rất nhiều nhà, nhiều hộ gia đình - là hàng xóm của tôi - đang sinh sống. Trước kia, con đường lúc nào cũng rộn ràng tiếng trẻ con nô đùa, tiếng quát tháo của cha mẹ chúng và tiếng nhạc xập xình của mấy quán cà-phê khiến cho mọi người phải đình tai nhức óc. Giờ con đường trở nên vắng lặng, hoang phế. Thỉnh thoảng cũng có những chiếc xe máy đi ngược chiều, nhưng mọi người đều đeo khẩu trang. Có thể tôi cũng quen với một vài người trong số họ, vì có những người gật đầu chào tôi khi xe chạy ngang qua.

“Cô ơi! Mình khi nào thi học kì hai?”.

“Khi nào học hết chương trình rồi thi thì”.

“Vậy khi nào hết chương trình?”.

Tôi chưa kịp trả lời. Nhìn xuống lớp, tôi không còn nhìn thấy những đứa học sinh của mình đâu nữa. Tôi hoang mang, tìm kiếm mọi nơi. Nhìn ra sân trường vắng lặng, không một bóng người. Chỉ có ánh nắng chiều bàng bạc xen qua kẽ lá, tạo nên những đốm sáng lấp lăm. Tôi hoảng sợ, chạy vào trong lớp đóng chặt cửa lại. Chuông điện thoại reo lên, tôi giật mình tỉnh giấc, thì ra là một giấc mơ. Tiếng của anh vang lên trong điện thoại:

“Em có khỏe không?”.

“Em khỏe, nhưng chán lắm”.

“Em nghe nhạc hay tìm gì đó làm đi. Tình hình này em còn nghỉ lâu đó”.

“Dạ! Em sẽ cố”.

Một ngày nữa lại trôi qua...

Tuần thứ ba

Tôi bắt đầu không nhớ về thứ mấy trong tuần khi mà những bản sao của ngày dần chất cao. Lịch trình cuộc sống cũng bị thay đổi. Tôi ngủ rất muộn vào buổi tối và thức dậy khi mặt trời đã mọc lên một con sào. Những trò phiêu lưu trong suy nghĩ ngày càng trở nên hấp dẫn và ma quái hơn. Tôi có cảm giác mình giống như một con ếch lạc dưới một cái hầm đầy bùn, muốn nhảy lên khỏi căn hầm mà không lên được. Trên đầu tôi, trên miệng hầm là một mảng trời màu xanh, ánh nắng rọi xuống hầm theo phương thẳng đứng, hun hút, hiu quạnh.

Rồi thời gian dần trôi, ô vuông nắng nhảy nhót trước mặt tôi, rồi nó lùi dần, hẹp lại cho đến khi toàn bộ căn hầm mờ tối, và bên trên là một mảng trời màu tím thẫm. Thời gian trôi chậm hơn, giống như nó mắc kẹt ở đâu đó. Ánh sáng le lói trên người của những vì

sao không còn đủ hơi nóng để sưởi ấm cho khoảng không lạnh lẽo phía dưới. Điện thoại reo, tôi giật mình ra khỏi dòng suy nghĩ:

"Em làm gì mà không bắt máy?" - Hiệu trưởng trường tôi gọi.

"Em ngủ. Ngủ thôi chứ biết làm gì hả chị?"

"Em đưa bài lên mạng chưa?"

"Có! Em đưa nhiều lần rồi. Nhưng em nghĩ cũng ít học sinh có thể học đó chị".

"Ở huyện mình có người mạo xưng là nhân viên y tế dự phòng tỉnh chích ngừa đủ mọi loại bệnh, luôn cả ung thư, đột quỵ và Covid-19 không?" - Giọng của chị đầy chua xót.

"Dạ! Em có đọc". Tôi cười buồn.

Chị hiệu trưởng còn nói nhiều chuyện nữa, chuyện của trường trong những ngày học sinh không đến lớp, chuyện tình hình dịch bệnh, chuyện người, chuyện ma...

Thời gian dần trôi, một ngày nữa đang trôi...

Tuần thứ 4

"Anh nhớ em lắm. Dịch bệnh thế này biết đến khi nào anh mới về thăm em được".

"Anh vẫn đang ở cạnh em mà, anh không cảm nhận được sao?"

"Anh biết, anh cảm nhận được, nhưng anh muốn nhiều hơn thế".

"Vậy chúng ta cùng mơ đi. Mơ những giấc mơ hân hoan, tràn trề giọt sống".

Một luồng sáng chói lòa xuyên qua cửa sổ, giấc mơ biến mất, một ngày mới lại bắt đầu. Tôi không còn cảm thấy buồn và cô đơn nữa. Ngày tiếp ngày, ngoài thời gian đọc sách và xem ti-vi, tôi vẫn buông ước mơ của mình đi lang thang, tìm hạnh phúc ngọt ngào trong tưởng tượng. Một ý nghĩ thoáng qua:

Một vùng trời nước bao la, Tôi thả mình trên những tấm phao mặc cho những con sóng nhấp nhô đẩy vào bờ và cuốn ra xa. Buổi chiều, biển dịu dàng, nắng dịu dàng vuốt ve bờ cát trắng, những lâu đài bằng cát tôi chưa xây xong đã bị sóng cuốn đi.

Ý nghĩ khác tiếp cận tôi: Con đường trước nhà tôi phủ đầy nắng chiều, tĩnh lặng bao trùm mọi thứ. Tất cả cảnh vật vẻ với vẻ đẹp nguyên sơ. Buồn, hiu hắt... nhưng đẹp đến nao lòng.

Tuần thứ 5

Lại tin người tốt, người xấu trên báo. Đang trong mùa dịch bệnh, thế giới biết bao người nhiễm bệnh, biết bao người vì dịch mà không còn nhìn thấy ánh sáng mặt trời. Vậy mà chỉ vì lòng tham, vì tiền, nhiều người trở nên vô cảm. Họ không một chút xót thương cho nhân loại đang nhốn nháo lo sợ; họ lợi dụng cơ hội dịch bệnh để kiếm tiền. Đồng tiền vẫn có một ma lực khủng khiếp.

Ở Việt Nam, số người dịch bệnh đã gần 150 người. Chính phủ vẫn tìm cách tốt nhất để giảm người mắc

thêm, và một số bệnh nhân đã khỏi bệnh. Đó là một tín hiệu đáng mừng.

Tôi lại lạc vào những suy nghĩ để thỏa ước mơ: Con đường dập dề xe cộ, tôi lái xe rất chậm dọc theo con đường đến trường. Người ở đầu mà đông như kiến vậy không biết. Tôi lái xe qua những ngôi nhà cao tầng, ửng vàng dưới ánh mặt trời buổi sáng. Những hàng quán hai bên đường đông đúc người ngồi ăn. Cửa hàng quần áo đủ màu sắc ẩn sau lớp cửa kính. Những hàng cây xanh, cành lá đong đưa trong gió tạo nên vũ điệu của đất trời. Tôi đến trường sớm, học sinh của tôi từng tốp, từng tốp dắt xe vào trường, những tà áo dài bay trong nắng sớm. Chúng gật đầu chào tôi, một cảm giác hạnh phúc trong lòng. Ý nghĩ vụt bay, tôi vẫn là tôi của những ngày nghỉ vì dịch bệnh. Cảm giác trống rỗng, tôi sợ mình rơi vào nỗi buồn. Tôi nhớ anh hay nói: *"Cuộc đời vốn không hoàn mỹ, vậy nên hãy dùng một trái tim bình thản để xem xét mọi vật xung quanh".*

Dịch bệnh ngày càng phức tạp. Đã gần hai trăm ca dương tính với Covid-19 rồi. Số bệnh nhân khỏi bệnh cũng nhiều lên, không có ai tử vong vì dịch; nhưng vì sợ dịch bệnh lan tràn như một số quốc gia khác nên chính phủ khuyến mọi người hạn chế ra đường trong hai tuần đầu tháng Tư; vậy là tôi lại có thêm hai tuần tiếp tục nghỉ. Tôi chỉ còn biết thở dài. Không còn cảm giác là mình nghỉ vì dịch nữa, tôi đã làm quen với cuộc sống hiện tại. Tôi quen với nhịp sống chậm lại. Tôi quen với cái tĩnh lặng của đất trời. Chiều chiều, tôi thơ thẩn trên con đường trước nhà. Con đường không còn xe cộ ngược xuôi, lác đác chỉ thấy một vài người tập thể dục đeo khẩu trang chạy ngang qua. Mọi người ai cũng lặng lẽ; không còn tiếng ồn ào của xe cộ, tiếng rôm rả của trẻ con nô đùa. Cảnh vật như chùng xuống, dù mang một vẻ buồn man mác, nhưng đẹp đến nao lòng. Quyển sách ước lại mở ra: Mỗi trang là một cảnh đẹp như thôi miên.

Cảnh chiều rất chậm. Những con chim én đang lượn lờ tìm tổ trên nền trời xanh. Sóng lao xao, xô cát dậy. Những con dẽ trảng chằm chỉ xây thành quách nguy nga, nhưng chúng có ngờ đâu con sóng quá vô tình. Xa xa ngoài biển là những chiếc thuyền đang ngụp lặn tìm về bến đợi.

Ngày vắng tên. Nắng hừng hờ đùa giỡn với những giọt sương còn đang ngủ quên trên cành lá. Mây lang thang, quên cả nẻo về.

Một khoảng lặng. Một giấc mơ màu tím. Tôi gom nhặt từng giọt yêu thương.

Giờ anh làm gì? Sao anh không trong cuộc đời thật mà chỉ là trong mơ. Sao tôi vẫn hoài lãng đãng? Tôi thỉnh thoảng quanh quẩn giấc đời; mơ màng bàn tay anh cùng tôi thấp lửa niềm tin.

Giấc mơ đi qua, tôi lại trở về hiện tại: Lại nghỉ dạy, lại dịch bệnh, lại những bản sao của ngày. Một ngày nữa lại trôi qua... ■



Việc giữ nghiêm kỷ cương phép nước dưới thời Minh Mệnh

TÔN THẤT THỌ

Dưới thời nhà Nguyễn, Minh Mệnh (1820-1840) là vị vua rất chú ý đến việc quản lý xã hội kết hợp giữa lễ trị và pháp trị. Năm 1827, khi tiến hành công cuộc cải cách hành chính từ trung ương xuống cơ sở, nhà vua đã ban dụ:

“Nhà nước đặt phép tắc, định chế độ, mong để lâu dài. Trăm tuân thủ phép cũ mà sửa sang thêm, chủ yếu cũng là theo thời xây dựng, chấn chỉnh mỗi giềng để cho đời sau noi theo. Đến như châm chước, thêm bớt cho được thật tốt, thì dẫu phải lâu đến 40. 50 năm thì có hại gì”.

(Đại Nam thực lục, tập 7, sđd, tr.57)

Đối với nhà vua, mọi người, kể từ hoàng tử, hoàng thân xuống thứ dân, binh lính đều bình đẳng trước pháp luật. Năm 1830, Đề đốc kinh thành Huế là Nguyễn Văn Phụng đem lính Võng thành vây bắt con bò đen; con bò chạy ra, Phụng cầm súng bắn; bắn lầm phải một người lính, làm anh ta bị thương. Nhà vua biết chuyện, dụ Bộ Hình:

“Pháp luật nghiêm ngặt có cho như thế đâu. Hơn nữa, Phụng là quan võ chức to, đánh gươm bắn súng vốn là nghề nghiệp của mình, lại bắn lầm phải lính. Thử nghĩ xem, quan võ bắn tài như thế, còn dùng làm việc gì được, vậy cách chức, giao bộ bàn. Người lính bị thương thì bắt bảo cố”.

(ĐNTL, tập 8, sđd, tr.114)

Ngay cả những viên quan đứng đầu tỉnh mắc tội, nhà vua cũng thẳng tay trừng trị. Năm 1834, phát hiện vụ án Tuần phủ Trịnh Đường tham tang tới 1.000 quan tiền. Trước khi quân Xiêm tiến sát tỉnh Hà Tiên, Trịnh Đường lấy giấu 1.000 quan tiền công ở kho đem xuống thuyền chạy trốn, có nguyên Án sát Đặng Văn Nguyên trông thấy. Đến khi tỉnh lý đã thu phục, Trịnh Đường lại tâu là tiền ở kho bị giặc lấy mất. Sự việc bị Tham tán Hồ Văn Khuê, Án sát Đặng Văn Nguyên phát giác, mới chỉ đích danh tham hặc. Sự việc báo về triều đình, nhà vua tuyên dụ:

“Trịnh Đường trước đây có lỗi đã được gạt bỏ vết xấu mà lại dùng. Để Hà Tiên thất thủ, tội đã khó tha thứ, lại còn dám nhân lúc ấy lấy cắp tiền công đến 1.000 quan vội bỏ thành trì, đất đai mà chạy! Bản tâm của y chính là nhằm lợi dụng lúc có giặc cướp để làm việc gian tham đó, thực đáng ghét. Nay lập tức cách chức, cho xích lại, giao Viện Tiếp biện là Trần Chấn xét rõ, tâu lên. Còn Đặng Văn Nguyên thì phải triệt lưu chờ đối chất”.

(ĐNTL, tập 14, sđd, tr.363-364)

Khi án thành, Trịnh Đường bị xử tội cao nhất là tử hình. Minh Mệnh còn là vị vua luôn thưởng phạt rất công minh. Người có công, nhà vua luôn sẵn sàng ban thưởng. Ngược lại, đối với tội lỗi của quan lại, kể cả những viên thượng thư thân cận, cũng bị xử phạt rất nặng, nhiều khi vượt khỏi cả luật pháp. Trường hợp

Thượng thư Bộ Lễ Phan Huy Thực là một thí dụ điển hình. Năm 1836, Thượng thư Bộ Lễ phạm lỗi là không thường xuyên kiểm tra đôn đốc người dưới quyền trong việc giữ gìn bảo quản đồ thờ trong Thế miếu, dẫn tới tình trạng bọn gian thủ đánh tráo từ vàng thật thành vàng giả; nhà vua đã lập tức ra lệnh cách chức Thượng thư để điều tra.

Đặc biệt với các tội tham nhũng, đòi ăn hối lộ và biển thủ công quỹ thì ông còn trị tội nặng hơn nhiều:

Năm 1822, tỉnh Quảng Đức và Quảng Trị gạo đắt, triều đình phát cho 25.000 hộ thóc để bán cho dân, người lính “*kho Kinh là Đặng Văn Khuê* *đong thóc để phát mỗi hộ kém vài cáp*”. Nhà vua lệnh trừng trị với hình phạt cao nhất để làm gương.

(ĐNTL, tập 6, sđd, tr.117)

Năm 1826, viên quan làm việc ở kho Kinh là Trần Công Trung đòi ăn tiền, làm khó dễ, việc bị phát giác. Nhà vua giao cho Bộ Hình tra xét. Án xong, vua nói: “*Vụ án Đặng Văn Khuê năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) đã theo luật nghiêm trị, thế mà bọn Trung còn dám công nhiên làm bậy, không kiêng sợ gì, tuy tang vật không quá 10 lạng, nhưng luật quý ở chỗ làm cho lòng người sợ hãi, nếu như để sống một mạng thì e sau này những kẻ khinh nhờn pháp luật sẽ nhiều ra, không thể xử hết được*”. Kết quả là Trần Công Trung phải chịu lãnh án cao và nặng nhất.

Ngoài việc nghiêm khắc trong việc trừng trị quan lại tham ô những lạm, Minh Mệnh còn là vị vua luôn làm gương trong việc “*sống và làm theo pháp luật*”. Ông từng nói với các cận thần: “*Ta từ khi lên ngôi đến nay, dùng người làm việc, giữ một mực công bằng, dầu có kể tôi con thân tín từ trước cũng chỉ dùng theo tài năng chứ không tư vị một người nào. Kẻ nào có tội cũng theo pháp luật trừng trị, chưa từng gượng nhẹ bao giờ*”.

(ĐNTL, tập 14, sđd, tr.337)

Thực tế cho thấy cách dùng người của vua Minh Mệnh là dựa trên năng lực. Nếu người có tài, cho dù là con cháu những người đã từng làm quan với Tây Sơn như trường hợp dòng Phan Huy ở Sài Sơn (Hà Tây), nhà vua vẫn trọng dụng. Dưới thời Minh Mệnh, Phan Huy Thực được thăng tới chức Thượng thư Bộ Lễ. Con ông là Phan Huy Vịnh bắt đầu ra làm quan thời kỳ này và tới triều Tự Đức cũng lên tới chức Thượng thư Bộ Hình.

Còn những người không có năng lực, mặc dù là người thân cận, gần gũi khi ông còn ở nơi *tiếm* để cũng



không được trọng dụng, hoặc bỏ qua khi có lỗi lầm. Cụ thể như trường hợp Án sát Quảng Ngãi Nguyễn Đức Hội phải phát vãng ra Cam Lộ làm lính cơ Đình Man. Nhà vua hiểu rất rõ nếu đặt những người không có năng lực, hoặc năng lực yếu vào vị trí cao chỉ gây tác hại tiêu cực cho bộ máy hành chính. Chính họ sẽ là người làm hỏng công việc; tai hại hơn nữa, họ còn tạo ra xung quanh mình một nhóm *cùng hội cùng thuyền* để bung tai, bịt mắt mọi người mà làm bậy.

Đặc biệt, ông cũng là vị vua rất quan tâm phòng và chống một cách triệt để tệ nạn xã hội như đánh bạc, mại dâm, hút thuốc phiện... Qua nhiều lời

dụ đối với Bộ Hình, chúng ta thấy nhà vua rất hiểu rõ tác hại ghê gớm của việc buôn bán và chứa hút thuốc phiện. Tuy vậy, đối với những người mắc tội liên quan tới thuốc phiện, không xử tội đồng loạt như nhau mà có phân biệt thành ba hạng.

Dụ của vua có đoạn:

“*Người hút thuốc phiện, tuy đến hại việc quan, bỏ công việc, mất hết tài sản, tổn hại sức khỏe, nhưng chỉ hại cho một thân, một gia đình họ mà thôi. Còn như đưa nấu bán thuốc phiện là mưu đồ lợi lớn, dụ dỗ nhiều người đến nổi tập nhiễm thành thói quen, cái hại lan ra rộng, thì tính tội so với kẻ hút vụng còn nặng hơn. Và lại, thứ đó không phải sản xuất ở nước nhà, phần nhiều là do thuyền buôn ngoại quốc và những thuyền buôn nước nhà đi ra nước ngoài đã trái luật, cầu lợi buôn về. Họ mang theo vào càng nhiều thì càng tác hại lớn, mà những đồn hải quan sở tại, cùng những quan lại được phép khám, thì hoặc kiểm tra sơ suất, hoặc biết mà không bắt, hoặc tham lợi quên nghĩa vụ, lấy tiền rồi cố ý tha ra...*”

(ĐNTL, tập 21, sđd, tr.224)

Có thể nói rằng Minh Mệnh là một trong số các vị vua rất quan tâm tới việc tạo lập đối với toàn xã hội một thói quen sống và làm việc tuân theo pháp luật. Hiện nay, mặc dù đã có những biện pháp mạnh mẽ để ngăn ngừa tham ô, những lạm, hoặc lợi dụng chức vụ và quyền hạn để làm điều sai trái, nhưng xem ra vẫn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Do đó, những chính sách nhằm quản lý xã hội của vua Minh Mệnh rất cần được các nhà quản lý xã hội hiện nay tham khảo. ■

Tài liệu tham khảo:

Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, bộ 38 tập, Viện Sử học, Nxb KHXH, 1962-1978.



Cảm ơn Corona

LÊ HẢI ĐĂNG

"Thank you for the Corona", câu nói con gái thốt lên khi nhận được tin nhắn thông báo nghỉ học vì dịch Covid-19 từ thầy giáo chủ nhiệm. Câu nói ngô nghê ấy gợi nhớ bài hát: "Thank you for the music" nổi tiếng của ban nhạc ABBA (Thụy Điển). Trẻ con chẳng biết lo xa chỉ thật thà nói lên cảm nhận của mình. Song, nếu nhìn vấn đề dưới góc độ tích cực, cơn đại dịch này không phải không có tác dụng nhất định. Khi cánh cửa tìm kiếm cơ hội đập dịch thời kỳ đầu khép lại thì cánh cửa đem đến khả năng phục hồi cho thiên nhiên mở ra. Thời gian qua, các nhà môi trường vui mừng trước tình hình môi trường cải thiện ngoài dự tính, nhiều chỉ báo thay đổi rõ rệt, như bụi, SO², CO², tiếng ồn... Phẩm chất không khí có thể cảm nhận qua từng hơi thở, ngẩng đầu lên ta đã nhìn thấy bầu trời xanh.

Suốt thời gian dài, mục tiêu phát triển kinh tế đã lấy đi sức khỏe của Trái đất. Kinh tế tăng trưởng là âm hình chủ đạo trong bản hòa tấu vang lên khắp hành tinh. Nó khiến cho bầu không khí không ngừng sa sút, xuống cấp. Từng giờ từng phút, biết bao chất thải độc thải ra môi trường. Hoạt động khai thác tài nguyên quá tải gây ô nhiễm môi trường liên tục gia tăng. Dù hồi chuông cảnh báo về tình trạng này đã được phát đi từ lâu, thậm chí ngân dài trong các quốc gia đang phát triển, nhưng chẳng làm con người cảnh tỉnh, chùn

bước trước hành vi của mình. Tài nguyên thiên nhiên, khoáng sản dưới lòng biển, mặt đất, không khí trên bầu trời... tất cả đều bị khai thác kiệt quệ. Khắp nơi trở thành địa bàn tác nghiệp của con người nhằm triển khai các chương trình, dự án vì mục tiêu tăng trưởng.

Thông điệp phát triển bền vững phần nào cho thấy nỗ lực "hãm phanh" trong chiến lược phát triển, ít nhất về mặt nhận thức, song cũng không ngăn nổi đà tăng tốc gây hiểm họa môi trường. Nói chung, không một lời cảnh báo nào có thể làm lung lạc ý muốn chinh phục thiên nhiên ở con người, cũng không một ý kiến nào đạt được sự đồng thuận cao trong vấn đề môi trường.

Các nhà môi trường từng cảnh báo, loài người không còn nhiều thời gian, cơ hội để làm đảo chiều xu hướng Trái đất nóng lên. So với thông báo của Tổ chức Y tế Thế giới về nguy cơ dịch bệnh bùng phát, lời cảnh báo trên đáng sợ hơn nhiều. Vì, Trái đất có mệnh hệ gì, chúng ta - tất cả các loài - đều chịu ảnh hưởng. Virus Corona có thể ở lại với xã hội loài người, nhưng các nhà khoa học cũng có thể sớm tìm ra vaccine, thuốc chữa trị đặc hiệu hoặc khu trú nó trong từng khu vực nhằm hạn chế sự lây lan. Còn nhiệt độ Trái đất không ngừng tăng lên, thảm họa môi trường gây ra tồi tệ hơn bất cứ tác hại nào khác, kể cả Corona.

Thực tế cho thấy, biết bao hội nghị về biến đổi khí hậu gặp phải thất bại. Ý kiến chuyên gia trong vấn đề môi trường dường như chưa đủ mạnh để biến thành

hành động. Kết quả là khí hậu Trái đất tiếp tục nóng lên. Năm 2020 được dự báo là một năm nắng nóng kỷ lục. Cái từ kỷ lục xuất hiện thường xuyên đến mức quen thuộc, nhàm chán. Vì, rất nhiều kỷ lục về thảm họa môi trường đã bị phá vỡ trong thời gian qua. Các hiện tượng thời tiết bất thường gia tăng đến mức đáng ngại. Nhiều hiện tượng cực đoan viếng thăm hành tinh.

Trong thời gian đại dịch hoành hành, người dân miền Tây nước ta đang phải oằn mình chống chọi với tình trạng xâm nhập mặn, hạn hán; nhiều tỉnh, như Bến Tre, Tiền Giang... thiếu nước ngọt trầm trọng. Tình hình dịch bệnh chưa kịp “mất dịch” đã xảy ra “mất nước”. Song, cảnh báo về môi trường trước đó rất ít được chú ý. Dự báo nguy cơ biển tiến (thay vì biển lùi từng xảy ra trong lịch sử) đã được một số nhà khoa học dự báo.

Nhiều quốc gia xây dựng nhà máy thủy điện tại thượng nguồn sông Mê Kông dẫn đến nguy cơ làm loạn nhịp chế độ thủy văn của dòng sông, đặc biệt gây thiếu nước, thiếu hụt nguồn tài nguyên, trữ lượng thủy sản, chất bồi... cho vùng hạ lưu. Mũi Cà Mau có khả năng bị tổn thương nếu biển tiếp tục xâm nhập... Rất nhiều nguy cơ đã được dự báo, có thể xảy ra trong tương lai, nhưng con người không hề biết sợ hoặc nhượng bộ trước lòng tham. Giống như người biết rõ hành động của mình gây hậu quả tai hại, nhưng bảo rằng cần phải thay đổi thì không. Đó là bản tính cực kỳ lảm lý, khó bảo ở con người. Thà ngồi chờ thần chết tới gõ cửa còn hơn tự động thay đổi.

Vì, thay đổi đối với nhiều người rất đau khổ, thậm chí đáng sợ hơn cả cái chết! Tôi thấy được điều này qua nhiều trường hợp, đáng kể là bệnh nhân. Nhiều người mắc chứng bệnh mãn tính thường ý lại bác sĩ, thay vì tự mình điều chỉnh lối sống. Bệnh mãn tính nói chung hình thành lâu dài và tác động âm ỷ. Thói quen sinh hoạt, ăn uống, nghỉ ngơi... góp phần gia tăng hoặc giảm thiểu tính chất bệnh lý. Tất cả đều bắt đầu từ thay đổi, chủ động hoặc bị động. Nếu chủ động, theo hướng tích cực, bệnh tình sẽ được cải thiện; nếu ý lại bác sĩ, rất dễ rơi vào tình trạng bị động. Khi ấy bệnh lý gia tăng chuyển biến thành nguy cơ. Nói chung, thay đổi là bản chất của sự tồn tại. Mặc dù trình độ y học đã phát triển đáng kể, nhưng bác sĩ không chịu trách nhiệm đem sức khỏe đến cho bệnh nhân. Nhiệm vụ của bác sĩ là xử lý vấn đề bệnh lý, chứ không trao truyền sức khỏe. Muốn có sức khỏe, cải thiện tình hình bệnh tật, bản thân người bệnh phải nỗ lực tìm kiếm sức khỏe, nỗ lực thay đổi.

Chúng ta sống trong một thế giới thay đổi. Thay đổi có thể tốt hoặc xấu, nhưng thay đổi là thuộc tính của sự tồn tại. Con người không thể nào làm đảo chiều được sự thay đổi. Khi một thánh giả hỏi nhà huyền môn Shadguru người Ấn Độ về cách thức bảo toàn cơ thể và ví von với việc giữ gìn hạt giống, Shadguru trả lời rằng,



hạt giống tuy được bảo vệ trong chiếc vỏ cứng, nhưng nhằm chỉ một tình trạng ngừng trệ. Cách bảo vệ sự an toàn tốt nhất là làm cho hạt giống nảy mầm, phát triển thành cây.

Phật giáo quan niệm: thế gian vô thường, con người vô ngã. Chân lý đơn giản ấy rất dễ hấp thu, nhưng khó thực thi. Vì, nó đòi hỏi một sự nỗ lực triệt để nhằm biến nhận thức thành hành động, thông qua sự thay đổi. Không ai trao truyền mẫu nhiệm cho con người, ngoài bản thân. Bởi vậy, thay đổi chính là vô thường, vô thường cũng có nghĩa là luôn thay đổi. Nó khiến cho không một hiện hữu nào có thể giữ nguyên trạng thái đứng yên, kể cả cái tôi.

Suốt thời gian dài, Trái đất phải gánh chịu hậu quả do chính con người gây ra. Con người là kẻ thù chung của nhiều loài trên Trái đất. Vì, tự cho mình đứng trên muôn loài, nên loài người không mở phiên tòa để phán xét mình. Virus Corona đã làm được điều này. Nó cho thấy chúng ta phạm quá nhiều sai lầm. Nếu chịu thay đổi, bước qua sai lầm, cơ hội cho con người làm nên một thế giới hồi sinh trong tương lai đã bắt đầu. Loài người phải thay đổi, Trái đất cần được bảo vệ.

Thời gian qua, chúng ta đã nhìn thấy trời xanh, mây trắng. Nhiều nơi đều cảm nhận rõ rệt phẩm chất bầu không khí. Không chỉ có bầu trời, khí quyển mà cả môi trường văn hóa cũng được cải thiện. Bao trùm lên cuộc sống là một cảnh bình yên, khác lạ. Tất nhiên, đây là cảnh bình yên bất an, cho thấy một tình trạng nguy cấp, ẩn tàng của dịch bệnh, chứ không phải bình yên trong lòng người. Cần có sự chuyển hóa tương ứng từ bình yên trong mùa dịch sang bình yên giữa đời sống thường nhật.

Nếu coi dịch bệnh như một cơ hội, đây chính là lúc chúng ta cần thay đổi. Tựu trung, chúng ta chỉ có một hành tinh cho tất cả. ■



Nguồn: giadinh.net.vn

Buồn thay đám giỗ thời nay

ĐẶNG ĐỨC

Tôi sinh ra trên đời thì ông bà nội tôi đã mất, chính vì vậy tôi không biết mặt ông bà, mà chỉ được nghe cha mẹ kể nhiều những câu chuyện gần bó, có liên quan, mỗi khi tôi nhắc tới ông bà. Những năm tháng ấu thơ nơi quê nhà, tôi luôn mong ngóng tới ngày giỗ ông nội vào tháng 5 và giỗ bà nội vào tháng 10 hàng năm.

Sở dĩ tôi luôn mong ngóng và rất nhớ ngày giỗ của ông bà là vì ngoài việc được ăn biết bao nhiêu là món ngon, ăn thỏa thích, bởi cha mẹ tôi luôn làm cỗ rất to trong ngày giỗ của ông bà, để đãi họ hàng, mấy nhà hàng xóm xung quanh..., thì dịp nhà có giỗ cũng là lúc cô, dì, chú, bác - là con đẻ, con dâu, con rể của ông bà tôi - cùng các cháu nội ngoại sum họp quần tụ tại nhà tôi để tưởng nhớ tới ông bà nhân ngày giỗ, nên không khí rất đông vui.

Trẻ con ở quê thì nhà nào cũng vậy, hễ cứ thấy nhà mình có cỗ là thích, là vui sướng là lẽ đương nhiên, nhất lại là khi đó kinh tế túng kém, cơm còn không đủ no, phải thường xuyên ăn cơm độn, nên kiểu gì khi nhà có cỗ là chắc chắn được ăn cơm trắng, đủ món thịt, chả giò, gà...

Ông bà tôi sinh được năm người con, trong đó có hai trai ba gái, và bố tôi là trưởng. Ở quê, nhất là ở miền Bắc, miền Trung, thì con trai trưởng bao giờ cũng đảm nhận công việc cúng giỗ ông bà, cha mẹ; còn các con trai thứ thì tùy theo sự phân công của cha mẹ khi còn sống, có thể đảm nhận trách nhiệm góp giỗ phía bên ngoại, hay giỗ tổ...

Nếu nhà đông con trai, cha mẹ cũng có thể phân bổ mỗi người con trai sẽ đảm nhận một vài đám giỗ gọi là san sẻ gánh nặng đỡ cho nhau. Nhưng, tựu trung, như đã nói các đám giỗ chính thì luôn luôn phải là con trai trưởng đảm nhận và đứng lên tổ chức.

Theo như tôi thấy, có một phong tục tập quán đã trở thành... "truyền thống", thành "nếp" của đám giỗ ở quê, đó là cứ tới ngày giỗ, tất cả các con, cháu sẽ tụ tập đông đủ tại nhà một người con hay cháu nào đó đã được phân công đảm nhận việc cúng giỗ, để tổ chức một buổi cỗ gọi là tưởng niệm ông bà, cha mẹ...(có thể là cụ, kỵ, anh, chị, em).

Trong ngày giỗ ấy mọi người cùng bắt tay vào đi chợ mua sắm thực phẩm, rồi chế biến những mâm cỗ để



Nguồn: giadinh.net.vn

trước là bày biện lên ban thờ cúng kiếng, sau đó dọn xuống để con cháu, khách khứa cùng thụ hưởng. Tùy theo đám giỗ được tổ chức theo quy mô lớn hay nhỏ, lượng khách mời ít hay nhiều mà gia chủ ước lượng sẽ làm bao nhiêu mâm cỗ.

Thông thường thì với những đám giỗ được mở mang, nghĩa là làm cỗ lớn, không chỉ có con cháu, mà còn mời nhiều quan khách, xóm giềng..., thì mấy anh chị em trong nhà sẽ hùn lại, nghĩa là hình thức góp giỗ, khi tất cả đều có trách nhiệm đóng góp vật chất, tiền bạc.

Đám giỗ ở vùng ngoại thành Hà Nội quê tôi, con gái khi đi lấy chồng sẽ lo gánh vác công việc nhà chồng, vì thế khi giỗ bố mẹ sinh ra mình, họ chỉ có chút tiền đóng góp theo kiểu tùy tâm, gọi là chút lễ vật nhỏ, nén nhang... chứ tiền bạc bỏ ra làm cỗ thì chủ yếu do con trai trưởng và những người con trai thứ đóng góp.

Chẳng vậy các cụ mới bảo rằng “con gái là con nhà người ta”, và ở làng tôi nói riêng cũng như nhiều vùng quê ở miền Bắc nói chung vẫn “mặc định” một điều, chỉ có con trai được thừa hưởng tài sản là đất, nhà ở của ông bà, cha mẹ sinh ra, còn con gái không được chia (trừ khi nhà không có con trai), mà chỉ hưởng theo chồng khi xuất giá. Thế nên con gái không phải nặng gánh chuyện cúng giỗ cha mẹ mình, không đặt nặng chuyện tiền bạc phải lo khi có giỗ, mà phần đó đã có những người anh em trai của mình lo...

Vâng, cũng giống như bao đám giỗ ở làng quê trong vùng, thì ngày trước, mỗi lần tới dịp đám giỗ của ông bà nội tôi thì đều là ngày vui đoàn tụ với anh chị em, con cháu đủ đầy. Trong bữa ăn, tiếng cười tiếng nói luôn rôm rả, mọi người lâu lâu mới có dịp gặp nhau đều tỏ ra quý mến nhau, thông qua các câu chuyện hỏi thăm nhau về làm ăn ra sao, sức khỏe thế nào, có dự định làm ăn, buôn bán như thế nào ở tương lai...

Thế nhưng, chuyện vui vẻ trong ngày gia đình tôi có giỗ như vậy đã không còn nữa khi tôi lớn lên. Đó là cách đây hơn chục năm, khi đà đô thị hóa ập tới, giá

đất tăng chóng mặt, và cũng chỉ vì tranh giành đất cát thiệt-hơn giữa bố tôi và người chú em bố, nên đám giỗ ông bà nội tôi bị sứt chia, tình cảm anh chị em cắt đứt! Nghĩa là tới ngày giỗ ông bà thì bố tôi cúng, kết hợp với hai người cô theo góp giỗ; còn chú tôi thì cúng riêng ông bà tại nhà của mình, kết hợp với một người cô của tôi, do cô ấy vào hòa với chú và ghét bố mẹ tôi.

Nói chung là giai đoạn gần đây ngày giỗ ông bà nội tôi không còn đông vui như lúc tôi thơ bé, mà rất buồn. Buồn ở đây không phải vì không có mâm cao cỗ đầy, mà buồn là tình cảm giữa mấy anh chị em con của ông bà nội tôi đã tan dần sứt mẻ vì... đất đai tiền bạc. Tôi biết rằng, dù ở nơi... tuổi vàng ông bà tôi cũng sẽ buồn lắm, khi mà anh chị em cùng cha cùng mẹ sinh ra mà còn không đùm bọc thương yêu được nhau...

Mà chẳng phải riêng gia đình tôi, những năm gần đây tôi thấy ở làng mình, xã mình, và nhiều nơi khác nữa, nhiều gia đình cũng cắt đứt nhau, khi mang bố mẹ, ông bà về nhà để cúng riêng, chứ không quay quần đoàn tụ làm đám giỗ như ngày xưa. Buồn quá, và dường như nó trở thành... trào lưu, khi mà nguyên nhân sâu xa cũng chỉ vì tranh giành tiền bạc, đất cát.

Không ít anh em cùng bố mẹ sinh ra còn chém giết nhau chỉ vì mấy tấc đất. Nhiều hộ, anh chị em chửi nhau, kiện tụng, rồi đưa nhau ra tòa cũng chỉ vì vật chất. Có những gia đình vì đất mà em chửi anh, em chửi chị, con cái chửi mắng và đánh lại mẹ cha...

Đúng là một xã hội đang ngày càng tha hóa biến chất về đạo lý, tình người, khi mà ngày xưa đều nghèo túng thì chúng ta thương yêu đùm bọc lấy nhau, còn thời nay kinh tế phát triển, đủ đầy, giàu có thì tình cảm, tình người lại nhạt phai. Nói vậy tôi không có ý “vơ đũa cả nắm”, nhưng quả thực là bây giờ còn không nhiều gia đình đoàn kết theo kiểu cùng góp giỗ và cùng làm đám giỗ tập trung cho ông bà cha mẹ, mà chủ yếu họ đều cúng riêng vì tranh chấp vật chất, hoặc vì mâu thuẫn này nọ phát sinh... ■



Nguồn: kenh14.vn

Ở phía chân trời

HOÀNG KHÁNH DUY

Ai trong chúng ta cũng từng mang khát vọng trở về nơi mà mình được thực sự sống với chính mình, gần gũi với những người thân yêu, bao dung với những điều chân phương bình dị. Nhà thơ Việt Phương

gọi đó là chốn người thật là người với nhau:

Đi cho cuối đất cùng trời

Đến nơi người thật là người với nhau.

Còn với tôi, nơi đó là quê hương ngọt lành, chân trời của những dấu yêu hạnh phúc.

Mỗi người đều định vị được cho riêng mình điểm xuất phát, bắt đầu cho một chuyến đi dài mang bao khát khao ước vọng và chốn quay về sau những mệt nhoài, thương tổn riêng mang... Nội nói nhà là chân trời, người quê lành thiện và hiền như cây cỏ. Mọi cánh chim sau cuộc thiên di rộn rã rồi cũng bay về phía chân trời tìm sự an trú. Tôi đã từng ngồi trên bờ đê năm cũ ngắm nhìn những cánh chim gấp rút trên nền trời thiên thanh. Chim vội vã bay về, còn tôi loay hoay với những giấc mơ được ra đi, được thỏa sức đắm mê với

những khát vọng tuổi trẻ hay đơn giản chỉ là rời khỏi cái nơi mà tôi gọi là “ao tù nước đọng”, là mùa mưa lại ru rú trong nhà nhìn ra ngoài đồng nước giăng mờ mịt, sinh lầy nhoèn nhoẹt, hoàng hôn buông ếch nhái kêu oàm oạp ran trời.

Trong quyển sách “*Nhà giả kim*” của Paulo Coelho có một câu rất hay và triết lý: “*Khi bạn khao khát một điều gì đó, cả vũ trụ sẽ hợp lực giúp bạn đạt được điều đó*”.

Tôi vẫn luôn tin rằng câu nói đó là thật. Những giấc mơ thời thơ ấu của tôi trong những lần ngồi trên bờ đê ngắm về “phương phố” cuối cùng cũng thực hiện được. Rời nhà lên phố, thứ tôi mang theo là sức trẻ, kiến thức, món tiền má dành dụm từ những hôm quầy gánh bán bưng... Chừng ấy năm học tập và mưu sinh ở phố, tôi đã hiểu thế nào là câu hát “*chốn đô thành đầy xa hoa cám dỗ*” của Lan trong vở cải lương “*Lan và Điệp*” ngày xưa nội tôi hay xem bằng chiếc máy vô tuyến truyền hình có màn hình đen trắng đầy “hột mè” mà mỗi khi mất sóng tôi lại phải chạy ra hè nhà xoay *ăng-ten* cho hình ảnh trong lại. Khi cánh chim năm xưa đã thấm mệt, đôi lúc chùn chân, tôi chỉ mong có những

chuyến về phía chân trời để được sống những tháng ngày thanh bình yên lặng.

Ở phía chân trời, tôi được nghe bà kể những câu chuyện “hồi xưa hồi xưa”, những câu chuyện ấy bà kể hoài không chán, mà tôi nghe hoài vẫn thấy thú vị lạ kì. Mỗi sáng tôi ngồi trong chái bếp ngắm khói vẫn lên từ bếp quê rơm rạ, đôi khi khói làm tôi cay sè con mắt mà vẫn cố ngóng nhìn; khói quê thơm đến lạ kì mà ở phố tôi có bao giờ ngửi thấy? Cơm nước xong xuôi, tôi nằm ngủ ở bộ vạt sau nhà, dưới bóng mát của giàn mướp giàn bầu trái xanh lúc lỉu, tai nghe tiếng lá chuối xào xạc trong gió, rung rinh như khúc nhạc nội cỏ trưa hè yên ả vô ngần. Chiều, tôi theo ông ra ruộng, tay ôm cái giỏ cun cút đi theo sau bước chân ông; con cá lóc, cá rô rột rột trong giỏ mang về cho má làm những món ăn ngon mà dư vị của nó tôi đã quen từ thuở lọt lòng cho đến khi khôn lớn.

Chân trời của tôi, chân trời của những kỉ niệm tuổi xưa. Về quê, tôi được dịp ra đồng hồi tưởng lại những mảnh kí ức bấy lâu vụn vỡ giờ được gom đầy và tươi rói như thuở ban đầu. Đó là những ngày tôi không biết buồn, chỉ có niềm vui qua những trò chơi quê mùa giản dị trong không gian làng mạc hiền hòa với những đứa bạn choai choai ngoài đồng; nắng rám da, miệng vẫn cười hiền lành như thiên thần trên đồng cỏ.

Những buổi tắm sông, những chiều “hợp đồng” đốt đồng rơm khô nướng củ khoai lang dờ ở chỗ giống khoai ông trồng, cắn một miếng mà ngọt tận tâm can. Con diều giấy bay bay. Những vết chân son chạm lên gốc rạ mặt đồng nâng đỡ tôi từ bước đi chập chững đầu tiên; đất quê truyền cho tôi bản lĩnh để tôi đủ mạnh mẽ bước qua những thăng trầm trên hành trình cuộc đời.

Chân trời của tôi, chân trời của những bao dung, nhân hậu, nghĩa tình. Ở chốn ấy có người quê sống nhân ái, chan hòa, vị tha, tình cảm. Những sẻ chia từ cái kẹo, miếng bánh thuở ban sơ đến những động viên, vỗ về lúc trưởng thành.

Nội nói trên đất nước mình chốn nào cũng có người tốt “đồng như quân Nguyên”, nhưng đậm sâu trong lòng vẫn là những gương mặt người quê buồn vui có nhau, đối đãi với nhau bằng suối nguồn yêu thương tình nghĩa. Tôi nhớ, hồi đó có đợt hạn mặn kéo dài, quê tôi bỏ mất một vụ lúa vì mặt ruộng nứt toác lúa không sống nổi. Vậy là cả xóm thiếu gạo! Một buổi chiều, khắp gạo nhà tôi cạn sạch không còn một hột; má tôi đi xóm vẫn chưa về, em gái tôi đói đến xanh môi. Khoai dự trữ trong nhà cũng hết sạch, tôi bấm bụng chạy sang nhà hàng xóm, cách nhà tôi một con kinh, một cây cầu khỉ lắt lẻo, mượn tạm mấy lon gạo về nấu cơm cho em ăn.

Bác hàng xóm tốt bụng xúc cho tôi một bịch gạo không biết là bao nhiêu lon, kêu tôi mang về nhanh nấu cơm cho em ăn. Má về khi bóng chiều đã đổ, cơm nước thơm tất. Tôi kể chuyện mượn gạo cho má nghe,

má cười bảo hàng xóm mình ai cũng tốt hết, người ta nói “*bà con xa không bằng láng giềng gần*” quả không sai. Tình thương khởi nguồn từ những cử chỉ nho nhỏ như thế. Tình người dệt nên bức tranh rực rỡ sắc màu. Đất quê dung dị, người quê hiền lành. Có nơi nào tuyệt vời hơn chân trời trong mắt tôi, qua bao tháng năm vẫn đẹp như giấc mộng?

Khi đại dịch Covid-19 diễn ra gây ảnh hưởng đến nhiều mặt của đất nước, tôi trở về chân trời của chính mình. Dĩ nhiên tôi vẫn tuân thủ đúng quy định khai báo y tế cho chính quyền địa phương và thực hiện cách li tại nhà để giữ an toàn cho mình và cho người. Được về với chân trời của mình, tôi thấy mình hạnh phúc xiết bao. Ngoài kia có biết bao người tủi thân vì mắc lại phố thị, không kịp về nhà hoặc không muốn về vì đoạn đường từ phố về quê ẩn chứa nhiều hiểm nguy khó tránh. Nơi chân trời đã từng chứng kiến bao mộng ước, đã từng ấp ôm tôi vào lòng sau một chuyến đi dài, tôi thấy mình trưởng thành hơn và cũng yêu chân trời của mình hơn rất nhiều.

Nội tôi tóc bạc một mái đầu, như ngọn đèn trước gió không biết lúc nào vụt tắt. Đại dịch Covid-19 quả thật nguy hiểm, nhưng nếu ta biết nhìn nó bằng cái nhìn tích cực thì quãng thời gian cách li tại nhà là dịp để ta ôn lại những kỉ niệm xa xưa, để được gần gũi quê hương và người quê hiền lành, để được sống trong miền không gian riêng của mình chỉ có yên bình với mộng mơ mà bình an bỏ qua những lo toan tẩn mẩn ngoài ngưỡng cửa.

Có nơi nào đẹp và yên bình như chân trời của chính mình?

Cuộc sống của mỗi người thật quý giá biết bao nếu ta nhận ra giá trị của chân trời và tìm về sau những mệt nhoài và vấp. ■



Nguồn: thutinh.net



Đò về quê ngoại

NGHIÊM QUỐC THANH

Tôi chờ mẹ lên thăm ngoại. Chỉ vồn vện một giờ đồng hồ là tới.

Mẹ nói: “*Dạo này ngoại cứ trông mẹ con mình*”.

Tôi nhớ hồi trước, mỗi lần nói vụ về thăm, ngoại cứ bàn ra vì sợ mẹ nôn nao về ngoại mà ảnh hưởng chuyện coi sóc chồng con, nhà cửa. Lúc đó tôi trấn an ngoại: “*Thì khi nào nhớ ngoại hay có gì chạp, mẹ con mới thu xếp về. Đường xá bây giờ cũng dễ đi mà ngoại!*”.

Mẹ kể lại chuyện về thăm ngoại vào ngày mưa lụt, ông chủ đò loay hoay sửa lại cái máy Cô-le, mấy người khách ngồi dưới mái cà rèm lo “tám” chuyện, cho đến lúc nhìn ra phía trước thì chiếc xà lan đã rất cận kề. Đò chìm. Chiếc cặp quần áo mẹ trôi, mấy trái măng cầu na ngoại thích ăn cũng trôi giữa dòng nước xiết...

Mẹ bám mũi xuống. Trong phút giây đó, mẹ nghĩ đến ngoại và nghĩ đến anh em chúng tôi. May mà lần đó mẹ sợ anh em tôi bỏ học mấy ngày nên không cho đứa nào đi theo, không thì mẹ phải liên tục lặn hụp cứu lấy từng đứa con hãy còn lạ lẫm với sông nước. Mẹ lớn lên bên dòng sông đó, quen thuộc độ nước lớn nước ròng. Mẹ bước lên nhà với bộ dạng run run, áo quần ướt sũng. Mắt ngoại đã mờ, chỉ nhận ra đó là đứa con đầu lòng của mình nên mẹ khỏi phải kể lại cái cảnh thoát chết hãi hùng.

Từ đó, mẹ không đi đò dọc nữa. Mẹ sợ chính mẹ hay các con của mẹ lạnh cứng trong bốn bề là nước.

Những năm tôi còn học tiểu học, cứ chờ tới nghỉ hè để được lên thăm ngoại. Từ nhà tôi, bắt xe ôm đi khoảng bốn mươi lăm phút thì tới chợ Châu Đốc. Mẹ trả tiền xe ôm rồi dắt tay anh em tôi đi về hướng chợ.

Chiều nay ghé chợ Châu Đốc, vẫn mùi trái cây diu diu lẫn mùi khô mắm ướp ướp... Tiếng rao của mấy chị bạn hàng nghe lạnh lạnh. Trái cây ở đây có khi rẻ bèo. Mẹ thường dắt tôi chen chân vào dòng người trong chợ mua vài thứ cho ngoại rồi đi về hướng chợ cá. Bến tàu đò ở đó. Tiếng chào mời cũng chan chát nửa như chèo kéo nửa thách thức rằng “cứ đi đi!”.

Tôi chỉ muốn đi cho mau ra khỏi cái chợ ì xèo người và hàng hóa chất đống từ cửa nhà đổ ra khắp lối. Đi hết chợ cá thì nhìn thấy tàu xuống bu nghệt một bến sông. Ở trên mũi tàu, người ta đặt một cái bảng có ghi hành trình và cả tên chủ tàu. Còn ghe chạy đò dọc thì hầu như người ta nhìn mặt riết quen. Chiếc ghe vừa chừng mười người ngồi, phía trên có cà rèm che mát. Trước khi rời bến, hành khách gấp dịp vội ăn tô bún nước lèo trong veo và nóng hổi.

Không khí chợ búa chỉ thực sự khép lại khi tàu ghe bắt đầu lui bến. Hai bên dần hiện ra bên lở bên bồi. Bên lở bên bồi nghe có vẻ xưa xưa. Nhưng qui luật của tạo hoá đâu nằm ngoài bất biến. Mọi sự sáng tạo đều xuất phát từ cái có thật đó thôi. Cổ cho ra chất cổ, mới mẻ phải làm sao người ta dễ đón nhận, phải không. Tôi vẫn thích gần cho sông chữ “bên lở bên bồi”. Bên lở, người ta bắc cầu giặt áo và tắm rửa. Và vì bên lở nên



Nguồn: zingnews.vn

có những cây còng, cây ô môi già gie ra bằng chùm rễ như bàn tay khổng lồ ôm từng thớ đất cho dân làng tiện bề đi lại. Bên bồi, những đám bắp trở cờ thơm lừng hay những liếp cà liếp đậu cũng man mác một nỗi gì. Tôi thấy bên bồi hiền hoà hơn bên lở, chắc vì nhà ngoại bên bồi, và cũng vì bên nhà ngoại bao vụ mùa cứ liên tiếp nhau. Nhớ lúc còn thơ theo ngoại bơi xuống rang bắp đổi gạo, đào khoai môn rọc tàu làm dưa muối để dành mùa nước lên...

Bên lở cương trực với bao biến động, bên bồi hào sảng với những gì mình sẵn có. Đò dọc cứ như gom hết vào một hành trình. Thỉnh thoảng gió tạt sóng vỗ văng tung tóe lên cao. Đò cứ trôi, ai tới nhà thì ghé lại. Ai ngủ quên rồi cũng phải nhờ chủ đò chở quay về.

Ngồi dưới ghe nhìn lên bến, thấy nhà sàn nào cũng như nhau, cao vợi vợi. Tuổi thơ thấy mình nhỏ bé giữa ngôi nhà. Ngôi nhà sàn cao để tránh lũ, buổi trưa giăng võng nằm nghe vọng cổ giao duyên. Tôi nhớ cái bến vọng ra tiếng ca của vua vọng cổ hài Văn Hường, giọng vàng sầu nữ Út Bạch Lan. Một thời cải lương vang bóng mà ti-vi trắng đen kẹp bình ắc-quy còn rất hiếm. Chặng vọng cuối tuần ngoại dắt tôi đi coi ké nhà hàng xóm. Muốn phóng lên bờ ngay chỗ phát ra tiếng ca, đi theo sau chân một người khách vừa ghé lại bến có sẵn người thân đang đón đợi.

Đời người có một bến đợi ở trong tim. Vừa bước chân lên bến, tôi chạy ào đến sà vào lòng ngoại. Vừa chạy vừa gọi "ngoại ơi, ngoại...".

Vậy đó, "cái phe này lên không lần nào báo trước!". Ngoại hết chưng hửng rồi biểu chúng tôi đi cất đồ, nấu nướng xúm nhau về ăn. Từ hàng ba của ngôi nhà sàn cao rộng, trông ra thấy con bến đầm thắm và thủy chung quá đổi. Hoa màu trải tận mé sông, bên dòng lóng lánh nước. Mùa nước lên, điên điển mọc đầy không tìm ra bến nhà để tàu đò ghé rước.

Ngày chúng tôi trở về phố thị, ngoại thức dậy sớm, xếp mấy bộ đồ con cháu còn bỏ sót cho vào trong cặp rồi nhẹ nhàng giờ mừng nhắc "dậy mà sửa soạn, kẻo trễ đò bây ơi!".

Những đứa trẻ còn đang ngủ mở mắt không lên đòi nướng thêm chút nữa, giả như không có tiếng còi tàu An Phú - Châu Đốc ính oong trong sương lạnh xa xa. Mũi tàu cao, bến nước ròng bước chân lên khó. Lòng tàu rộng hơn đò, vì thế mà hàng hoá được xếp ngang hàng với con người. Từ đời ngoại, đời mẹ, đến đời tôi đã quen đi đò dọc. Đò trễ rồi thì nán lại chờ chuyến tiếp theo. Ngoại đi trước luồn trong đám bắp, tay cầm nón lá vẫy miết vì sợ đò không thấy khách.

Tôi từng ước sau này sẽ chở mẹ đi khắp thế gian mà không cần phải bắt xe ôm, không cần dậy thật sớm để đón bóng con đò dọc chạy trong đêm. Đến khi tôi tốt nghiệp đại học ra trường, mua được chiếc xe của người bà con xài rồi bán lại để thường đưa mẹ lên thăm ngoại mỗi dịp cuối tuần thì đò dọc về quê ngoại đã không còn nữa.

Nhà ngoại dời lên khu dân cư vượt lũ đã mấy năm. Đường về quê ngoại không cần những chuyến đò dọc mang theo hơi thở của miền sông nước thân thương. Thời gian được rút ngắn, tiện lợi đủ bề. Tuyến giao thông liên xã láng nhựa êm êm. Mẹ ám ảnh về một chuyến đò chìm trong mưa lụt.

Tôi nhớ hình ảnh ngoại đứng hoài trên bến ngóng theo con đò chở chúng tôi về lại phố phường cho đến khi trước mắt chỉ còn một dòng sông trắng xóa nằm giữa đôi bờ xanh um cây trái. ■



Nguồn: eva.vn



Hạ mơ

HOÀI MINH

Hạ đã về qua ngõ
Lúng liếng trên cỏ mềm
Ru tình bằng nhịp gió
Thật nhẹ nhàng bình yên...

Nắng chờ đầy màu nhớ
Về vương trên áo ai
Đề lối chiều bờ ngõ
Con đường lá me bay...

Dường như là cánh phượng
Cháy đỏ cả góc trời
Gió triển sông thổi ngược
Vướng vào ai nụ cười...

Hạ đã về lần nữa
Rộn ràng khúc ve ngân
Phượng bung xòe rạng rỡ
Cho tình thêm băng khuâng...

Ta đi tìm

TRẦN THÁI HỌC

Ta đi tìm lại mùa yêu
Thấy ngây thơ chứa bao nhiêu đại khờ
Ta đi tìm lại mùa mơ
Nghe tim gõ nhịp mong chờ lằng lằng
Ta đi tìm lại băng khuâng
Tóc thề buông xõa ngại ngần gió lay
Ta đi tìm lại bờ vai
Dưới trăng chờ đợi mắt nai mơ màng
Ta đi tìm lại tiếng đàn
Nhịp tim trôi khúc đi hoang ngạo đời
Ta đi tìm lại chơi vơi
Chiều nao hứng giọt mưa rơi bên thềm
Ta đi tìm lại tình duyên
Ngày qua đã gửi cho em giữ gìn
Lang thang ta gặp bóng hình
Không như em đuổi cuộc tình ta đi.

Vẽ thơ

LÊ THỊ NGỌC NỮ

Mượn dòng lục bát vẽ thơ
Tô lên bức hoạ như mơ quê mình
Đầu ngày đẹp ánh bình minh
Mặt trời theo ngọn tre xinh vẫy chào
Gió vờn ruộng lúa một màu
Mượt mà sóng gợn ngọt ngào toả hương
Lối mòn đề nhỏ thân thương
Cỏ may ghim nhớ vương vương chân người
Hoa đồng trắng tím nở tươi
Sương long lanh đọng nụ cười dạ thưa
Lao xao khúc hát hàng dừa
Kêu cà tiếng võng êm đưa bênh bồng
Sông mang con nước lớn rồng
Bên bồi bên lở đỏ hồng phù sa
Cầu cây lắt lẻo mẹ qua
Có đôi quang gánh chợ xa bánh quà
Chim bay về tổ chiều tà
Cánh diều no gió bao la giữa trời
Quê hương đẹp quá mình ơi
Trắng vàng toả sáng sao rơi sông đầy.

Nhớ núi...

HUỲNH THỊ KIM CƯƠNG

Một chiều với núi lặng thinh
Có bông hoa dại giật mình tỏa hương
Dốc cao bóng núi khiêm nhường
Mẹ gửi khoai, sắn từ nương mà về...

Tiếng khèn trôi giữa con mê
Vọng về năm tháng câu thẻ rung rung
Con chim cất tiếng giữa rừng
Nắng vàng lấp ló ở lưng kia đồi.

Cha còn phía núi xa xôi
Lưng công đầu dải chưa thôi nhọc nhằn
Rừng xanh suối mát trong ngần
Ta về tìm lại mùa trăng đại khờ

Hương rừng dịu dặt giấc mơ
Gió qua song cửa ngân ngơ mắt buồn
Chiều nay với núi mưa tuôn
Có người ướt cả niềm thương bạc nhàu...

Người quên hoa cải HOA TUYẾT

Bớ cô Vy!

TƯỜNG NHI

Cô với người không thù không oán
Cớ gì cô phát tán lung tung
Gây nên bao cảnh khổ cùng
Nghèo nàn bệnh tật khổ chung mọi nhà
Còn hiểm ác nhân ra giống dữ
Khiến muôn người sinh tử lầm than
Tên cô đẹp tựa hoa ngàn
Mà tâm địa giống sói lang vậ cà
Cô phát quân lan ra thế giới
Làm bao người chơi với khổ sầu
Từ nay đến mãi về sau
Làm sao xóa nỗi buồn đau hoang tàn
Ác tâm phải có lần tận diệt
Nhân quả đời chẳng biết chừa ai
Dù cô thể lực hùng khai
Vắc-xin chế được là ngày bye cô.
Bớ cô Vy, bớ cô Vy!

Đêm tìm đêm

NGUYỄN NHƯ

Đêm nằm nghe trăng khóc
Dưới vòm lá buồn tênh
Kia mùa chiêm gió thét
Ào ào giữa lênh đênh
Đêm dài nghiêng suốt tóc
Mặt hồ quá hư vô
Khuya rút mây dày đặc
Hàng trăm thứ điên rồ
Đêm vào đêm nhằng nhịt
Khó trời vắt ngang vai
Kéo làn da nhăn nhó
Lạnh lạnh kiếp sinh nhai
Đêm vào sông rất vội
Bèo dạt tất khô môi
Chôn vùi dây sống nhỏ
Về đâu miền sinh sôi
Đêm rồi đêm hoán vị
Quen thuộc mấy khi nhìn
Nay tự lời suy nghĩ
Chợt tắt hết niềm tin
Đêm nhồi về đỉnh núi
Nào hay biết đi hoang
Đêm lừa đêm sát nút
Đè lên nỗi mơ màng.

Chiều trôi chậm chậm đôi bờ
Sông sâu nước chảy hững hờ dòng xuôi
Phù sa bên lở bên bồi
Nghiêng soi bóng lữ, một thời còn nhau

Sỏi nằm đáy cát còn đau?
Nổi trôi phận củi bể dâu sông đời
Bao năm phiêu bạt xứ người
Nay tôi về với lở bồi dòng xưa

Cải vàng dầu dãi nắng mưa
Mà người trồng cải vẫn chưa thấy về
Phù sa còn nhớ lời thề
Sông nằm đắm ánh trăng quê đêm rằm

Tay trong tay hẹn trăm năm
Chờ nhau dầu có thặng trầm đôi thay
Cùng gieo hạt cải hẹn ngày
Hoa vàng bờ cát sum vầy trâu cau

Trăng khuya mượn cải cài đầu
Lẻ loi đốt thuốc bên cầu một tôi
Xuân thì người mãi mê chơi
Quên rồi hoa cải ngợp trời chờ mong!





Có cả nụ cười

NGUYỄN TRỌNG HOẠT

Thấy không ít cặp vợ chồng linh xình xoay quanh chuyện tiền bạc, thậm chí phải giải tán nên anh chị thống nhất việc quản lý chi tiêu trong nhà công khai và tôn trọng tự do của nhau. Theo đó, lương của vợ cùng tiền cho thuê năm phòng trọ do vợ quản để trang trải các khoản thường xuyên. chồng thì giữ một phần lương của mình để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, phần nhiều hơn đưa vợ nhập quỹ gia đình nhằm lo công to việc lớn hoặc gửi tiết kiệm.

Rạch ròi là thế nhưng khi thực thi cũng có khoản nằm ngoài “qui ước” đã xác lập. Những lúc ấy, chị thường khéo léo đẩy trách nhiệm về phía anh. Chẳng hạn, nhận thiệp mời đám cưới bạn của cả vợ và chồng, chị để tờ giấy hồng ấy trên bàn phòng khách, sao cho anh dễ thấy nhất. Lựa lúc cùng ăn cơm hay uống nước, chị đánh tiếng giữa trời, tưởng vu vơ nhưng đầy ngụ ý: “Thứ Bảy này có đám cưới rồi”.

Gần tới ngày cưới mà chồng vẫn hững hờ với tiệc vui, vợ liền ủ đồ cho chồng, cứ như ngấm nhắc nhở. Cả các

khoản đóng góp của tổ dân phố, hầu như anh bị cài vào thế chủ chi. Chẳng là, các vị trong ban cán sự khu phố thường đi thu các quỹ hay lạc quyền từ thiện sau bữa cơm tối. Tầm ấy mọi người đều ở nhà, anh thì dán mắt vào ti-vi với chương trình thời sự nơi phòng khách; khách đến, tất nhiên không thể thoát... Được cái, với những khoản lập lờ nước đôi trách nhiệm như thế, anh hoan hỉ nhận lấy; trong khi chị thường lảng đi, giả không biết, không nghe.

Vợ còn "ủ mưu" bòn rút khoản riêng của chồng một cách tinh vi. Chẳng hạn, vừa gọi cho dịch vụ cung cấp gas xong là chị tốt qua hàng xóm *tám* chuyện say sưa. Anh ở nhà đón người ta đem gas tới rồi trả tiền, cũng có nghĩa bao luôn khoản tiền gas cho vợ. Có khi chị vừa dắt xe ra ngõ đã thấy bà thu tiền điện tới nhà bên cạnh, thay vì nán lại để thanh toán thì chị đi luôn.

Vợ về, chồng nhắc: "*Anh vừa trả tiền điện đấy*".

Chị cười cười, đáp không nhiệt tình lắm: "*Để em gửi lại*".

Anh tỏ ra dễ dãi: "*Thôi*".

Lời từ chối gượng gượng, vì sĩ diện hơn là thực tâm, lại phảng phất vẻ bất bình nhưng cho chị thêm một lần thỏa mãn với toan tính cón con.

Cũng có lúc vợ xởi lởi, cứ như xoa dịu chồng để "đào mỏ": "*Anh bao vài khoản cho em lại hóa hay bởi tiền bạc xông xênh càng thêm nhậu, chứ ích gì!*".

Anh hay lai rai nhưng nghe vợ nói vậy liền vắn lại: "*Nhậu thì đã sao?*".

Trí thông minh phát sáng đúng lúc đã cho chị câu trả lời tưởng khiến anh mỉm lòng: "*Là em lo cho sức khỏe của anh*".

Chị không ngờ anh phanh phui chẳng cần uốn lười: "*Em lo cho sức khỏe hay túi tiền!*". Chồng không giấu được vẻ đắc ý với tiếng cười rung cả người, trong khi vợ bối rối, ngượng ngùng.

Dù đã cho nhau tự do với khoản riêng đã định nhưng vợ vẫn có thói quen nhòm ngó túi chồng. Ngày Tết, về nhà nội, thấy anh mừng tuổi người già, lì xì bọn trẻ toàn tờ trăm, chị có vẻ không vui. Liền đó, vợ ghé tai chồng có lời can gián, khiến anh phát bực. Đã có lúc không nén được, anh xẵng giọng: "*Em ích kỷ lắm!*".

Vợ vùng vằng, phồng mặt, thế là mất vui. Ngay việc chi tiêu của mình mà mỗi khi liệt kê lại những khoản chi tiền triệu trong tháng là chị cứ nhăn nhau như đau răng, vẻ xót tiền lắm.

Cả việc áp giá mấy phòng cho thuê trọ, vợ chồng cũng bất hòa. Chị thì muốn vài năm lại tăng tiền; anh thì ngược lại, với nỗi lo: "*Người ta nghèo mới thuê nhà, cứ nâng giá, họ lấy gì mà trả!*".

Chị vẫn bảo thủ ý định bằng cách dẫn ra những lợi thế của nhà mình rồi so sánh với điều kiện, giá cả nhà người ta. Nói qua nói lại một hồi, anh lắc đầu, chém gió, tự biến thành người ngoài cuộc: "*Thôi kệ em!*".

Chị đốp lại: "*Vợ nói phải cũng cãi, trong khi bên người ngoài chăm chặt!*".

Nói thế nhưng giọng bần gắt lẫn hờn dỗi của chồng đã nhiều lần khiến ý định tăng giá nhà trọ của vợ lung lay, bất thành.

Anh nhận quyết định nghỉ hưu đúng lúc đại dịch lan tràn, uy hiếp người người nhà nhà. Anh cũng không đứng ngoài khó khăn chung của nhiều người về khoản "đầu tiên" - tiền đầu. Lương hưu teo đi nhiều so với lúc đương chức đã đành, lại còn vì giãn cách xã hội nên chậm gần cả tháng, kẹt tiền là phải. Trước đó, nhận được cục tiền kha khá khi về nghỉ thì anh đã "vung tay quá trán". Đầu tiên là anh về quê, sắm mấy mâm cơm, trước là kính cáo tổ tiên, sau mời bà con gia tộc láng giềng để có lời trình trọng rằng "thằng bé" mới ngày nào mếu máo lên đường nhập ngũ, nay đã hạ ba-lô, giã từ vũ khí. Cũng với lí do tương tự, anh mời bà con lối phố rồi bạn đồng môn, đồng tuế. Việc này thì chị không ngăn, bởi nghĩ cả đời mới có một lần; thậm chí, vợ còn tư vấn cho chồng về thời gian, thành phần, cơ cấu cỗ bàn.

Dịch bệnh thì không ra khỏi nhà khi không thật cần thiết nhưng anh vẫn về quê chăm cha mẹ già, từ việc ăn uống đến thuốc thang rồi mua nhu yếu phẩm cho hai cụ. Và nữa, nghĩa tử là nghĩa tận nên anh không thể vắng trong các đám hiếu người thân; dù chỉ đến thấp hươu, vái lạy và lí nhí chia buồn sau cái khẩu trang rồi quay lưng. Anh cũng rất áy náy khi chỉ hỏi thăm người thân đang cấp cứu qua điện thoại; thế nên anh chuẩn bị quà rồi tới cổng bệnh viện gọi người nhà ra... Cứ thế, túi tiền vẫn có nhiều đầu ra, trong khi đầu vào đang tắc.

Chồng kẹt tiền là vợ biết liền, cứ nhìn cách chi tiêu "hạ cấp" của anh là rõ. Tuy nhiên, anh chẳng kêu ca phàn nàn, càng không nhờ vợ "cứu trợ". Nhớ những lúc lai rai với bạn, anh thường chém gió, cao giọng: "*Đàn ông giữa tay xin tiền vợ là nhục như con trùng trực!!!*".

Hình như anh vẫn kiên trì với "tuyên ngôn" ấy, cả khi tạm thời túng thiếu. Vậy nên, dù vợ sẵn lòng chờ chồng thế thọt về khoản "đầu tiên" thì đáp lại vẫn là vẻ cao ngạo, phớt lờ.

So với chồng, vợ chống dịch quyết liệt hơn nhiều, đúng là "*chống dịch như chống giặc*". Chị đang nghĩ phép thì có lệnh giãn cách xã hội nên được chỉ huy cho nghỉ tiếp bởi đơn vị thực hiện "nội bất xuất ngoại bất nhập". Chị thường hóng hớt trên mạng rồi quán triệt với cả nhà, đại loại:

"Yêu nước thì phải ở nhà"

Lang thang tụ tập, ấy là chẳng yêu!"

"Yêu Tổ quốc yêu đồng bào"

Ở nơi nào yên ở đó!"

Chị bảo con khóa cổng luôn, mà phải khóa ngoài để nếu ai tới thì quay lui bởi biết nhà này tạm thời không hoan nghênh quý khách. Khi bắt buộc dĩ phải ra ngoài,

chị trùm kín mặt mũi như phụ nữ có đạo ở Tây Á; không có áo quần bảo hộ chống dịch thì chị mang áo mưa tiện lợi, đi đứng lặt đặt, mồm hơi nhể nhại giữa cái nắng cháy mỡ. Biết có những ánh mắt căng tròn đang nhìn mình như nhìn dị nhân nhưng chị mặc kệ. Chị lúng kúng khắp các hiệu thuốc để mua cả mớ khẩu trang, bao tay rồi dầu rửa tay kháng khuẩn; lương thực thực phẩm dự trữ thì khỏi nói, cái tủ lạnh như muốn vỡ ra.

Thấy dáng tất bật cùng vẻ hốt hoảng thường trực của vợ, ngỡ như con vi-rút chờ thần chết đang đuổi sau lưng, chồng trêu: *"Nếu có giải thưởng về tinh thần chống dịch, em ăn giải nhất là cái chắc!"*.

Chị nghiêm giọng: *"Không đùa được đâu; và lại, bảo vệ mình cũng là bảo vệ người khác đó thôi!"*.

Ở nhà rảnh rỗi, chị hay vào mạng theo dõi tình hình dịch bệnh rồi chia sẻ với chồng con. Đặc biệt, những câu chuyện vui buồn, khiến người nghe thốt lên những lời cảm thán được chị cập nhật thường xuyên và

nhớ từng chi tiết. Có bữa, anh đang thiu thiu ngủ, chị lay dậy: *"Ngó nè, ngó nè!"*.

Thấy anh dụi mắt, ngơ ngác, chị liền đeo kính cho rồi đưa điện thoại lại gần. Trên màn hình hiện lên clip về những suất cơm miễn phí dành cho người nghèo được xếp từng chồng trong tủ kính; tiếp đó là hình ảnh những thùng mì tôm, bao gạo được trao tận tay người tàn tật; rồi hình ảnh người xếp hàng dài trước "ATM gạo" chờ nhận gạo miễn phí cho người khó khăn... Loạt hình ảnh ân tình ấy đã qua nhưng chị vẫn lặng người; lâu sau mới cất giọng vui vui lẫn buồn: *"Qua đại dịch, lòng người như gần nhau hơn, anh nhỉ!?"*. Anh gật đầu, nhìn vợ triu mến.

Tinh thần chống dịch triệt để của chị bị phá vỡ khi ông bác là anh em thúc bá của bố chồng ở cùng thành phố đột ngột qua đời. Con trai bác là quân nhân, đang quản lý khu cách ly tập trung nên không về được; con gái là bác sĩ trong bệnh viện - nơi tuyến đầu chống dịch, lại ở xa nên càng không thể có mặt; bác gái thì già yếu. Thế là hiểu sự của bác do cháu cáng đáng... Lúc nhận tin dữ, chị thấy chồng sững sờ giây lát nhưng ngay sau đó, anh biết mình phải làm gì.

Khi chồng từ trên lầu đi xuống thì thấy vợ đã quần áo chỉnh tề ngồi nơi phòng khách, có ý chờ. Anh chớp mắt: *"Em cũng đi?"*.

Chị nhìn chồng, giọng dứt khoát: *"Việc này không thể không đi!"*.

Thấy chồng chưa hết ngạc nhiên, chị nói thêm: *"Lo cho bác xong, mình có thể tự cách ly tại nhà cũng được mà"*. Nói rồi, chị nhanh nhẩu chạy ra mở khóa cổng.

Bỗng chồng khựng lại, rụt rè: *"Mình đi tay không thể này..."*.

Vợ hiểu ý, đưa tay vỗ nhẹ cái túi đeo bên người: *"Em cầm hai chục triệu đây, cứ ứng lo cho bác, có gì tính sau"*.

Anh đứng sững nhìn vợ, xao lòng.

Vừa nói lỏng giãn cách xã hội thì tổ dân phố quyền góp ủng hộ người nghèo trong đại dịch. Như thường khi, những người tổ chức lạc quyền đến đúng lúc anh đang xem ti-vi nhưng khác là anh chẳng còn sốt sắng như mọi bữa; thay vào đó là sự luống cuống đến tội nghiệp. Anh không thể nói thẳng là mình chẳng còn nổi năm trăm ngàn nên đành trì hoãn: *"Các anh qua mấy nhà khác đi, quay lại đây sau!"*.

Khách thoáng ngạc nhiên trước lời đề nghị nhưng cũng vui vẻ chiều theo. Họ định quay lưng thì chị xuất hiện ở đầu cầu thang trên lầu nói với xuống: *"Chờ xíu các anh ơi!"*. Tay cầm sẵn tiền, chị lật đặt chạy xuống, tươi cười, nhỏ nhẹ: *"Tôi xin góp chút ít"*.

Anh vui, không chỉ vì cái "chút ít" của vợ lớn bất thường mà còn vì nụ cười bao dung trên đôi môi quen thuộc. ■





Thúng mủng Bao La

TRẦN NGUYỄN KHÁNH PHONG

Bao La là một trong mười một làng và một vạn đồ thuộc xã Quảng Phú, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế gồm làng Phú Lễ, Hạ Lang, Hà Cánh, Đức Nhuận, Xuân Tuyền, Nghĩa Lộ, Nho Lâm, Nam Phú, Bắc Vọng Đông, Bắc Vọng Tây, Bao La và vạn đồ Hạ Lang.

Làng Bao La nằm trên trục đường Tỉnh lộ 8C, từ thành phố Huế đi ra hướng Bắc, đến phường Tứ Hạ rẽ về đường Hoàng Trung đến cầu Tứ Phú hướng về thị trấn Sịa, thì làng Bao La nằm trên trục đường đó với những cánh đồng lúa, cánh đồng mía ngút ngàn. Làng được tổ chức theo từng xóm gồm có xóm Chùa, xóm Đình, xóm Hóp, xóm Đông, xóm Cầu và xóm Chợ. Sáu xóm liền nhau tạo thành một hình vòng cung ôm lấy toàn bộ cánh đồng làng Bao La rộng lớn.

Tứ cận của làng gồm phía Đông giáp Bắc Vọng Đông, phía Tây giáp Hà Cánh, phía Nam giáp Hạ Lang, phía Bắc giáp Đức Nhuận, Đồng Bào.

Sau chiến dịch bình định Xà Bàn năm 1471 của Đại Việt do vua Lê Thánh Tông đích thân chỉ huy rải rác từ năm 1471 đến năm 1473 thì trên địa bàn huyện Quảng Điền có khoảng 31 làng mới được thành lập, trong đó có làng Bao La. Làng nằm trên trục bờ Bắc sông Bồ cùng với các làng khác như Bái Đáp (Phú Lễ), Hà Cánh,

Hạ Lang, Bắc Vọng, Niêm Phò, Lương Cổ, Phò Nam, Nam Phú, La Vân. Tiếp theo đó, đến thế kỉ XVII, việc chia tách các làng đã hình thành các đơn vị mới như Bắc Vọng Đông, Bắc Vọng Tây, Đức Trọng Thượng, Đức Trọng Hạ, Cao Xá Hạ, Thủy Điền Thượng, Thủy Điền Hạ, Đông Nam Thượng, Cương Gián Đông, Cương Gián Tây, Thủy Lập.

Những người đầu tiên khai phá đất lập làng là các ngài Nguyễn Bá Linh (ngài Nguyễn Quý công), Thái Chủ Thiện (ngài Thái Quý công) và ngài Nguyễn Mặc Nghị đều gốc Nghệ An cùng các họ có công lập làng gồm: Nguyễn Văn, Thái Viết, Thái Văn, Võ, Phạm, Ngô, Dương, Hồ, Hà, Hoàng, Trần, Lê.

Có hai làng Bao La là Bao La trong và Bao La ngoài. Bao La ngoài hay còn gọi là Bao La phường, chính là làng Thủy Lập, xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền ngày nay. Làng Bao La ngoài là do người dân làng Bao La trong gồng gánh theo ra vùng phá Tam Giang sống với nghề chài lưới, làm nông. Bà con sống trên vùng đất mới tuy vẫn cày cấy trồng trọt ở vùng cát nội đồng nhưng vẫn bảo lưu nghề đan sàng, giần, rổ, rá, thúng, mủng như ở làng Bao La trong.

Việc hình thành làng Bao La ngoài (Thủy Lập) và tên gọi của làng cũng có những nét đặc biệt "Từ làng gốc



Bao La ở vùng trung châu sông Bồ, cộng đồng cư dân các dòng họ cũng thực hiện công cuộc đông tiến, để hình thành nên một cộng đồng mới - “làng ngọn” là Bao La thủy lập phường - bộ phận mới (phường) ở vùng sông nước (Thủy Lập), gốc Bao La nhưng về sau, với ý thức “biệt”, riêng biệt, chỉ giữ lại yếu tố Thủy Lập, chuyển từ tính từ thành danh từ”.

Sự tích của làng Bao La xưa nay xoay quanh hai câu chuyện là Thiên Cầu và bà Đá.

Miếu Thiên Cầu

Ngay đường rẽ vào đầu làng có miếu thờ chó đá, các nhân chứng trong làng truyền lại, rằng năm nọ làng bị hạn hán, đào giếng mãi nhưng vẫn không thấy nguồn nước. Đến khi gần bỏ cuộc thì dân làng phát hiện một vật lạ, khi mọi người khiêng vật lạ đó lên thì đó là tượng chó đá to gần bằng con chó thật, dáng ngồi khoan thai, hai chân trước thẳng đứng, hai chân sau ở

tư thế ngồi và có thể sẵn sàng đứng dậy tấn công bất cứ lúc nào. Ở cổ của con chó đá có đeo thẻ bài giống như tín vật của một vị thần được nhà trời phái xuống trần gian để thực hiện sứ mệnh cao quý.

Sau khi chó đá được đưa lên thì mạch nước ngầm phun cao. Họ nghĩ rằng đây là điềm tốt lành liền mang chó đá về lập miếu phụng thờ cách giếng nước đó không xa và đặt tên miếu là Thiên Cầu, và gọi tôn kính là ngài chó đá. Mỗi khi trong làng có nguy kịch, dịch bệnh, ốm đau, đến cầu xin ngài thì mọi thứ đều yên ổn.

Trước đây do chiến tranh cũng như chống tệ nạn mê tín dị đoan, thân phận chó đá cũng đã bị di dời. Sau này để tưởng nhớ công ơn của ngài đã phù hộ cho dân làng nên người dân đã dựng lại tượng chó đá, xây đền khang trang, chăm sóc chu đáo. Vào các ngày rằm, mồng một hằng tháng, thì thần Cầu được người dân trong xóm, trong làng đến hương khói, lễ vật đầy đủ.

Miếu Bà Đá

Tại xóm Chùa, trong lúc đào giếng, người dân tìm thấy một tượng đá có hình dáng rất kì dị. Tượng đá này có dáng dấp của một người phụ nữ không đầu, ở tư thế ngồi và không thấy rõ tay chân. Phía trước bên trái thân tượng có nổi lên hình sống ngực phụ nữ nên được người dân gọi là tượng Bà Đá. Người dân lập miếu thờ gọi là miếu Bà Đá.

Năm 1980, miếu Thiên Cầu bị hư hỏng, sau được con dân trong làng bỏ tiền ra trùng tu lại như ngày hôm nay.

Ở miếu Bà Đá, dân làng trang trí tượng đá mặc bộ áo màu vàng, ngồi trên bệ thờ. Mỗi năm làng thay áo cho ngài vào ngày 30 Tết. Các dịp xuân thu nhị kỳ cúng tế của làng thì hai ngôi miếu này được hương khói, lễ cúng dâng hoàng với các lễ vật cau, trầu, rượu, xôi, chè, thịt gà luộc, đầu heo.

Cứ lệ ba năm một lần, dân làng lại bầu người làm thủ am để chăm nom miếu của các ngài.

Trong thế kỷ XV, làng Bao La đã nổi tiếng về nghề đan mây tre. Dương Văn An đã khảo tả nghề của làng này trong mục sản vật *"Bao La, Thủy Lập có nghề đan lát như đan sọt thưa, sọt dày..."*².

Ngày nay, sự phát triển nghề đan mây tre ở làng Bao La và Thủy Lập vẫn còn duy trì, riêng làng Bao La đã có sự phân công chuyên biệt về nghề đan như sau: Xóm Chùa chuyên đan rá, xóm Đình chuyên đan mừng, trệt, xóm Hóp đan rổ, xóm Đông và xóm Cầu chuyên đan nia, xóm Chợ đan sàng, giần.

Nguồn mua nguyên liệu mây, tre, lồ ô chủ yếu là ở Phò Trạch, Cổ Bi, Thanh Tân, Ổ Ổ, vận chuyển theo đường sông Bồ rồi xuôi trôi về làng. Quy trình đan mây tre Bao La cũng như những vùng miền khác, tất nhiên phải trải qua nhiều công đoạn như lựa lấy đoạn gốc, vót nan, chẻ nhỏ, phơi, sấy, hơ cho cháy xơ tre.

Nghề đan mây tre Bao La có từ thuở lập làng; cả làng đều đan sau khi xong mùa vụ, vì đây là nghề tăng thêm thu nhập. Các sản phẩm gồm: thúng mừng, nang, trệt, thuộc loại đan theo kiểu lòng thúng (bắt hai múi đề ba múi, kể đến bắt bốn múi đề ba múi); rổ rá đan theo kiểu lòng mốt; giần, sàng, lồng bàn đan theo kiểu lòng hai. Đan lòng xong, người ta để bốn góc khoảng từ năm đến mười phân tây, để dất dày theo công thức bắt ba múi đề ba múi. Sau đó là khâu lặn; lặn là động tác dùng hai vành để kẹp phen theo độ sâu đã định. Các loại nia, nong, giần, sàng, trệt thì lặn cạn, các loại rổ, rá, thúng, mừng, lồng bàn thì lặn sâu. Nút là động tác buộc cố định vành vào phen theo kĩ thuật. Người thợ nút lợt khi làm trệt, nút khốc thì làm nia, nong, thúng, mừng, giần, sàng và nút đôi khi làm những sản phẩm cần chắc bền do yêu cầu của người dùng. Nong có đường kính từ một đến hai thước tây, dùng để phơi lúa, đậu. Thúng, mừng có đường kính từ năm tấc (0,5m) đến tám tấc tây (0,8m). Rổ rá thì theo bộ, rổ có bộ ba, rá có bộ tám.

Trước đây hoạt động đan lát tuy nằm trong phạm vi hộ gia đình nhưng vẫn có sự chi phối của làng, có những quy định bằng truyền miệng, có sự phân định theo ranh giới xóm: Xóm Nguyên Tự (xóm Chùa) chuyên rá, mừng, xóm Vĩnh Thạnh (xóm Đình) chuyên lồng bàn, rổ lồng hai, met, ray, xóm Đại Phú Tiễn (xóm Hóp) chuyên rổ lồng mốt, rổ lồng phân, quạt gấp, kiếng (rế) lót nổi, xóm Đại Phú Hậu (xóm Đông) chuyên nong, nia, thúng, xể, xóm Lý Nhơn (xóm Chợ) chuyên giần, sàng các loại.

Tháng 5 năm 2007, Hợp tác xã (HTX) mây tre đan Bao La được thành lập tại làng, có 126 hộ với 100 lao động vừa sản xuất hàng gia dụng, vừa sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ phục vụ cho khách du lịch cũng như xuất khẩu. HTX cũng đã ra nội quy với 10 điều với mục đích động viên nhân dân trong vùng đoàn kết, cống hiến công sức, tay nghề của mình cho sự nghiệp bảo tồn và phát triển nghề truyền thống của làng. HTX hình thành do Hội Thân hữu Huế và Dự án Thrive hỗ trợ tại cộng đồng.

Sản phẩm mới của làng nghề Bao La gồm đèn lục bình, đèn lục giác, đèn ống tre, đèn bát, đèn trái lựu, ghe đua, ghe buồm, chơm cá. Trong làng có 2 nghệ nhân được phong tặng là Võ Chức và Thái Phi Hùng đã góp phần bảo tồn vốn nghề truyền thống của làng cho đến hôm nay.

Sản phẩm Bao La vào chợ Đông Ba rồi lan tỏa đi khắp cả nước, tỏa về các chợ quê như Cầu Ngói Thanh Toàn, chợ Sịa, chợ Truối, chợ Phù, chợ Phò Trạch, chợ Nan, chợ Kệ, chợ An Lỗ.

Ngoài ra còn có các cửa hàng giới thiệu và quảng bá sản phẩm của làng như Cửa hàng Mây Tre Đan Bao La tại 56 Lê Lợi, thành phố Huế, Cửa hàng thủ công truyền thống Hồn Tre Việt tại 57 Nguyễn Công Trứ, thành phố Huế.

Vinh dự cho HTX là ngày 11.7.2018, tại thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, Cục Công Thương địa phương - Bộ Công Thương đã vinh danh và trao chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp khu vực miền Trung - Tây Nguyên cho 73 sản phẩm của các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trong khu vực. Trong đó, tỉnh Thừa Thiên Huế gửi tham gia bình chọn 19 sản phẩm và kết quả có 9 sản phẩm đạt bình chọn cấp khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2018, trong đó có 1 sản phẩm của làng Bao La là nhóm rổ, rá, lồng bàn của HTX Mây Tre Đan Bao La. ■

Chú thích:

1. Trần Đình Hằng: *"Phá Tam Giang ngày rày đã cạn"*: Người Việt tiếp cận miền sông nước Tam Giang và sự hình thành vùng đất Quảng Điền. Trong sách: Ủy ban Nhân dân huyện Quảng Điền: *Lịch sử và văn hóa vùng đất Quảng Điền*. Nxb Thuận Hóa, Huế, 2012, trang 36.

2. Dương Văn An: *Ô châu cận lục*. Văn Thanh, Phan Đăng dịch và chú giải. Nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 2009, trang 142.

* Ảnh của tác giả

Du Nam ở Nam Du

TRẦN VỌNG ĐỨC

Những năm gần đây, quần đảo Nam Du thuộc tỉnh Kiên Giang đã trở thành điểm du lịch biển đảo có sức cuốn hút mạnh mẽ, nhất là với lớp trẻ. Việc di chuyển bằng tàu trên biển và cảnh quan hoang sơ, hạ tầng du lịch chưa phát triển, dường như thích hợp với giới trẻ hơn là người lớn tuổi. Tôi không còn trẻ nhưng quen máu ngao du, nên lại một phen “nhắm mắt đưa chân” tới Nam Du.

Lênh đênh trên biển

Bến tàu Rạch Giá ngày cuối tuần đông nghịt khách, chủ yếu đi quần đảo Nam Du và Phú Quốc. Thông thường, đi về giữa Rạch Giá và Nam Du có ba hãng tàu với mười chuyến khứ hồi mỗi ngày. Tôi chọn chiếc Phú Quốc Express bởi là tàu hai thân tiêu chuẩn năm sao, dài 33 mét, rộng 9,5 mét, sức chứa 286 hành khách, tốc độ tối đa 28 hải lý/giờ, thời gian di chuyển khoảng hai giờ, nhanh hơn nửa giờ so với hai loại tàu kia. Giá vé cho một lượt là 250 ngàn đồng.

Với tôi, trong mọi chuyến đi, đích đến chỉ là một phần của háo hức khám phá, phần quan trọng khác nữa chính là hành trình. Những dặm trường với đủ đầy cung bậc trải nghiệm về cảnh sắc và phong tục tập quán của cư dân bản địa luôn có sức hấp dẫn lạ kỳ. Tàu vừa khởi hành là tôi rời chỗ, lên boong sau ngắm biển trời. Nhiều bạn trẻ cũng đã có mặt ở đây, hối hả chụp ảnh cho nhau. Theo thống kê chưa đầy đủ, với bờ biển dài khoảng 3.260km, Việt Nam có hơn 2.773 đảo ven bờ. Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo xa bờ với 41 đảo, 331 rạn san hô và 16 bãi ngầm. Biển đảo từ bao đời là một phần không thể chia rời, hun đúc nên sức sống, cốt cách cho đất nước và con người Việt Nam.

Con tàu như thổi sơn mộng mơ, lướt nhanh trên biển, đủ êm để níu giữ tình tảo cho du khách. Tôi đã có vài bài học đáng nhớ, nhưng không đáng tự hào, khi đi trên biển. Lần ra đảo Cồn Cỏ, lượng sức mình thần kinh thăng bằng kém, trước giờ khởi hành, để chắc ăn, tôi uống luôn hai liều thuốc chống say sóng. Nào ngờ cảng Cửa Việt hôm đó nước xuống quá thấp, cửa sông Thạch Hãn bị cát bồi nên tàu không xuất bến được. Đành phải hủy chuyến đi. Vậy là suốt ngày hôm đó, tôi bị “say sóng” trên cạn. Đầu óc lơ mơ, chân bước loạng quạng, buồn ngủ nhưng không thể ngủ được. Lần khác, đi làm phim về đảo yến ở biển Nha Trang. Tàu chạy được chừng nửa giờ là cơn say sóng nổi lên, xuống dưới đáy tàu nằm im, giả vờ ngủ nhưng không yên. Đầu óc quay cuồng, ói lên

ói xuống đứng nghĩa đen. Tàu vào gần đến Hòn Nội thì neo lại, chuyển sang ghe nhỏ, độ nhồi lắc tăng thêm và tất nhiên thêm một đợt cật “tiếng hò sông Hậu”. Ghe chạy chừng ba trăm mét thì phải chuyển sang thuyền thúng, nhồi lắc cộng thêm xoay vòng, tha hồ hò mê mệt. Khổ nỗi là anh chàng quay phim, người quyết định để có những khung hình đẹp, lại hò khỏe hơn tôi. Lên được bờ mà tưởng cập bến thiên đường, nằm vật ra như xác chết. Chủ đảo mời khách ăn tôm hùm và yến chung đường phèn nhưng không còn chút hứng thú chề chén, vì mệt và biết kiểu nào rồi cũng sẽ ói ra, rất tiếc... Thêm một lần kém tự hào nhất, hay là xấu hổ nhất, ấy là dịp được ngành dầu khí mời đi làm phim về cứu hộ dầu tràn và phòng chống cháy nổ ở giàn khoan trên biển. Cảnh diễn tập để quay phim được tổ chức rất hoành tráng, gồm ba tàu dịch vụ dầu khí cỡ lớn chuyên dùng để phun nước chữa cháy và thả phao quây dầu tràn giả định. Xuất phát từ Vũng Tàu, mới đi được chừng một giờ thì tôi rời boong, loạng quạng xuống khoang phía dưới, nằm ôm chiếc xô nhựa, cứ vậy mà hò. Chừng vài phút sau, đến lượt anh quay phim lao xuống như tên bắn, giành chiếc xô của tôi. Phản xạ duy nhất của cả hai bên còn yếu ớt diễn ra, đó là chuyển xô nhựa qua vế, rất nhịp nhàng. Cuộc diễn tập kể như thất bại. Hai chúng tôi như con sâu, không biết chui rúc vào đâu cho khuất mắt.

Đã được ngắm biển ở nhiều nơi, cả trong và ngoài nước, với tôi, biển đảo Việt Nam đẹp bậc nhất hành tinh. Quần đảo Nam Du gồm 21 đảo lớn nhỏ, trong đó 11 đảo có dân sinh sống. Có đảo như Hòn Nôm Giữa chỉ có duy nhất một hộ gia đình. Quần đảo nằm yên ả trong vịnh Thái Lan. Vịnh có diện tích 320 ngàn kilômét vuông, nhỏ hơn không nhiều so với diện tích Việt Nam, ít giông bão và lặng sóng. Bầu trời xanh trong tận hiến, những áng mây trắng xếp dệu hiền, biển xanh thẳm bao dung, những vệt sóng trắng muốt cuộn trào phía sau con tàu đỏ rực nồng nàn, gió mát rượi phóng khoáng, tất cả đã tác thành nên không gian thần tiên, xua dạt muộn phiền, khơi dậy hồn nhiên, thanh thản vốn ngày càng hiếm muộn.

Hoang sơ Nam Du

Hơn trăm cây số trời nhanh. Con tàu cập vào đảo chính Nam Du, có tên là Hòn Lớn, hay Củ Tron, tôi gọi chung là Nam Du cho dễ nhớ. Hình dáng đảo khó nhận dạng, nghĩ mãi thì tựa tựa như bà già chít khăn mỏ quạ. Bến tàu nằm ở phía Bắc đảo, nhộn nhịp người và xe. Đang còn lơ ngơ thì một phụ nữ có gương mặt



hiển từ tiến lại mời chào. Chị là chủ một nhà trọ và cho thuê xe máy. Xe máy do đã biết giá qua mạng nên gút rất nhanh, 150 ngàn đồng cho một ngày 24 giờ. Chìa khóa trao luôn, không cần giấy tờ lằng nhằng và cũng không cần biết tên khách thuê xe. Còn phòng trọ thì tôi phải theo chị để “mục sở thị”.

Cho thuê phòng trọ có lẽ là hoạt động mang hơi hám du lịch rầm rộ nhất ở hòn đảo nhỏ bé này. Có tới hơn bốn chục điểm lưu trú, đại bộ phận là nhà nghỉ, do người dân “tay ngang” đầu tư. Sau khi ngó nghiêng nhà chị chủ xe gắn máy, tôi chưa quyết định thuê ngay mà đánh một vòng quanh đảo. Hầu hết các nhà nghỉ đều na ná nhau, đơn giản như nhà trọ dành cho người lao động nghèo ở vùng ven Sài Gòn. Có một khu du lịch, với tên gọi gọi lên hình ảnh về đất nước Nhật Bản, kiểu như Ajimoto, được quảng bá trên mạng với phòng trọ kiểu tổ ong và những căn nhà mái lá thơ mộng bên biển. Tuy nhiên, vào thăm tận nơi thì thất vọng toàn tập. Vách, sàn, giường bằng gỗ đều đã mục xệ. Giở chiếc gối lên thấy cáu bẩn và có thêm mấy chú bọ cánh cứng ngo ngoáy trên mặt gỗ. Kiểu này, xin lỗi, miễn phí cũng không dám trao thân. Sau một hồi lòng vòng tìm kiếm, cuối cùng, tôi quay trở về thuê phòng của chị chủ xe máy. Chị chủ nhà vẫn vui vẻ nhiệt tình, không chút buồn giận. Thêm một bất tiện nữa là đảo không có điện lưới, phải sử dụng điện từ máy phát chạy bằng dầu diesel, chung cho cả xóm. Chỉ một số giờ trong ngày có điện và cũng chập chờn, có đó mất đó.

Ở Nam Du không sợ lạc lối bởi chỉ có một con đường bê-tông chạy vòng quanh đảo và thêm một nhánh rẽ lên ngọn hải đăng. Cư dân và hầu hết các hoạt động trên đảo đều ở bên bờ Đông, hướng về phía đất liền để tránh giông bão. Đối với du khách, thế mạnh nổi trội nhất của

đảo là vẻ đẹp kiêu diễm của các bãi biển, mà nổi tiếng nhất là Bãi Ngự, Bãi Cây Mến và Bãi Sỏi. Bãi Ngự, nơi có Giếng Vua, được cho là liên quan tới chuyện vua Gia Long đã từng dừng chân ở đây trong chuyến bôn tẩu qua Xiêm. Bãi Ngự và Bãi Cây Mến là những bãi tắm, cát trắng ngần, thu mình trong vịnh nhỏ, bạt ngàn dừa phủ bóng, rất thơ mộng. Riêng Bãi Sỏi thì đúng như tên gọi, toàn sỏi to từ cỡ ngón tay cho đến nắm tay. Cây cối rậm um áp sát mép nước. Ai đó rất giỏi về tạo hình, đã cho dựng ở dưới nước một khung gỗ với chiếc ghế đu, tha hồ dong đưa tạo dáng, thả hồn bay bổng. Tôi thích Bãi Sỏi bởi sự cô quạnh, ít bóng người. Đây là bãi biển hợp cho việc lội nước, thường ngoạn hơn là bơi tắm. Chỉ việc xắn quần qua đầu gối, là lội nước với chân trần, mát rượi, ngỡ trở về với tuổi thơ. Nước biển ở đây trong vắt, nhìn rõ được đáy sỏi nhiều sắc màu lung linh. Những đàn cá nhỏ cũng lượn lờ tinh quái, ngay trong tầm mắt, tầm tay nhưng không thể chụp được. Đối với dân thị thành, nơi hàng ngày phải đối mặt với ô nhiễm các kiểu, thì cứ trong vắt, trong lành là mê. Không cần xông pha sục sạo xa xôi, chỉ đứng yên một chỗ, ngắm làn nước trong veo chập chờn ngay dưới chân mình, cũng đã đủ lâng lâng, vui sướng ngất ngây.

Đến miền biển mà không thưởng thức hải sản thì chắc chỉ có mấy vị mắc bệnh dị ứng. Hải sản ở Nam Du thường là còn đang bơi trong bốn chấu. Chợ Nam Du họp ngay ven đường gần cầu cảng, với đủ loại cá, tôm, mực, cua, ghẹ, hàu, ốc. Dân số Nam Du hơn 5.500 người, sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt hải sản. Tôi cũng không hiểu những ai là khách hàng của chợ cá này. Dọc đường ra chợ, tôi bắt gặp một vựa cầu gai, còn gọi là con nhum. Gần một chục người ngồi quanh đồng cầu gai cao ngất. Con cầu gai đen bóng, hình thù kỳ dị, gai tua



tủa dày đặc, bén nhọn và dễ gãy. Tôi không biết miệng, đít nó ở đâu, di chuyển cách nào và ăn gì để sống. Chỉ biết món cầu gai rất ngon. Sơ chế cầu gai không dễ dàng, phải có găng tay dày và kéo sắc để cắt trụ bộ gai, sau đó xẻ đôi ra, để lộ lớp thịt vàng óng.

Bờ kè gần cầu cảng Nam Du, có thể coi là “thiên đường hải sản”. Hơn chục quán hải sản tươi sống nối vách nhau. Có quán đặt nguyên cả mô hình con tàu to chình ình trước cửa, ghi cả số hiệu con tàu nhà. Hàng trăm bộ bàn ghế đặt san sát nhau trên bờ kè. Tôi chọn chỗ ngồi ngay sát biển để thả hồn vào cảnh sắc và món ăn. Biển hoàng hôn mát rượi. Tàu đánh cá đậu ken kín bến. Không gian chiều của làng chài thật thanh bình, yên ả. Chỉ trong chốc lát, các món đã được dọn ra: hàu nướng phô-mai, cầu gai mỡ hành, ghẹ hấp, tôm tít cháy tỏi và bia. Mùi thơm dậy sóng.

Bình minh và hoàng hôn luôn quyến rũ và mang lại nhiều xúc cảm. Ở đảo nên bình minh và hoàng hôn đều trên biển, lơ quơ có khi nhầm lẫn giữa hai thời khắc. Tôi rời phòng lúc năm rưỡi sáng, phi xe lên một cung đường vắt qua sườn núi. Từ đây, tầm nhìn ra biển rộng mở. Ngay sát bên, là nhiều đảo nhỏ không người, đơn côi, tưởng như chỉ cần vục tay xuống nước là có thể vớt lên vẩn vướ, nâng niu. Rình bắt bình minh và hoàng hôn như trò chơi trốn tìm, lúc được, lúc mất và được mất cũng chỉ thoáng trong giây lát. Có khi suốt nhiều ngày, không thấy bình minh mà cũng chẳng

gặp hoàng hôn, trời đất đồng lõa âm u... Rồi từ đường chân trời ửng hồng, mặt trời cũng nhô lên, e ấp ngơ ngàng như lần đầu tiên có mặt trên đời. Chỉ trong chốc lát, mặt trời vàng rực lộ nguyên dáng hình. Những dáng đảo và tàu thuyền một màu thẫm đen bí hiểm hằn bóng trong ửng hồng trời biển. Cũng mặt trời này, khi bình minh thì thanh thản, tinh khôi và huyền ảo, lúc hoàng hôn thì trĩu nặng cô liêu, nhưng nhớ và nuôi tiếc. Ấy là bởi luôn có sự giao thoa, đồng điệu theo nhịp đập thời gian giữa lòng người và thiên nhiên...

Rồi cũng đến giờ phút tạm biệt đảo. Tìm không ra chị chủ nhà trọ kiêm chủ xe gắn máy. Tôi điện thoại cho chị và được nghe giọng nói rất chân tình, rằng anh cứ ra bến tàu, để xe chỗ nào cũng được, tiền thuê phòng và xe, chìa khóa phòng và chìa khóa xe cứ bỏ vào trong cốp xe, ở đây yên lành lắm, anh yên tâm, rất mong ngày trở lại đảo.

Bến tàu nhộn nhịp khách và hàng hóa, loáng cái đã trở nên vắng vẻ. Tàu nhẹ nhàng rời bến. Tôi trở lên boong tàu lặng ngắm toàn cảnh hòn đảo ngày một nhỏ dần trong nắng chiều. Trời xanh, biển xanh, đảo xanh và người dân đón hậu khuất dần trong tầm mắt nhưng ngày càng lấn tràn trong tâm trí. Hẹn với lòng, dẫu có say sóng thì cũng sẽ trở lại Nam Du, một góc biển trời thân thương của tổ quốc. ■

** Ảnh của tác giả*

Tản mạn về những chuyến đi

TRẦN ĐỨC TUẤN

Khu vực Bắc Âu có hai địa danh rất nổi tiếng là “Biển Baltique” và “Bán đảo Scandinavie”. Những nước có bờ biển Baltique bao gồm Nga, Phần Lan, Thụy Điển, Đức, Ba Lan, Đan Mạch, Estonie, Lestonie, Lituanie (9 quốc gia). Các nước được liệt vào bán đảo Scandinavie bao gồm Phần Lan, Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch và Islande. Riêng Đan Mạch ở sát ngay miền Nam Thụy Điển, nhưng hai nước chỉ được ngăn cách bằng nhiều eo biển, không có đường biên đất liền. Lạ lùng nhất là Islande, là một bán đảo rất xa bán đảo Scandinavie lại được gán vào vùng Scandinavie này. Việc phân vùng các địa khu trên thế giới chỉ là tương đối, rất nhiều trường hợp khó hiểu, hoặc được gọi theo thói quen. Ví dụ các quốc gia nằm giữa hai nước lớn Ấn Độ và Trung Quốc được gọi là “Đông Dương” (Indochine). Khi nói tới Đông Dương, người ta hiểu đó là ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia mà không hiểu rằng đó chỉ là “Đông Dương thuộc Pháp” và quên đi rằng Đông Dương gồm có sáu nước tức là Việt Nam, Lào, Campuchia, Thái Lan, Mã Lai (trước đây gồm cả Singapore) và Myanmar.

Na Uy nổi tiếng trong lịch sử xa xưa bởi là nơi xuất xứ của người Viking hùng mạnh, hiếu chiến; là nơi xuất phát của các binh đoàn Viking thiện chiến tung hoành khắp chốn. Điều nổi tiếng thứ hai là Na Uy có nhiều vịnh biển đẹp nhất thế giới, nằm giữa các khe núi rất cao, hùng vĩ, hiểm trở, trải dài trên 20.000km bờ biển vô cùng khúc khuỷu, hoa lệ, không nơi nào trên thế giới có thể so sánh. Điều cần nói tiếp theo là nước này có một ca khúc tuyệt vời, có thể làm say lòng cả thế giới; nó đẹp đẽ, lung linh, man mác, được ví như một “nỗi buồn Na Uy” kiểu điển; xin chép ra đây vài đoạn ca từ để cùng tham khảo. Bài hát có tên là *Khúc hát nàng Solveig* có giai điệu rất quyến rũ:

Mùa đông dù trôi qua nhưng bóng dáng xuân tươi phai dần, và lá trút không vương trên cành.

Dù bao năm tháng, mang bóng dáng đông qua xuân về, mang thương nhớ anh đi chưa về

Ngàn trùng dù có cách xa, em vẫn nhớ dù đến bao giờ, tình em không bao giờ phai.

Cầu mong ở nơi xa, anh vẫn sống yên vui thanh bình, nhớ những lúc mơ em bên mình.

Ở nơi xa ấy, ôm chiếc bóng cô đơn trong lòng, và nỗi nhớ mênh mông vô cùng...

Vài nét về Na Uy trên đây chỉ là một “mở ngoặc” cần thiết khi nói về Scandinavie, về quốc gia láng giềng nổi tiếng của Thụy Điển và của các nước Baltique.



Cầu Vasco Da Gama

Lại xin trở về với Thụy Điển, mang theo nỗi nhớ của nàng Solveig sâu lắng, thiết tha, da diết, làm rung động hàng triệu trái tim đa cảm; đặc biệt là giai điệu huyền diệu đầy ma lực, mềm mại, tràn ngập tình yêu của nó.

Thụy Điển là quốc gia láng giềng gần gũi của Na Uy, Đan Mạch và Phần Lan; trong đó chỉ có Phần Lan theo chế độ cộng hòa, còn lại ba nước đều là vương quốc. Thụy Điển phân cách biên giới với Na Uy ở phía Tây bằng một dãy núi dài như Trường Sơn nằm giữa Việt Nam và Lào; và phân cách với Phần Lan bằng vịnh lớn Botnie của biển Baltique. Nếu núi chiếm 3/4 diện tích Việt Nam thì tỷ lệ đó của Thụy Điển là 2/3. Giống như Việt Nam, cả ba nước Na Uy, Phần Lan và Thụy Điển có chiều dài lãnh thổ song song với kinh tuyến nên khí hậu rất đa dạng (chênh lệch nhiệt độ khí hậu Nam-Bắc rất cách biệt). Nhiệm vụ của chúng tôi là thực hiện hành trình bằng xe lửa từ Stockholm tới thành phố ven biển là Malmö ở cực Nam đất nước. Nếu so với bản đồ Việt Nam thì Stockholm nằm ở Nha Trang còn Malmö ở tại mũi Cà Mau.

Hầu hết các quốc gia nằm trong khu vực Scandinavie và Baltique trong quá khứ luôn có mối quan hệ vừa gần bó vừa kinh địch, ảnh hưởng tương tác với nhau rất phức tạp, mà nguyên nhân chủ yếu là tranh giành, phân chia lãnh thổ và quyền lực. Sau đây là một vài chi tiết đáng chú ý:

- Từ năm 1397, ba nước Thụy Điển, Na Uy và Đan Mạch đã có chung một ngôi vua. Suốt cả thế kỷ sau đó Thụy Điển làm mọi cách để tách khỏi hai nước kia, và cố tranh giành vùng Scandinavie với Đan Mạch.



Một vịnh biển ở Na Uy

- Từ năm 1523, Thụy Điển bắt đầu có vai trò nổi bật trong vùng; đặc biệt, từ 1611 luôn giữ địa vị chủ đạo trong liên minh Tin Lành ở Bắc Âu và trở thành một cường quốc thực sự, đánh tan “Đế quốc Baltique” gồm Phần Lan, Estonie, Lestonie và vùng Bắc Đức.

- Từ 1700 đến 1721, thất bại trong “Chiến tranh 30 năm” với Nga và Ba Lan, đánh mất vai trò bá chủ biển cả vào tay Nga. Bước ngoặt lớn nhất cho thời kỳ suy thoái là thất bại trong trận đánh ở Poltava năm 1709, một thành phố ở Ukraine.

- Vương triều hiện tại của Thụy Điển khởi đầu bằng việc lên ngôi của một người Pháp do ông được chọn làm con nuôi kế vị của nhà vua Thụy Điển trước đó không có con nối dõi.

- Năm 1905, vua Osca đệ nhị của Thụy Điển từ chối, không kiêm nhiệm ngôi vua của Na Uy, đánh dấu sự tan vỡ của liên minh Thụy Điển-Na Uy.

Qua một vài sự kiện lịch sử liên quan đến Thụy Điển và của chính bản thân Thụy Điển, ta thấy rất rõ chính trường và chiến trường trong lịch sử vùng Bắc Âu để lại dấu ấn mạnh mẽ, giàu cảm xúc tới mức nào đối với hậu thế.

Hiện tượng người nước này sang làm vua ở nước kia ở châu Âu, đặc biệt là vùng Bắc Âu, thực ra không quá hiếm. Nguyên nhân cụ thể thì nhiều, nhưng đều xoay quanh việc tranh giành quyền lực, tham vọng bành trướng bá quyền, tương quan lực lượng, danh vọng của các dòng họ quý tộc đế vương... chẳng khác gì thời Đông Chu liệt quốc bên Tàu, cũ rích, mấy ngàn năm qua không hề thay đổi, bởi đó là bản chất. Ví dụ về một nước Bắc Âu khác là Hà Lan. Nước này đã từng bị các nhà quý tộc Burgundy ở Pháp cai trị; sau đó, vận mệnh đất nước lại rơi vào tay dòng họ Habsbourg của Áo, rồi lại bị dòng họ cũng là Habsbourg nhưng của Tây Ban Nha thống trị... hoặc một vị quốc trưởng của Hà Lan trở thành vua của cả nước Anh...

Lại xin trở về với đường tàu, với xe lửa. Phương tiện giao thông này ở châu Âu vài thập niên qua đã có một bước tiến lớn về tốc độ, về công nghệ hiện đại, về tiện nghi quý phái... không còn cảnh “... Ngàn đời không đủ sức đi mau... Kéo những toa đầy, nặng khổ đau...” như trong con mắt của Tế Hanh nữa. Tốc độ tối đa của xe lửa ở Thụy Điển lúc chúng tôi làm hành khách là 230km/giờ (còn thua khá xa Pháp và Nhật); tuy nhiên, tàu chạy rất êm. Các nhà ga phần lớn đều rất đẹp, rất xứng đáng là của một quốc gia thịnh vượng, tân tiến. Rõ ràng chỉ riêng các nhà ga xe lửa trên thế giới đã đủ khả năng hình thành một phần bộ phận di sản kiến trúc siêu đẳng của nhân loại để truyền lại cho hậu thế. Những nhà ga như Đà Lạt, Hà Nội; các nhà ga cổ kính ở Nga như Yaroslavl, Belorussie tại Moskva (Mạc Tư Khoa) xứng đáng là những cung điện đế vương lộng lẫy, đáng tự hào của “nền văn minh xe lửa”.

Tàu chạy rất êm vì không rung, vì đường tàu rất phẳng: những đoạn phải lượn vòng bao giờ cũng có bán kính lớn đảm bảo tuyệt đối an toàn cho tàu chạy cao tốc; các đoạn chạy qua đồi núi thấp đều được đào hầm để triệt tiêu độ cong theo phương thẳng đứng. Tiếng ồn chạy tàu hầu như cũng bị triệt tiêu vì hệ thống cách âm rất tốt. Các cánh cửa kính đều được đóng mở theo kiểu cửa lùa, không có sự rung động.

Từ Stockholm tới Malmö chỉ dài khoảng 650km, ngắn hơn đoạn Nha Trang tới Đất Mũi, chạy theo hướng Bắc-Nam. Cư dân Malmö chỉ khoảng 250.000 người. Họ có hẳn một đội bóng mạnh tranh tài tại giải vô địch quốc gia thuộc đẳng cấp cao nhất. Thành phố là một đô thị duyên hải được bao bọc bởi một vùng biển rộng dày đặc các eo, các vịnh, các đảo của cả Thụy Điển và Đan Mạch.

Giống như ở Phần Lan, ở Thụy Điển ngành đường sắt được cả lịch sử và xã hội trân trọng. Nhiều hình ảnh giàu cảm xúc trong nhiều khoảnh khắc lịch sử

của ngành từ khi ra đời gây chú ý thiện cảm cho hành khách và dân chúng được trưng bày ở các đô thị, các nhà ga, trong đó những cảnh tượng như sân ga, những tuyến đường, những ga lớn nhỏ giữa các cánh rừng bạt ngàn... chìm trong băng tuyết, giá lạnh, vô cùng gợi cảm. Đó là đặc trưng của ngành giao thông này, ở bất cứ nước nào, nhất là đối với các quốc gia dài rộng. Cảm giác tiêu biểu gieo vào lòng người được thể hiện trong các cụm từ hết sức lãng mạn như “trường hành”, “quạnh hiu”, “thanh vắng”, “hẻo lánh”, “cô đơn”, “lầm lũi”, “tự lự”, “lơ đãng”, “phong trần”, “phớt đời”, “an phận”, “biệt lập”, “chại sạn”, “sầu thương”, “phiêu lưu”, “trôi dạt”, “lang bạt”, “giang hồ”... Nói chung, mọi hình ảnh về một anh chàng lãng tử thích nay đây mai đó, bất cần đời, màn trời chiếu đất, ngang tàng khí phách... đều có thể gán cho chàng hiệp sĩ hỏa xa kiêu sa đầy bản lĩnh dọc ngang khắp gầm trời...

Mỗi khi nhớ lại một tiếng còi tàu, một đụn khói trắng của đầu máy hơi nước xa xưa, những âm thanh chạy tàu xình xịch giữa trời đêm, lòng lại thấy băng khuôn, lại muốn lên đường.

Dù đang lang thang cùng đoàn tàu lạ ven bờ Baltique thật xa xôi mà lòng vẫn tơ vương tới một chiều Hải Vân sương khói ỳ ạch leo đèo, cùng tiếng còi vang vọng nặng nhọc cô đơn khiến cả núi rừng xao xuyến, và nhớ tới những vần điệu bất hủ trong “Vu vơ” và “Những bóng người trên sân ga” của hai hồn thơ tài hoa lỗi lạc Tế Hanh và Nguyễn Bính...

Còn nhớ những lần ngồi tàu Xuyên Việt Sài Gòn-Hà Nội, khi qua hai đèo Hải Vân và Khe Nét đầy hiểm trở, thơ mộng, phiêu lưu. Trên toàn tuyến, chỉ có hai đoạn đèo này cần tới hai đầu máy - một kéo, một đẩy - vào thời những năm 1970-1980 khi chưa có đầu máy công suất lớn. Có một lần cả đoàn tàu đã thoát khỏi tử nạn trong gang tấc. Hôm đó cả gia đình tôi đều có mặt trên tàu, chạy từ Nam ra Bắc. Vừa rời khỏi ga Hải Vân Bắc trên đỉnh đèo được khoảng vài phút thì tàu mất thăng, lao vun vút về phía trước. Nhiều người đã bàn nhau nhảy khỏi tàu nhưng chẳng ai dám liều lĩnh. Cứ thế tàu lao đi như tên bắn và nghiêng ngả như sắp lật ở những khúc quanh, rồi nhanh chóng vượt qua các ga Lăng Cô, Thừa Lưu và chỉ dừng lại được trước khi tới ga Cầu Hai. Thật hú vía, để đời, như vừa trải thêm một cung bậc.

Sự khác biệt cơ bản về hỏa xa giữa ta với các nước là khổ đường đơn Việt Nam quá nhỏ, quá lạc hậu; chỉ có 1m so với 1m435 đường đôi của hầu hết các nước trên thế giới. Chiều ngang đường đôi của họ chỉ lớn gấp ba lần đường đơn của ta, nhưng rõ ràng về đẳng cấp thì khác xa, khác rất xa. Chúng ta chần chừ suốt 45 năm qua là có ý đợi làm luôn cao tốc, nhưng quá tốn kém, vượt quá tầm chịu đựng của ngân sách; hơn nữa, hầu hết các hệ thống cao tốc trên thế giới đều đang làm ăn thua lỗ...

Chúng ta để tồn tại một hiện trạng lạc hậu quá lâu là một sai lầm, và nếu còn mơ về một hệ thống cao tốc

viển vông có thể sẽ là một sai lầm tiếp theo!

Đoàn tàu đi Malmö, giống như đoàn tàu Nga từ Mạc Tư Khoa đi St. Pétersbourg. Toàn tuyến từ thủ đô trở đi có nhiều đồi thấp, mỗi quả đồi là một đường hầm hỏa xa. Rừng rất nhiều, nên sản phẩm gỗ cao cấp là một thế mạnh. Tàu cao tốc có hai đầu máy (một kéo một đẩy). Giá vé buổi sáng 60€ (ký hiệu đồng tiền Euro), buổi chiều 80€, giờ cao điểm 90€. Một lon bia lớn hơn bia 333 của ta một chút giá 3€. Tàu chạy rất êm nhưng mỗi lần chui hầm đều ù tai mà hầm thì quá nhiều. Đoàn tàu chúng tôi đi có tên X2000. Tốc độ trung bình 185km/giờ; 6 toa; 350 hành khách; mỗi ngày có mười chuyến nhanh đi Malmö; tàu chậm (đỗ các ga lâu) rất nhiều.

Xin mở ngoặc thêm về đoàn tàu Mạc Tư Khoa đi St. Petersbourg. Đây là tuyến ngắn của nước Nga, chỉ trên 700km, nhưng là đoạn đường sầm uất nhất của đất nước; hiện đại, lịch sự, sang trọng. Người Việt ở Nga bao năm qua thường quen gọi tắt tuyến đường này là tuyến Mas-Len, nghĩa là Mạc Tư Khoa đi Leningrad (Tuyến Stockholm-Malmö cũng có vai trò quan trọng tương tự và giống như tuyến Hà Nội-Sài Gòn).

Vậy là người Nga đã đưa chúng tôi bằng đoàn tầu liên vận quốc tế sang trọng từ cố đô St. Pétersbourg đến Helsinki. Và rồi người Phần Lan đưa chúng tôi sang Stockholm để tiếp tục hành trình hỏa xa xuyên lục địa không phải bằng xe lửa mà là một con tàu du lịch khổng lồ sang trọng như một tòa lâu đài di động lang thang trên biển cả mang tên Gabriella của hãng tàu du lịch Viking, do Croatia đóng năm 1992; dài 171,20m - ngang 27,60m - mớn nước 6,40m - vận tốc 21,5 dặm - công suất máy 24.000kw - hành khách 2.420 người (2.420 giường ngủ cho khách) - 400 xe hơi, và một diện tích khổng lồ cho hàng hóa. Tuy nhiên, đó mới chỉ là một phần nhỏ diện tích. Phần lớn hơn nhiều dành cho thủy thủ đoàn; cho hàng ngàn nhân viên trên tàu; cho các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao, vui chơi, giải trí, ăn uống, chăm sóc sức khỏe, nhan sắc, y tế, tiệc tùng, thương mại, dịch vụ, đọc sách...

Con tàu mà tôi đã đi, vượt Đại Tây Dương, Địa Trung Hải, Hắc Hải cách đây vừa đúng nửa thế kỷ, do người Anh đóng, kinh doanh du lịch, rồi bán lại cho người Nga, cũng giống như một cung điện nổi khổng lồ, sang trọng, cực kỳ lãng mạn, thể hiện sinh động trí tưởng tượng, óc sáng tạo tài tình trong “nghệ thuật ăn chơi” của con người. Một trong những hoạt động lý thú nhất của cuộc đời một con người là di chuyển, mà di chuyển bằng tàu thủy du lịch là một sáng tạo tuyệt đẹp trên đời.

Ba quốc gia Scandinavie là Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển là những xứ sở gần như trong truyện cổ tích hiện đại trước con mắt nhiều dân tộc khác. Nó gần như mẫu mực về sự thanh bình, sung túc và hạnh phúc. Đường phố của họ rất thưa vắng, sạch sẽ. Dân cư có dáng người cao to, cường tráng, quý phái, giản dị.



Tuy là tàu nhanh nhưng cũng dừng lại ở các ga Näsjsjö, Alvesta, Haesleholm, Lund. Tới Malmö thì rời đoàn tàu tám toa để sang một con tàu chỉ có ba toa đi Copenhagen. Đây là đoạn đường xe lửa rất độc đáo, khác biệt và lý thú trên toàn tuyến xuyên lục địa của chúng tôi. Đường chỉ dài 45km, phần lớn đi trên biển, vượt qua các cầu nối liền các eo biển rộng hẹp chi chít. Trong 45km chiều dài thì chủ yếu là trên cầu, thỉnh thoảng mới trên đất liền hoặc hầm xuyên núi. Tổng cộng các đoạn cầu trên biển phải dài khoảng 30km.

Copenhagen nằm trên bờ một bán đảo của Đan Mạch, cũng thuộc Baltique.

Theo nhiều nguồn tin thì cây cầu nhiều đoạn vượt biển mà chúng tôi vừa đi qua là cầu biển vào loại dài nhất thế giới. Nhân việc được chiêm ngưỡng và sử dụng kỳ công giao thông độc đáo này, xin được đề cập thêm đôi ba công trình cầu đường nổi tiếng khác.

- Cầu Long Biên ở Hà Nội dài 2.700 mét là cây cầu đường sắt dài nhất trên tuyến liên vận quốc tế từ Hà Nội tới Mạc Tư Khoa dài 12.000km.

- Cây cầu đường bộ Vasco Da Gama ở Bồ Đào Nha dài 17km thật sự kỳ vĩ mà chúng tôi may mắn được chiêm ngưỡng từ trong xe hơi trong lộ trình từ Bồ Đào Nha sang Tây Ban Nha.

- Cầu vượt sông Hoàng Phố ở Thượng Hải. Con sông rất rộng, tàu lớn qua lại nhiều, vì vậy phải xây thật cao. Để không cần xây đường dẫn thật dài, phải giải tỏa tốn kém, người ta xây đường dẫn ở hai đầu cầu bằng những đường vòng xoắn tròn ốc, cao dần để dẫn vào đoạn cầu vượt qua mặt sông.

- Cây cầu cao nhất thế giới ở Cuba bắc qua hai đỉnh núi, giữa là khe sâu hun hút.

- Cây cầu dây văng ở hạ lưu sông Seine tại vùng Normandie hạ, thành phố Caen, cực kỳ tráng lệ và hùng vĩ.

- Cầu Đông Hải ở Thượng Hải là cầu biển dài nhất thế giới (32,5km).

- Cầu vịnh Hàng Châu vượt biển xây sau Đông Hải, dài tới 35,2km, đưa Đông Hải xuống hàng thứ hai thế giới.

- Các cây cầu dây văng Mỹ Thuận, Cần Thơ, Nhật Tân là những tác phẩm kỳ vĩ của Việt Nam.

- Hàng loạt cầu trên sông Seine ở Paris đều là những tác phẩm trứ danh tô điểm và nâng tầm mỹ quan đáng kể cho dòng sông và cho cả thủ đô. Trong số đó nổi bật nhất về vẻ đẹp tráng lệ, rực rỡ, quý phái là cầu Alexandre đệ tam, ở ngay sát cặp lâu đài hoa lệ bậc nhất của kinh thành là Le Grand Palace và Le Petit Palace. Alexandre đệ tam là Sa hoàng Nga, người đã giúp Pháp đánh bại Phổ. Khi xây cầu, vua Nga Nicolai đệ nhị (khi đó còn là thái tử) đã sang Paris dự lễ khởi công. Vị Thái tử này đã từng đến Việt Nam. Ông bị lật đổ năm 1917 và bị giết.

Ngoài các "tác phẩm lớn" như vừa kể, còn có một số cầu nhỏ rất nổi tiếng do trí thông minh của con người:

- Ông thị trưởng mua cầu: Tại một thị trấn ở miền Nam nước Mỹ, ông thị trưởng muốn thu hút nhiều khách du lịch, bèn sang nước Anh hỏi mua một cây cầu cổ có tuổi đời lớn hơn cả nước Mỹ, tháo dỡ ra đem về Mỹ lắp ráp lại, lập bia ghi lại sự tích cây cầu. Chẳng bao lâu, khách tứ phương đổ về tham quan làm cả thị trấn giàu lên. Thị trấn bên Anh khách tới thăm cũng rất đông vì người Anh đã cho xây lại cây cầu giống hệt, đúng chỗ cũ, rồi thông báo về việc đã bán cầu. Nhờ sự thông minh mà cả hai đều giàu lên trông thấy.

- Ở Tây Hồ (Hàng Châu, Trung Quốc) có một cây cầu nhỏ chỉ khoảng 20 mét, có tên là "Trường Kiều" với sự tích xa xưa: Chúc Anh Đài tới tiễn Lương Sơn Bá, hai người không nỡ chia tay; người nọ đưa tiễn người kia tới đầu cầu, rồi người kia cũng làm ngược lại đúng như thế. Rốt cuộc, họ đi đi lại lại trên cầu suốt một ngày. Kết quả, ông quan sở tại thông minh đã đặt cho cây cầu cái tên "Trường Kiều". Người dân lý giải rằng nếu đặt tên là "Lương Sơn Bá-Chúc Anh Đài" hoặc "Tinh Yêu" hoặc "Tiễn Biệt" đều sẽ chẳng có ai để ý, không thể gọi trí tò mò. Ngày nay, khách thập phương tới Hàng Châu không thể ra về nếu chưa tới thăm Trường Kiều.

Riêng thành phố Hồ Chí Minh có rất nhiều cây cầu lớn nhỏ, mới cũ, trên sông lớn, trên kênh rạch nhỏ. Nhưng theo tôi, đẹp nhất là cây "Cầu Mống". Đó thực sự là một tác phẩm nghệ thuật, có linh hồn, với tâm trạng "chỉ luôn đi bên cạnh cuộc đời" suốt bao năm tháng.

Vài dòng tản mạn trên đây xuất phát từ một ký ức nhỏ nhưng rất sâu đậm: Chúng tôi ngồi xe hơi từ bến tàu thủy chạy tới ga xe lửa. Dọc đường đi qua nhiều đoạn sông đẹp dưới chân các lâu đài, cung điện, nhà thờ, tu viện với những cây cầu diễm lệ đầy sức quyến rũ, vừa lộng lẫy kiêu sa vừa lãng tử mơ màng. Xe chạy rất nhanh vì vội. Nếu không thì sản phẩm truyền hình của chúng tôi đến với khán giả sẽ có thêm một trường đoạn như đang "lạc vào cõi mộng" giữa lòng Stockholm ven bờ Baltique đầy ma lực vậy. ■

Đang phát hành

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đóng bộ tập 1 & 2 năm 2019



Mọi chi tiết xin liên hệ

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3, TP. Hồ Chí Minh

Phòng Phát hành: (84-28) 3848 4335



CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ

SEN AN



Senan
KẾT NỐI YÊU THƯƠNG
ĐẶC BIỆT:
ƯU ĐÃI CHO QUÝ
TÀNG NI VÀ ĐẠO
TRANG PHẬT TỬ
CÁC CHÙA

ẤN ĐỘ - TIỂU TÂY TẠNG - NEPAL 17N16Đ chư Tăng Ni: 23,500,000đ, Phật tử: 31,500,000đ
ẤN ĐỘ - NAM AN - MUMBAI - NEPAL 18N17Đ chư Tăng Ni: 31,500,000đ, Phật tử: 36,000,000đ
ẤN ĐỘ - NEPAL 14N13Đ chư Tăng Ni: 23,500,000đ, Phật tử: 29,500,000đ
ẤN ĐỘ (Tu tập tại Bồ Đề Đạo Tràng, bay hãng Thái Airway): 7N6Đ: 23,500,000đ - 9N8Đ 26,500,000đ
Chiếm bái TÂY TẠNG - thủ phủ LHASA: 6N5Đ 37,990,000đ
PHỐ ĐÀ SƠN - THƯỢNG HẢI - HÀN CHÂU - TÂY ĐƯƠNG: 6N5Đ 15,688,000đ
Chiếm bái Tứ Đại Danh Sơn Trung Hoa: 12N11Đ: 39,990,000đ (Buffet, hotel 4*)
Chiếm bái thánh tích "LỤC TỔ" - nơi vị tổ sư hành đạo: 10N9Đ: 39,990,000đ
PHƯƠNG HOÀNG CỔ TRẦN 6N5Đ: 14,890,000đ (Buffet, hotel 4*)
SINGAPORE-MALAYSIA-INDONESIA 6N5Đ: 10,700,000đ (Buffet, hotel 4*)
SINGAPORE-MALAYSIA 6N5Đ: 9,990,000đ (Buffet, hotel 4*)
SEOUL - NAMI-EVERLAND 5N4Đ: 13,990,000đ (Buffet, hotel 4*)
ĐẢO NGỌC PHẬT GIÁO SRI LANKA 7N6Đ: 27,500,000đ (Buffet, hotel 4*)
CAM-THAI-LAO-MYANMAR 12N11Đ: 9,990,000đ (hotel 3*-4*, xe CAO CẤP)
CAM-THAI 6N5Đ: 3,990,000đ (hotel 3*-4*, xe CAO CẤP)
BANGKOK - PATTAYA 5N4Đ: 5,990,000đ (Buffet, hotel 4*)
MYANMAR - YANGON - TÀNG ĐÁ VÀNG 5N4Đ: 11,900,000đ (Buffet, hotel 4*)
BHUTAN 7N6Đ: 45,900,000đ (Buffet, hotel 4*)
NHẬT BẢN 5N4Đ: 27,500,000đ (Buffet, hotel 4*)
ĐÀI LOAN 5N4Đ: 10,500,000đ (Buffet, hotel 4*)
HONGKONG 4N3Đ: 11,900,000 (Buffet, hotel 4*)
DUBAI 5N4Đ: 23,880,000đ (Buffet, hotel 4*)

Giấy phép quốc tế: 79-918/2018

Bán vé máy bay giá rẻ đi Mỹ, Úc, CANADA... và dịch vụ làm visa các nước.

**SEN AN NHẬN THIẾT KẾ TOUR AN ĐỘ VÀ CÁC NƯỚC THEO YÊU CẦU,
NHẬN TỔ CHỨC SỰ KIỆN CHO CÁC CHÙA VÀ ĐẠO TRANG**

ĐC: 896A/10 HẬU GIANG, PHƯỜNG 12, QUẬN 6, TP.HCM

ĐT: 028.627.59.627 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - (077.800.1068)

Web: dulichsenan.com - Email: senantour@gmail.com - Fb: Sen An Tour



D H A R M A G A R D E N

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX - TM
QUANG NGHỆ
QUANG NGHỆ CO., LTD.
NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm
Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
- Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com

KÍNH MỜI ĐẶT MUA *Tạp chí VĂN HÓA PHẬT GIÁO* - NĂM 2020

Trân trọng kính mời chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử và bạn đọc gần xa
hoan hỷ đặt mua *tạp chí Văn Hóa Phật Giáo* - năm 2020.

+ Quý khách có thể chọn đặt mua:

- 12 số đầu năm: 365.000đ
- 12 số cuối năm: 365.000đ
- Trọn năm 2020: 720.000đ (ưu đãi: chiết khấu 5%)

+ Phương thức thanh toán:

Quý khách hoan hỷ trả tiền theo một trong những phương thức sau đây:

- Đóng trực tiếp tại tòa soạn - Ban Phát hành.
- Thanh toán tại địa chỉ độc giả đăng ký (chỉ áp dụng đối với quý độc giả lớn tuổi tại các quận nội thành TP.HCM).
- Thông qua đường bưu điện.
- Chuyển khoản: **Tài khoản Tạp chí VHPG. Số 0071001053555, Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh TP.HCM**

Quý khách hoan hỷ đăng ký với Ban Phát hành bằng điện thoại: (84-28) 3848 4335

Ban Phát hành - *Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo*, số 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM.

VĂN HÓA
P H A T G I A O

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm
xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa
truyền thống của dân tộc.

THÔNG BÁO

Về việc cho Tăng Ni sinh khóa IX (2020 - 2023) tập trung Tu Học Nội Trú.

Căn cứ Công văn số 1231/SGDĐT-VP ngày 28/04/2020, của Sở Giáo Dục và Đào Tạo tỉnh Đồng Nai, về việc học sinh, sinh viên đi học trở lại sau thời gian tạm nghỉ học thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19 trong các trường học trên địa bàn tỉnh.

Nay Ban Giám Hiệu Trường Trung Cấp Phật Học tỉnh Đồng Nai.

Trân trọng Thông báo:

1. Ngày học đầu tiên chính thức là thứ Hai ngày 18/05/2020 (26/04 Canh Tý).
2. Yêu cầu Tăng Ni sinh đã nộp đơn thi tuyển tập trung về trường để tu học.
3. Tất cả Tăng Ni sinh trên toàn quốc muốn tu học tại Trường Trung Cấp Phật Học tỉnh Đồng Nai khóa IX (2020-2023), nhưng chưa nộp hồ sơ, chưa thi tuyển vì lý do thực hiện công tác phòng chống dịch Covid-19. Nay vẫn tập trung về trường Tu Học, nhà trường sẽ cho thi tuyển đợt 2.

Tăng sinh: Liên hệ tại cơ sở Tăng, Chùa Phật Hiện, Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai, Phường Phước Tân - Thành Phố Biên Hòa.
ĐT. 0399 490 093.

Ni sinh: Liên hệ tại Cơ sở Ni, Chùa Huệ Giác, Trường Trung Cấp Phật Học Tỉnh Đồng Nai, xã Long Phước - Huyện Long Thành.
ĐT. 02513 558 626, 0918 852 846.

Kính thông báo đến quý vị Bồn Sư của Tăng Ni sinh biết để cho đệ tử tập trung về Trường tu học.

Trân trọng thông báo

Đồng Nai, ngày 16 tháng 05 năm 2020

BAN GIÁM HIỆU

Phó Hiệu Trưởng kiêm Chánh thư ký



Hòa Thượng THÍCH PHƯỚC TÚ

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

SỐ 346

Phát hành ngày 15 - 6 - 2020

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cô Trần Thị Trâm
Showroom Sách Thái Hà
119 C5 Tô Hiệu, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 0986644553

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh Đặng Văn Hợp
Trung tâm Văn hóa Liễu Quán
15A Lê Lợi, TP.Huế
ĐT: 0905842219

ĐÀ NẴNG

Thượng tọa Thích Từ Nghiêm,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP.Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

LÂM ĐỒNG

Chị Nguyễn Thị Kim Cúc
Số 9 hẻm 2 Đồng Tâm, P.8, TP.Đà Lạt
ĐT: 0911442459

Phòng phát hành chùa Phước Huệ
697 Trần Phú, TP.Bảo Lộc
ĐT: 0169 8287 177
(Cô Hường)

Trần Thị Linh Châu
PPH Chùa Linh Sơn
120 Nguyễn Văn Trỗi, P2, TP.Đà Lạt

KHÁNH HÒA

Chị Hương,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn,
chùa Long Sơn,
số 20 đường 23 tháng 10
TP.Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 038 2552 374

CẦN THƠ

Chị Tâm, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q.Ninh Kiều
ĐT: 0939282636

TIỀN GIANG

Đại lý Mây Hồng,
57 Lý Thường Kiệt, TP.Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

KIÊN GIANG

TT. Thích Minh Tiến,
Chùa Phổ Minh, 27 Cô Bắc, P. Vĩnh bảo,
Tp. Rạch Giá
ĐT: 0913 787 757

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
ĐT: 028 38 484 335

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong TP.HCM.

Giá: 22.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG